



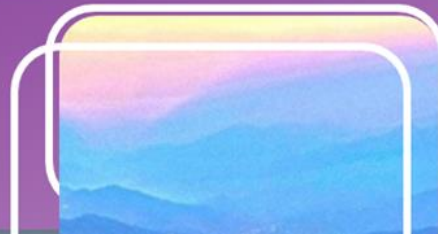
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

DDCI
LAI CHÂU

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG



BÁO CÁO 2023
DDCI LAI CHÂU



Đơn vị chủ trì, quản lý và thực hiện

UBND tỉnh Lai Châu

Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu

Cục Thống kê Lai Châu

Economica Vietnam

Nhóm chuyên gia

Lê Duy Bình

Phạm Tiến Dũng

Đông Thị Kiều Trang

Phạm Minh Tuyết

Nguyễn Thúy Nhi

Nguyễn Thị Hoài Hương

Lê Quỳnh Chi





ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

BÁO CÁO

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH LAI CHÂU NĂM 2023



Tháng 12/2023

MỞ ĐẦU

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2023 (DDCI năm 2023) là công trình đánh giá thực tiễn năm thứ tư về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại các Sở, ban, ngành và địa phương của tỉnh Lai Châu.

Kết quả đánh giá DDCI Lai Châu năm 2023 là việc thực hiện nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu giao Sở Kế hoạch và Đầu tư - Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch phối hợp với đơn vị tư vấn nghiên cứu, xây dựng báo cáo đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2023, Cục Thống kê tỉnh thực hiện khảo sát DDCI Lai Châu 2023; đơn vị tư vấn phân tích dữ liệu, hoàn thiện báo cáo đánh giá DDCI 2023.

Bộ Chỉ số DDCI năm 2023 được xây dựng dựa trên cơ sở tình hình thực tiễn tại tỉnh, kế thừa kết quả khảo sát Bộ Chỉ số DDCI tỉnh Lai Châu các năm trước đó; tham khảo Bộ chỉ số PCI của VCCI và một số mô hình khảo sát chỉ số DDCI của các tỉnh, thành trên cả nước. Một số nội dung được cập nhật để khắc phục hạn chế của Bộ chỉ số DDCI các năm trước đó; hiệu chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng khảo sát chỉ số PCI và chỉ số DDCI hiện nay của các tỉnh, thành trên cả nước.

Với sự tham gia khảo sát của hơn 1.200 doanh nghiệp, báo cáo DDCI Lai Châu năm 2023 nêu lên tiếng nói của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Hơn nữa, báo cáo này cũng khẳng định chính sách nhất quán về công tác điều hành kinh tế của tỉnh Lai Châu nói chung cũng như của các sở, ban, ngành và địa phương nói riêng. Đồng thời, báo cáo DDCI Lai Châu năm 2023 cũng chỉ ra những mặt còn tồn tại, hạn chế cần phải khắc phục và sự cầu thị, lắng nghe doanh nghiệp. DDCI giúp tất cả các đơn vị tham gia đánh giá, phân tích bức tranh chi tiết hơn về năng lực, kết quả và tác động của hoạt động điều hành kinh tế. Thông qua DDCI, tỉnh Lai Châu chân thành chuyển thông điệp đến cộng đồng doanh nghiệp về tầm nhìn phát triển hướng đến môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, công khai và hướng tới sự phát triển doanh nghiệp bền vững.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	4
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	6
DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ, HÌNH	7
CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG	10
1.1. Bối cảnh và sự cần thiết.....	10
1.2. Chỉ số thành phần và các chỉ tiêu	10
1.3. Quy trình thực hiện DDCI 2023	12
1.4. Tổ chức thực hiện.....	13
1.5. Đặc điểm mẫu khảo sát năm 2023	14
CHƯƠNG II: CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH.....	18
2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp Sở, ban, ngành.....	18
2.2. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp địa phương.....	19
CHƯƠNG III: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH	23
3.1. Kết quả điểm số DDCI cấp Sở, ban, ngành	23
3.2. Sự thay đổi kết quả của các Sở, ban, ngành	26
3.3. Kết quả các chỉ số thành phần	28
3.4. Kết luận tổng quan về điểm số và xếp hạng các Sở, ban, ngành trong DDCI Lai Châu năm 2023	39
CHƯƠNG IV: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG.....	41
4.1. Kết quả điểm số DDCI cấp địa phương	41
4.2. Sự thay đổi kết quả của các địa phương	42
4.3. Kết quả các chỉ số thành phần	44
4.4. Kết luận tổng quan về điểm số và xếp hạng các địa phương trong DDCI Lai Châu năm 2023	54
CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT.....	57
5.1. Kết luận.....	57
5.2. Đề xuất chi tiết cho các cơ quan.....	59
5.3. Đề xuất cho khảo sát DDCI Lai Châu các năm tới.....	65
TÀI LIỆU THAM KHẢO	67
PHỤ LỤC.....	69

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BQL KKTCK CK	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu
CCHC	Cải cách hành chính
CNTT	Công nghệ thông tin
CSTP	Chi số thành phần
DDCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
DN	Doanh nghiệp
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GTVT	Giao thông vận tải
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
KH&CN	Khoa học & Công nghệ
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
LĐ-TB&XH	Lao động - Thương binh & Xã hội
NN&PTNT	Nông nghiệp & Phát triển nông thôn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PCI	Provincial Competitiveness Index (Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh)
QLNN	Quản lý nhà nước
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VH, TT & DL	Văn hóa, Thể thao và Du lịch

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ, HÌNH

Danh mục bảng

Bảng 1.1. Mẫu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2023.....	14
Bảng 1.2. Mẫu khảo sát DDCI cấp địa phương năm 2023	15
Hình 4.1. Bản đồ kết quả DDCI cấp địa phương tỉnh Lai Châu năm 2023	42

Danh mục biểu đồ

Bảng 1.1. Mẫu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2023.....	14
Biểu đồ 1.1. Tỷ lệ trong mẫu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2023 theo lĩnh vực	15
Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ hộ kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau trong khảo sát	16
Biểu đồ 2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh của các DN/HTX qua DDCI cấp Sở, ban, ngành.....	18
Biểu đồ 2.2. Triển vọng kinh doanh của các DN/HTX qua DDCI cấp Sở, ban, ngành.....	19
Biểu đồ 2.3. Tỷ lệ theo doanh thu của các HKD qua DDCI cấp địa phương năm 2023.....	19
Biểu đồ 2.4. Triển vọng kinh doanh của các HKD qua DDCI cấp địa phương năm 2023	20
Biểu đồ 3.1. Điểm số DDCI Lai Châu cấp Sở, ban, ngành năm 2023	23
Biểu đồ 3.2. Điểm số DDCI Lai Châu khối Sở năm 2023	25
Biểu đồ 3.3. Điểm số DDCI Lai Châu khối các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh	25
Biểu đồ 3.4. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành trong DDCI năm 2023 và 2022.....	26
Biểu đồ 3.5. Thay đổi về thứ hạng của các Sở, ban, ngành trong DDCI năm 2023 và 2022.....	27
Biểu đồ 3.6. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”	28
Biểu đồ 3.7. Chỉ tiêu “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC.....	29
Biểu đồ 3.8. Điểm số CSTP “Tính năng động của Sở, ban, ngành”	30
Biểu đồ 3.9. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian”	31
Biểu đồ 3.10. Số lần thanh tra, kiểm tra ở các Sở, ban, ngành	32
Biểu đồ 3.11. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”	32
Biểu đồ 3.12. Chỉ tiêu “Xu hướng chi phí không chính thức giảm so với các năm trước”	33
Biểu đồ 3.13. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”	34
Biểu đồ 3.14. Điểm số CSTP “Hỗ trợ doanh nghiệp”	35
Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP “Thiết chế pháp lý”	36
Biểu đồ 3.16. Điểm số CSTP “Vai trò người đứng đầu”	37
Biểu đồ 3.17. Điểm số CSTP “Ứng dụng công nghệ thông tin”	38
Biểu đồ 4.1. Điểm số của DDCI Lai Châu cấp địa phương năm 2023	41
Biểu đồ 4.2. Mức thay đổi điểm số của các địa phương trong DDCI năm 2023 so với năm 2022.....	43
Biểu đồ 4.3. Mức thay đổi thứ hạng của các địa phương trong DDCI năm 2023 và 2022.....	44
Biểu đồ 4.4. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”.....	45
Biểu đồ 4.5. Tỷ lệ các HKD đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử (website) của địa phương để tìm kiếm, thông tin.....	46
Biểu đồ 4.6. Điểm số CSTP “Tính năng động của chính quyền địa phương”	46
Biểu đồ 4.7. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian”	47
Biểu đồ 4.8. Số lần thanh tra, kiểm tra ở các địa phương	48
Biểu đồ 4.9. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”	48
Biểu đồ 4.10. Chỉ tiêu chi phí không chính thức năm có xu hướng giảm so với các năm trước	49
Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”	49
Biểu đồ 4.12. Điểm số CSTP “Hỗ trợ doanh nghiệp”	50

Biểu đồ 4.13. Tỷ lệ HKD tham gia các chương trình hỗ trợ và tham gia các buổi đối thoại.....	51
Biểu đồ 4.14. Điểm số CSTP “Thiết chế pháp lý”.....	51
Biểu đồ 4.15. Điểm số CSTP “Vai trò người đứng đầu”	52
Biểu đồ 4.16. Điểm số CSTP “Ứng dụng công nghệ thông tin”.....	53
Biểu đồ 4.17. Điểm số CSTP “Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất”	54

CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG





CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Bối cảnh và sự cần thiết

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển kinh tế. Do đó, ở cả cấp quốc gia và địa phương, việc cải thiện môi trường kinh doanh đã trở thành nhiệm vụ quan trọng, là động lực mạnh mẽ và thiết yếu cho sự cải cách.

Theo đuổi sự thành công của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), nhiều địa phương trên khắp cả nước đã đưa ra chương trình hành động riêng, tập trung vào cải thiện và đạt được nhiều kết quả đáng chú ý. Trong số đó, Lai Châu nổi bật với những hành động thiết thực nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh một cách thực tế. Những nỗ lực này được thể hiện qua kết quả đo lường chỉ số năng lực cạnh tranh của Lai Châu (PCI). Cụ thể, điểm số PCI của tỉnh Lai Châu năm 2022 đã tăng lên 62,05 điểm từ 61,22 điểm của năm 2021, tăng 0,83 điểm. Tuy nhiên, thứ hạng của tỉnh Lai Châu đã giảm từ 56 xuống 57 trong danh sách toàn quốc. Điều này là một thách thức, và để duy trì và củng cố những cải tiến, chính quyền tỉnh đã triển khai Kế hoạch số 2492/KH-UBND về Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Lai Châu trong năm 2023. Đây được đánh giá là một bước đi mạnh mẽ, thể hiện sự nỗ lực và quyết tâm cải cách của Lai Châu, hướng tới mục tiêu cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách toàn diện.

Báo cáo DDCI Lai Châu năm 2023 tiếp tục khẳng định chính sách nhất quán về quản lý kinh tế của tỉnh, cũng như của Sở, ban, ngành và địa phương; tuy nhiên, báo cáo cũng chỉ ra những hạn chế và thách thức cần được khắc phục và chú ý đến, đồng thời lắng nghe ý kiến từ các cơ sở sản xuất kinh doanh. DDCI giúp tất cả các đơn vị tham gia đánh giá và phân tích chi tiết hơn về năng lực, kết quả và tác động của hoạt động kinh tế. Thông qua DDCI, tỉnh Lai Châu mong muốn truyền đạt thông điệp đến cộng đồng doanh nghiệp về tầm nhìn phát triển, hướng đến một môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, công khai và mục tiêu đạt được sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

1.2. Chỉ số thành phần và các chỉ tiêu

DDCI là chỉ số đo lường chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các cơ quan chính quyền cấp huyện, thị xã, thành phố và Sở, ban, ngành - những cấp chính quyền có tương tác trực tiếp với các cơ sở kinh tế trên địa bàn như DN, HTX, HKD và các nhà đầu tư. DDCI được thực hiện trên cơ sở đánh giá cảm nhận của cơ sở kinh tế và cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân đối với chính quyền cấp huyện, thị xã và các Sở, ban, ngành.

Cần lưu ý rằng DDCI không phản ánh toàn bộ mức độ hoàn thành công việc, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ chức năng của một Sở, ban, ngành hay của một địa phương mà chỉ đánh giá chất lượng quản trị công, điều hành kinh tế trong mối quan hệ tương tác với DN, HTX và HKD. Khi đánh giá tổng thể về mức độ hoàn thành công việc, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ chức năng của một Sở, ban, ngành

hay của một địa phương, cần kết hợp sử dụng DDCI với các chỉ tiêu khác và chỉ số khác như PAR-INDEX hay SIPAS để có cái nhìn công bằng và toàn diện.

DDCI được xây dựng gồm hai bộ chỉ số: (i) Chỉ số DDCI đối với cấp Sở, ban, ngành và (ii) Chỉ số DDCI cấp địa phương. Các chỉ số thành phần này có tính phổ quát chung và phù hợp với tất cả các đơn vị và do vậy là thang điểm chung với tất cả các đối tượng trong từng nhóm cơ quan chính quyền được đánh giá. Những chỉ số này được mô tả tóm tắt dưới đây:

- 1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin:** Chỉ số này đánh giá khả năng và sự dễ dàng khi DN, HTX, HKD có thể tiếp cận những thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh và mức độ hữu dụng của ứng dụng CNTT trong cung cấp thông tin tới các đối tượng kinh doanh.
- 2. Tính năng động:** Nội dung CSTP này tập trung vào các vấn đề như sự năng động, sáng tạo của các cơ quan chính quyền trong thực hiện các quy định chính sách của pháp luật và UBND tỉnh và hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn để tạo thuận lợi cho các DN, HTX, HKD.
- 3. Chi phí thời gian:** Chi phí này đo lường thời gian mà các DN, HTX, HKD phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh, cụ thể được đo lường bằng thời gian hay số lần đi lại cho việc tìm hiểu quy định, thủ tục, chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc với cơ quan có liên quan để thực hiện TTHC hoặc quy định của pháp luật, hoặc bằng thời gian DN, HTX, HKD phải dành cho việc tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra bởi các cơ quan quản lý.
- 4. Chi phí không chính thức:** Chỉ số này đánh giá về phạm vi và mức độ của các khoản chi phí không chính thức mà các DN, HTX, HKD phải bỏ ra khi thực hiện các TTHC, khi thực hiện các quy định pháp luật hoặc trong quá trình tương tác với các cơ quan chính quyền trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- 5. Cạnh tranh bình đẳng:** Chỉ số thành phần này đề cập đến sự đối xử công bằng giữa các cơ sở kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi gia nhập thị trường, khi tiếp cận các cơ hội kinh doanh, nguồn lực cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh, khi tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ. Cạnh tranh bình đẳng trong phạm vi khảo sát DDCI đưa ra được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các đối tượng kinh doanh với nhau theo hình thức sở hữu, theo quy mô của cơ sở sản xuất kinh doanh hay theo mức độ thân hữu với cơ quan chính quyền (ví dụ giữa DNNN với các cơ sở kinh doanh thuộc khu vực tư nhân, giữa DN, HTX, HKD lớn với DN, HTX, HKD nhỏ, giữa DN, HTX, HKD với DN, HTX, HKD “thân hữu” với chính quyền, giữa HKD với DN, HTX).
- 6. Hỗ trợ doanh nghiệp:** Nội dung chỉ số này tập trung đến các lĩnh vực thuộc chức năng của các Sở, ban, ngành và địa phương trong việc thu hút đầu tư, tạo điều kiện giúp các cơ sở kinh tế phát triển tốt nhất và đo lường mức độ hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, các chương trình, chính sách hỗ trợ có tác động tới hoạt động kinh doanh của các DN, HTX, HKD.
- 7. Thiết chế pháp lý:** Chỉ số thiết chế pháp lý nhằm xem xét, đánh giá các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố trong hiệu quả thực thi các quy định pháp luật, chính sách, chương trình trong phạm vi quản lý, hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cũng như công tác tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo của DN, HTX, HKD, tạo điều kiện thuận lợi, tránh các hành vi gây những phiền nhiễu, khó khăn cho đối tượng kinh doanh khi giải quyết các công việc, thủ tục hành chính.
- 8. Vai trò người đứng đầu:** Nội dung CSTP này tập trung vào các vấn đề như tính tiên phong, chủ động, tích cực của các cơ quan chính quyền trong thực hiện các quy định chính sách của

pháp luật và UBND tỉnh và hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn cũng như quyết liệt, kiên trì thực hiện các hành động cụ thể để tạo thuận lợi cho các DN, HTX, HKD.

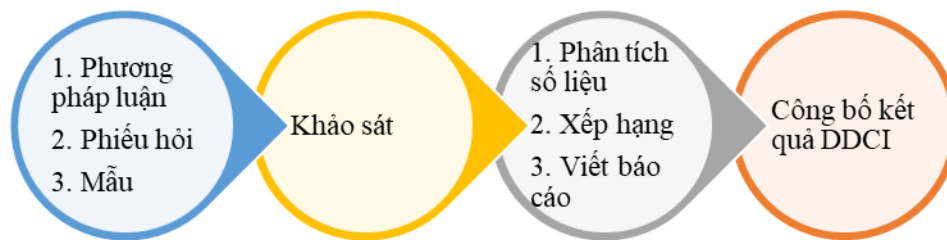
9. **Ứng dụng công nghệ thông tin:** CSTP này đánh giá thực trạng chuyển đổi số các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động của DN, HTX, HKD cũng như việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết các khó khăn, vướng mắc của DN, HTX, HKD.
10. **Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất:** Chỉ số này chỉ áp dụng đối với DDCI địa phương (huyện, thành phố). Chỉ số này chỉ đo lường mức độ thuận lợi có được địa điểm kinh doanh và tính minh bạch, hiệu quả của cơ chế giải quyết các thủ tục, quy trình về đất đai tại các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Các chỉ số thành phần của DDCI	
DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH	DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG
Chỉ số thành phần của DDCI được sử dụng nhằm đánh giá năng lực điều hành của cấp Sở, ban, ngành bao gồm 09 chỉ số:	Chỉ số thành phần của DDCI được sử dụng nhằm đánh giá năng lực điều hành của cấp địa phương gồm 10 chỉ số như sau:
<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin 2. Tính năng động của Sở, ban, ngành 3. Chi phí thời gian 4. Chi phí không chính thức 5. Cạnh tranh bình đẳng 6. Hỗ trợ doanh nghiệp 7. Thiết chế pháp lý 8. Vai trò người đứng đầu 9. Ứng dụng công nghệ thông tin 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin 2. Tính năng động của địa phương 3. Chi phí thời gian 4. Chi phí không chính thức 5. Cạnh tranh bình đẳng 6. Hỗ trợ doanh nghiệp 7. Thiết chế pháp lý và ANTT 8. Vai trò người đứng đầu 9. Ứng dụng công nghệ thông tin 10. Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất

1.3. Quy trình thực hiện DDCI 2023

Năm 2023 là năm thứ tư liên tiếp tỉnh Lai Châu triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI). Kết quả điều tra đã ghi nhận sự tham gia của các DN, HTX, HKD với 629 phiếu cấp Sở, ban, ngành và 600 phiếu cấp địa phương. Trong báo cáo này, các dữ liệu nếu không chú thích gì thêm sẽ được hiểu lấy từ kết quả của DN, HTX, HKD tham gia cuộc khảo sát DDCI Lai Châu năm 2023, không phải số liệu thứ cấp thống kê toàn bộ tại địa phương. DDCI Lai Châu 2023 được phối hợp thực hiện bởi UBND tỉnh Lai Châu - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh chủ trì phối hợp cùng Cục Thống kê tỉnh Lai Châu thực hiện điều tra khảo sát và Economica Vietnam là đơn vị tư vấn chuẩn bị các công tác chuẩn bị, xử lý số liệu, phân tích, xếp hạng và viết báo cáo.

Các bước triển khai DDCI Lai Châu năm 2023 được thực hiện theo các bước chính như sau:



Bước 1: Xây dựng phương pháp luận DDCI và phiếu điều tra: Xây dựng bộ chỉ số DDCI Lai Châu dựa trên việc nghiên cứu tình hình thực tiễn, đồng thời xây dựng các công cụ khảo sát và phân tích, xử lý dữ liệu.

Bước 2: Tiến hành điều tra đối với các cơ sở kinh tế (DN, HTX, HKD): DDCI Lai Châu khảo sát các DN, HTX, HKD thông qua khảo sát trực tiếp. Các phiếu thu về sẽ được rà soát nhằm đảm bảo chất lượng phiếu trả lời, sau đó sẽ được làm sạch và nhập liệu vào hệ thống xử lý dữ liệu.

Bước 3: Phân tích số liệu và xây dựng báo cáo xếp hạng: Đơn vị tư vấn sẽ thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu khảo sát, điều tra DDCI năm 2023, tính toán điểm số và xếp hạng các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố từ đó xây dựng báo cáo DDCI tỉnh Lai Châu năm 2023.

Bước 4: Công bố kết quả DDCI.

1.4. Tổ chức thực hiện

❖ Đối tượng được khảo sát

Các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh, hợp tác xã đang hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Lai Châu và có tương tác hoặc sử dụng dịch vụ hành chính công của các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. Cụ thể:

- Đối với khối Sở, ban, ngành và khối các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh: Đối tượng khảo sát là các DN và HTX đang hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Lai Châu và có tương tác hoặc sử dụng dịch vụ hành chính công.

- Đối với cấp huyện: Đối tượng khảo sát là các HTX và HKD cá thể đang hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Lai Châu và có tương tác hoặc sử dụng dịch vụ hành chính công của UBND cấp huyện.

❖ Đối tượng được đánh giá

Việc khảo sát, đánh giá sẽ được tiến hành đối với các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện được lựa chọn trên cơ sở nghiên cứu chức năng, nhiệm vụ có liên quan đến cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ Thời gian, thời kỳ thu thập dữ liệu

Thời gian điều tra, khảo sát: Từ 01/10/2023-25/11/2023.

Thời kỳ thu thập dữ liệu: Các thông tin khảo sát liên quan tới cảm nhận của đối tượng về tình trạng của vấn đề được hỏi tại địa phương huyện (thành phố) mình và ở các Sở, ban, ngành trong năm 2023.

❖ Loại điều tra

Điều tra chọn mẫu chủ yếu bằng phỏng vấn (sample survey interview).

1.5. Đặc điểm mẫu khảo sát năm 2023

❖ Mẫu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành

Năm 2023, Lai Châu đánh giá 21 Sở, Ban, Ngành trên địa bàn tỉnh, thu về 625 phiếu do DN/HTX có thực hiện thủ tục hành chính hoặc sử dụng dịch vụ công tại các Sở, ban, ngành.

Bảng 1.1. Mẫu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2023

Sở, ban, ngành	Số phiếu	Tỉ lệ %
QLTT	41	6.52 %
NN&PTNT	41	6.52 %
Công Thương	40	6.36 %
Xây dựng	40	6.36 %
Thuế	40	6.36 %
CA/PCCC	40	6.36 %
ĐKKD	39	6.20 %
Đất đai	39	6.20 %
BHXH/ BHYT	38	6.04 %
Tài chính	38	6.04 %
GTVT	36	5.72 %
GD&ĐT	31	4.93 %
Y tế	31	4.93 %
Lao động - TB&XH	29	4.61 %
Văn hóa, TT&DL	24	3.82 %
Tư pháp	21	3.34 %
KH&CN	19	3.02 %
TTTT, Viễn thông	12	1.91 %
Quản lý KCN/KKT	12	1.91 %

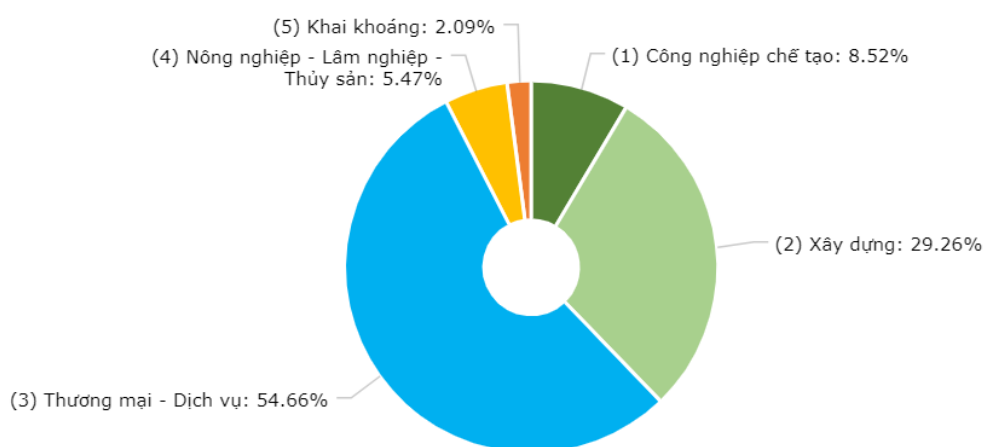
Sở, ban, ngành	Số phiếu	Tỉ lệ %
Hải quan	11	1.75 %
Ngân hàng nhà nước	7	1.11 %
Tổng	629	100%

Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2023)

Xét về thời gian thành lập, hầu hết các DN/HTX được thành lập trong vòng 10 năm trở lại đây, chỉ có khoảng 36,01% số DN/HTX được thành lập cách đây 10 năm trở lên. Tỷ lệ thành lập trong vòng 2 năm trở lại đây là gần 3,22%. Theo quy mô lao động, hơn một nửa số DN/HTX tham gia khảo sát có quy mô nhỏ dưới 10 lao động (50,24%) và hơn 36,75% DN/HTX có quy mô dưới 50 lao động, quy mô trên 50 lao động chiếm tỉ lệ nhỏ khoảng 13,01%.

Xét về lĩnh vực sản xuất kinh doanh, 54,66% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ, 29,26% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, 8,52% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp chế tạo, 5,47% DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản và DN/HTX hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng chiếm tỷ lệ 2,09%. DDCI quan tâm đến tất cả các doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh khác nhau, liên quan đến các Sở, ban, ngành. Mặc dù vậy, bức tranh tỷ lệ mẫu tại Lai Châu vẫn cho thấy những nét đặc trưng trong phân bố doanh nghiệp tại địa phương.

Biểu đồ 1.1. Tỷ lệ trong mẫu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2023 theo lĩnh vực



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, *Economica Vietnam* và Sở KH&ĐT Lai Châu (2023)

❖ Mẫu khảo sát DDCI cấp địa phương

Năm 2023, DDCI cấp địa phương được tổng hợp và phân tích dựa trên ý kiến của 600 chủ cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn 08 huyện, thành phố của tỉnh Lai Châu.

Bảng 1.2. Mẫu khảo sát DDCI cấp địa phương năm 2023

Địa phương	Số phiếu	Tỉ lệ %
Tp. Lai Châu	160	26,67 %

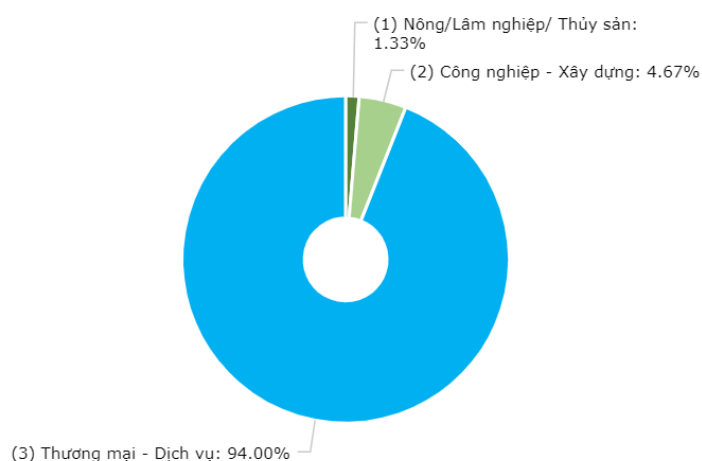
Địa phương	Số phiếu	Tỉ lệ %
H. Tam Đường	70	11,67 %
H. Phong Thổ	70	11,67 %
H. Than Uyên	70	11,67 %
H. Tân Uyên	65	10,83 %
H. Sin Hồ	60	10,00 %
H. Mường Tè	55	9,17 %
H. Nậm Nhùn	50	8,33 %
Tổng	600	100%

Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Tính theo thời gian đăng kí kinh doanh, phần lớn các HKD đều hoạt động dưới 10 năm, chiếm 77,50% và còn lại 22,50% HKD hoạt động trên 10 năm. Quy mô của các HKD cũng đa phần là có quy mô nhỏ, lẻ với số lượng lao động dưới 10 người, chiếm hơn 99,33% HKD tham gia khảo sát.

Theo lĩnh vực ngành nghề, chiếm đa số là các hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ (94,00%) tham gia khảo sát. Bên cạnh đó, DDCI ghi nhận 4,67% hộ kinh doanh hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, và 1,33% hộ kinh doanh làm về nông - lâm nghiệp - thủy sản. Đây cũng là đặc điểm phổ biến của các hộ kinh doanh tại Việt Nam, chủ yếu tập trung vào buôn bán nhỏ, lẻ với số vốn ít.

Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ hộ kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau trong khảo sát



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

CHƯƠNG II: CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH



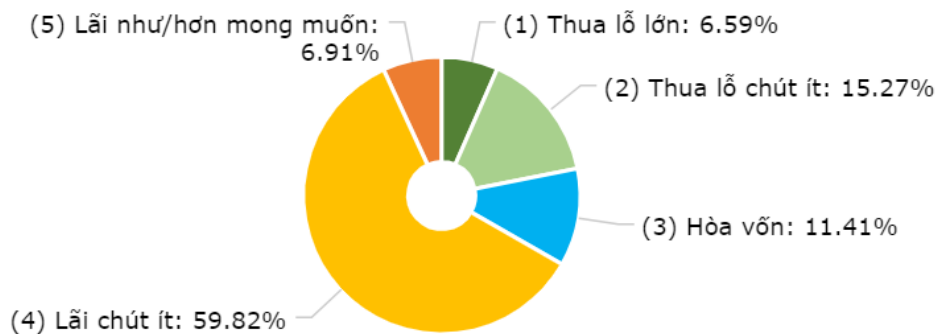


CHƯƠNG II: CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp Sở, ban, ngành

Kết quả khảo sát DDCI Sở, ban, ngành đưa ra góc nhìn chi tiết về hiện trạng kinh doanh của DN/HTX tại tỉnh Lai Châu trong năm 2023. Đáng chú ý là sự gia tăng về lợi nhuận, với 66,73% doanh nghiệp và hợp tác xã tham gia khảo sát có lãi, một sự gia tăng đáng kể khoảng hơn 10,0% so với năm 2022. Điều này thể hiện sự tăng cường khả năng sản xuất và quản lý tài chính của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế khó khăn. Tuy nhiên, có một điểm đáng lo ngại là tỉ lệ doanh nghiệp và hợp tác xã kinh doanh thua lỗ tăng lên, từ 18,91% trong năm 2022 lên 21,86% trong năm 2023. Điều này có thể là kết quả của nhiều yếu tố, bao gồm biến động của thị trường, chi phí tăng và mức độ cạnh tranh. Chính quyền và các bên liên quan có thể cần xem xét và áp dụng các biện pháp hỗ trợ và chính sách khuyến khích để giảm thiểu rủi ro và khuyến khích sự ổn định trong doanh nghiệp địa phương. Mặt khác, tỉ lệ hòa vốn giảm xuống 11,41%, giảm 12,79% so với năm 2022. Mặc dù có sự giảm nhưng tỉ lệ hòa vốn vẫn ở mức khá cao, đặc biệt khi so sánh với mức tăng của tỉ lệ doanh nghiệp thua lỗ. Điều này có thể đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt về quản lý tài chính để đảm bảo sự ổn định và bền vững của các doanh nghiệp trong tương lai.

Biểu đồ 2.1. Tình hình sản xuất kinh doanh của các DN/HTX qua DDCI cấp Sở, ban, ngành

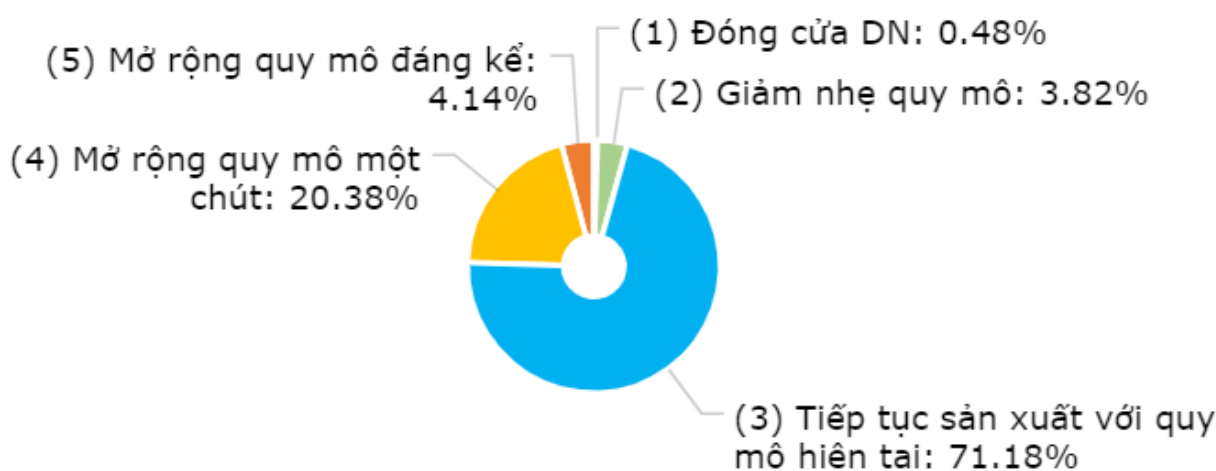


Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Economica Vietnam và Sở KH&ĐT Lai Châu (2023)

Triển vọng kinh doanh của DN/HTX tại tỉnh Lai Châu trong vòng 1-2 năm tới thể hiện sự lạc quan và ổn định. Khoảng 71,18% các DN/HTX báo cáo rằng họ dự kiến duy trì quy mô kinh doanh hiện tại, điều này cho thấy một độ tin cậy và sự ổn định trong hoạt động kinh doanh. Một điểm đáng chú ý là tỉ lệ doanh nghiệp và hợp tác xã có dự định mở rộng quy mô, chiếm khoảng 24,52%. Điều này là một dấu hiệu tích cực, cho thấy một số lượng đáng kể doanh nghiệp địa phương có kế hoạch mở rộng hoạt động, có thể là do tin tưởng vào triển vọng tăng trưởng của thị trường hoặc do những chính sách hỗ trợ kinh doanh hiệu quả. Tuy chỉ có 3,82% doanh nghiệp báo cáo dự kiến giảm nhẹ quy mô, và 0,48% có kế hoạch đóng cửa, nhưng điều này cũng là thông tin quan trọng. Việc này cần được theo dõi và đánh giá

cần thận để xác định nguyên nhân và để chính quyền và các cơ quan liên quan có thể đưa ra các biện pháp hỗ trợ khi cần thiết.

Biểu đồ 2.2. Triển vọng kinh doanh của các DN/HTX qua DDCI cấp Sở, ban, ngành

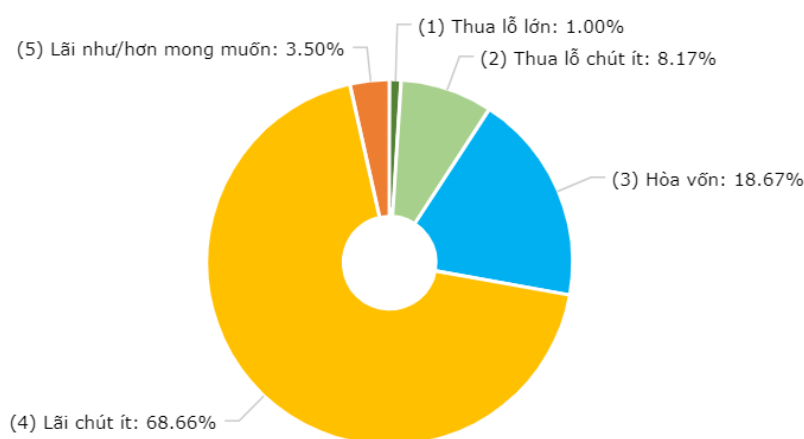


Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

2.2. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp địa phương

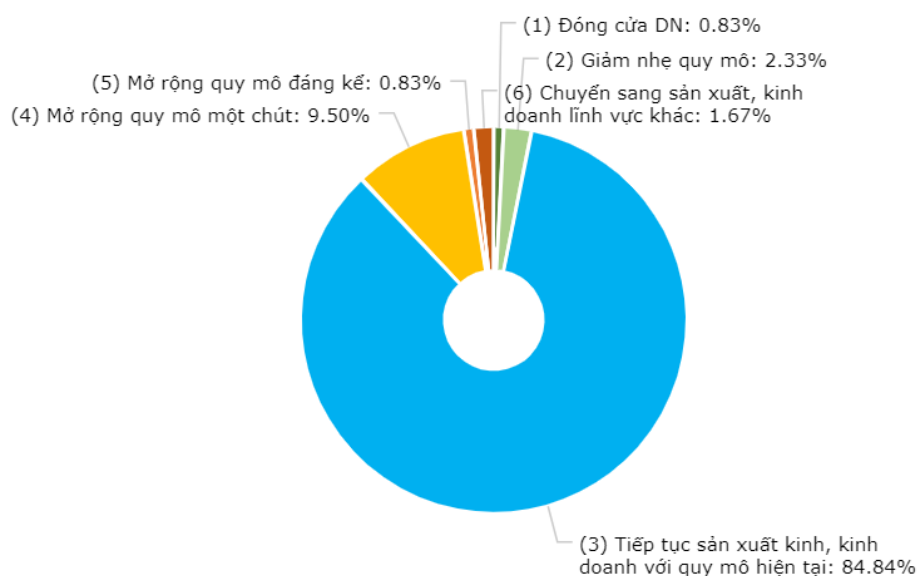
Kết quả khảo sát DDCI cấp địa phương là một bức tranh thực tế về hiện trạng kinh doanh của hộ kinh doanh (HKD) tại địa phương Lai Châu trong năm 2023. Theo đó, 72,16% các HKD tham gia khảo sát báo cáo có lãi, đánh dấu một sự tăng lên nhẹ 1,87% so với năm 2022. Điều này là một tín hiệu tích cực, thể hiện sự ổn định và tăng cường khả năng quản lý kinh doanh của các hộ kinh doanh địa phương. Tuy nhiên, tỉ lệ HKD kinh doanh thua lỗ đã tăng lên từ 7,01% năm 2022 lên 9,17% năm 2023. Sự tăng này có thể là kết quả của nhiều yếu tố, bao gồm biến động thị trường, chi phí tăng và các thách thức môi trường kinh doanh. Điều này có thể đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt từ chính quyền và các tổ chức hỗ trợ để hỗ trợ HKD vượt qua những khó khăn và tối ưu hóa hiệu suất kinh doanh. Tỉ lệ hòa vốn năm 2023 giảm xuống 18,67%, đối chứng với 22,7% năm 2022. Mặc dù có sự giảm, tỉ lệ hòa vốn vẫn ở mức khá ổn định, cho thấy một số lượng lớn HKD vẫn duy trì được hoạt động kinh doanh.

Biểu đồ 2.3. Tỷ lệ theo doanh thu của các HKD qua DDCI cấp địa phương năm 2023



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Biểu đồ 2.4. Triển vọng kinh doanh của các HKD qua DDCI cấp địa phương năm 2023



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2023)

Triển vọng kinh doanh của HKD tại tỉnh Lai Châu trong 1-2 năm sắp tới đang phản ánh sự lạc quan và ổn định. 84,84% các HKD dự kiến duy trì quy mô kinh doanh hiện tại. Một điểm đáng chú ý là tỉ lệ HKD có ý định mở rộng quy mô, chiếm khoảng 10,33%. Đây là một tín hiệu tích cực, cho thấy sự tăng trưởng đáng kể trong số HKD địa phương có kế hoạch mở rộng hoạt động. Tuy chỉ có 2,33% HKD báo cáo dự kiến giảm nhẹ quy mô và 0,83% có kế hoạch đóng cửa, nhưng thông tin này cũng rất quan trọng. Việc theo dõi và đánh giá cẩn thận về nguyên nhân sẽ giúp chính quyền và các cơ quan liên quan đưa ra biện pháp hỗ trợ linh hoạt khi cần thiết.



Triển vọng kinh doanh

DDCI CẤP HUYỆN
KHẢO SÁT 600 CSSXKD



0,83%
DN giải thể



2,33%
DN giảm quy mô



84,83%
Giữ nguyên quy mô



10,33%
DN mở rộng quy mô



1,67%
Chuyển sang lĩnh vực khác



Tình hình kinh doanh

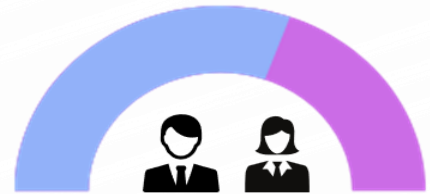
62,16%

Có lãi



Thua lỗ

9,17%



DDCI SỞ BAN NGÀNH

KHẢO SÁT 625 DOANH NGHIỆP/ HỢP TÁC XÃ



Triển vọng kinh doanh

Chuyển sang
lĩnh vực khác

0%

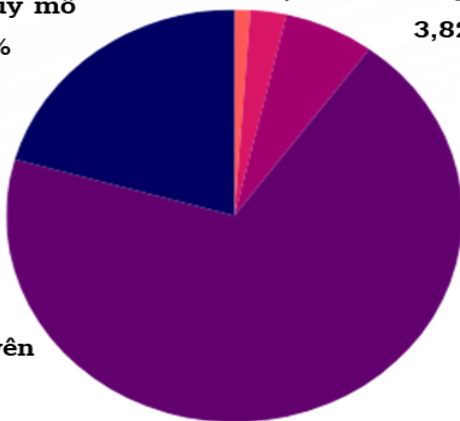
Đóng cửa

0,48%

Giảm quy mô

3,82%

Mở rộng quy mô
24,52%



Giữ nguyên
71,18%



Tình hình kinh doanh

66,73%

DN kinh doanh có lãi



21,86%

DN hoà vốn

22,0%

DN kinh doanh thua lỗ



CHƯƠNG III: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH



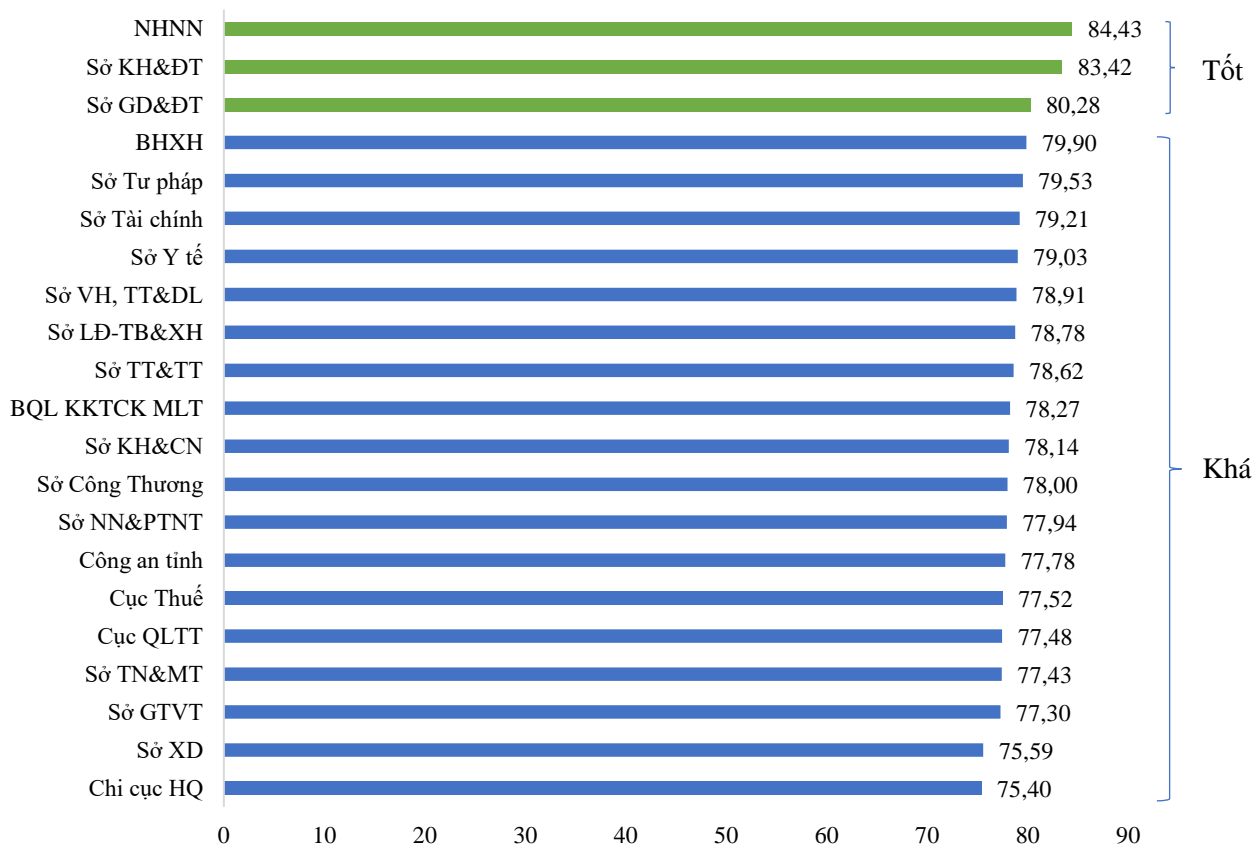


CHƯƠNG III: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

3.1. Kết quả điểm số DDCI cấp Sở, ban, ngành

Chỉ số DDCI năm 2023 của tỉnh Lai Châu được phản ánh qua điểm trung bình của các thành phần cốt lõi, đưa ra cái nhìn tổng quan về chất lượng quản lý và điều hành của các cơ quan trong tỉnh. Điểm trung bình toàn tỉnh khối Sở, ban, ngành năm 2023 là 78,71 điểm, tiệm cận khá gần với mức điểm tốt nhưng so với năm 2022 lại giảm nhẹ 0,82 điểm, cho thấy một số khía cạnh cần được cải thiện hoặc điều chỉnh để duy trì sự phát triển.

Biểu đồ 3.1. Điểm số DDCI Lai Châu cấp Sở, ban, ngành năm 2023



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Điểm số năm nay được phân chia làm 2 nhóm chính gồm:

- *Nhóm điều hành tốt* gồm các cơ quan có điểm số trên 80 điểm: Ngân hàng nhà nước được đánh giá 84,43 điểm, là cơ quan được đánh giá kết quả tốt nhất. Xếp sau ở mức điểm 83,42 là Sở KH&ĐT ở vị trí thứ hai, tiếp theo là Sở GD&ĐT đạt mức điểm 80,28 điểm.

Ngân hàng nhà nước mặc dù vẫn giữ vị trí đứng đầu nhưng điểm số có giảm nhẹ so với năm 2022, cụ thể giảm 1,9 điểm trên thang điểm 100. Sự sụt giảm trong điểm số trung bình là do có sự giảm trong hầu hết các chỉ tiêu đặc biệt là chi phí không chính thức giảm từ 7,08 (xếp ở mức khá) năm 2022 xuống còn 6,43 (xếp ở mức trung bình) năm 2023. Tuy vậy cũng phải ghi nhận những nỗ lực trong năm vừa qua của đơn vị khi đã có những hành động thiết thực như tổ chức các hoạt động kết nối ngân hàng với doanh nghiệp. Điều này đã thúc đẩy hoạt động tín dụng trên địa bàn tỉnh, triển khai đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho người dân, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, góp phần vào đảm bảo an sinh và trật tự an toàn xã hội, hạn chế “tín dụng đen”, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương. Ngoài ra, một số chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn đã triển khai một số chính sách riêng đối với thành phần doanh nghiệp trong đó có các chính sách ưu đãi về lãi suất cho vay so với khách hàng thông thường...

Sở KH&ĐT có sự cải thiện về điểm số trung bình khi tăng 1,9 điểm (trên thang điểm 100) so với năm 2022 và tiếp tục là đơn vị đứng ở vị trí thứ hai trên bảng xếp hạng. Sự tăng điểm trung bình là kết quả của những cải thiện về các chỉ số thành phần như chi phí không chính thức – tăng từ 6,95 năm 2022 lên 7,14 năm 2023. Kết quả này thể hiện nỗ lực không ngừng của Sở khi trong năm vừa qua, Sở đã tích cực tổ chức các hoạt động cụ thể như Gặp mặt doanh nhân, đối thoại doanh nghiệp. Tại Hội nghị, đại diện lãnh đạo UBND tỉnh, đại diện lãnh đạo các sở, ngành chức năng, UBND các huyện đã đối thoại trực tiếp với các doanh nghiệp; đồng thời trả lời, giải đáp từng câu hỏi trong từng trường hợp cụ thể, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, doanh nhân, các hợp tác xã.

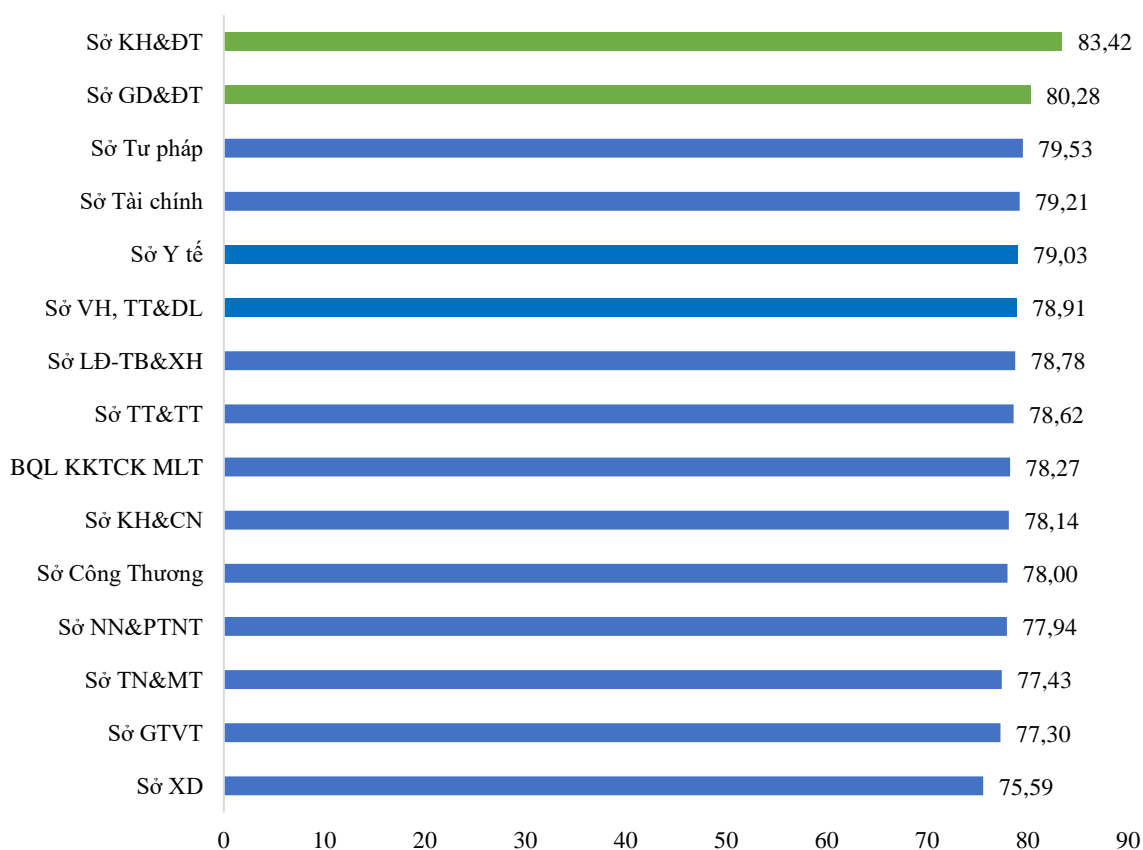
Sở GD&ĐT trong năm 2023 đã có những bứt phá mạnh mẽ khi vươn lên vị trí thứ ba từ vị trí thứ năm trong bảng xếp hạng. Có sự giảm nhẹ về điểm số trung bình (giảm 1,6 điểm trên thang điểm 100 so với năm 2022) là do sự sụt giảm ở một số chỉ tiêu như ứng dụng công nghệ thông tin, chi phí không chính thức. Tuy vậy, nhìn chung cần công nhận sự nỗ lực của Sở trong năm qua khi có sự thăng hạng trong bảng xếp hạng các Sở ban ngành.

- *Nhóm điều hành khá* gồm các cơ quan có mức điểm trong khoảng 70-80 điểm: Trong nhóm này, các cơ quan và đơn vị quản lý đạt điểm từ 70-80 điểm, cho thấy sự ổn định và chất lượng trong việc điều hành công việc của mình. Ba cơ quan đứng ở nhóm cuối bảng là Sở GTVT, Sở Xây dựng và Chi cục Hải quan. Mặc dù đạt điểm khá, việc giảm điểm của hầu hết các đơn vị so với năm trước có thể đặt ra một số thách thức trong quản lý và điều hành. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để đánh giá lại và áp dụng các biện pháp cần thiết để cải thiện và duy trì chất lượng quản lý.

Có thể thấy các Sở, ban, ngành có điểm số chênh lệch không quá lớn, bám khá sát nhau. Khoảng cách giữa đơn vị đứng đầu và đứng cuối chỉ là 9,03 điểm theo thang điểm 100 và chỉ khoảng 0,903 điểm theo thang điểm 10. Điều này một mặt cho thấy chất lượng quản lý của các Sở, ban, ngành được đánh giá khá đồng đều một mặt cho thấy những thay đổi nhỏ về điểm số trong năm tới cũng có khả năng thay đổi điểm số và vươn lên của các Sở, ban, ngành. Với kinh nghiệm từ các năm trước và sự tham gia tích cực của doanh nghiệp, các cơ quan có thể định hình hướng điều chỉnh và cải thiện để đảm bảo rằng mọi cơ quan và đơn vị trong tỉnh đều đóng góp mạnh mẽ vào mục tiêu chung của sự phát triển bền vững và hiệu quả.

Xét theo nhóm các Sở thuộc tỉnh, Sở KH&ĐT và Sở GD&ĐT là hai cơ quan giữ vị trí đứng đầu bảng xếp hạng, thuộc nhóm điều hành tốt. Còn đứng cuối là Sở TN&MT, Sở GTVT, Sở Xây dựng với mức điểm thuộc nhóm khá.

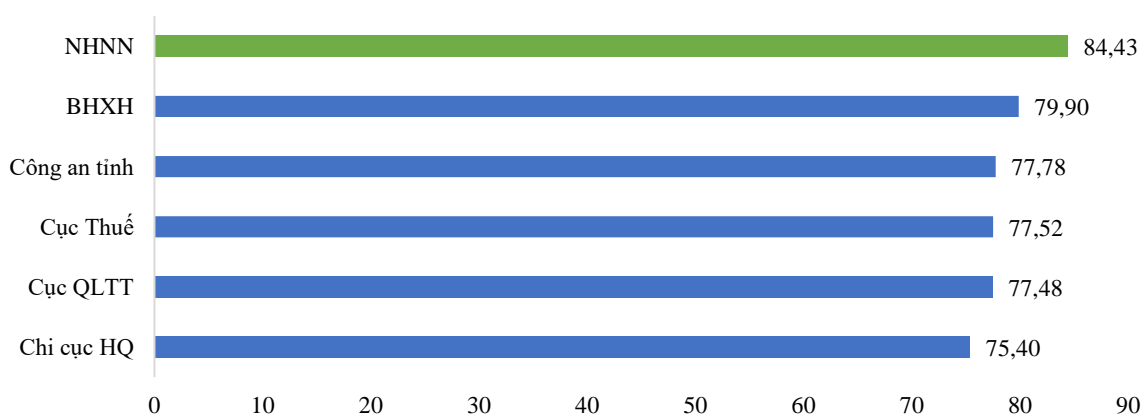
Biểu đồ 3.2. Điểm số DDCI Lai Châu khối Sở năm 2023



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2023)

Xét theo nhóm các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh, Ngân hàng nhà nước tiếp tục đứng đầu khối này. BHHH vươn lên vị trí thứ hai và thứ ba là Công an tỉnh, thuộc nhóm khá. Còn lại là Cục QLTT, Cục Thuế và Chi cục HQ xếp ở nhóm cuối.

Biểu đồ 3.3. Điểm số DDCI Lai Châu khối các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2023)

Trong 10 CSTP, chỉ số thứ 2 - tính năng động của sở, ban, ngành; chỉ số thứ 8 - vai trò của người đứng đầu; chỉ số thứ 5 - cạnh tranh bình đẳng và chỉ số thứ 3 - chi phí thời gian được các DN/HTX đánh giá cao nhất khi các chỉ số này đều đạt mức điểm từ 8 điểm trở lên. Trong khi đó, chỉ số thứ 9 - ứng dụng công nghệ thông tin và chỉ số thứ 4 - chi phí không chính thức nhận được nhiều phản ánh kém tích cực nhất khi đây vẫn là một trong những yếu tố cản trở môi trường kinh doanh tại tỉnh. Việc chưa đạt được mức độ ứng dụng cao của công nghệ thông tin cùng với chi phí không chính thức vẫn là những thách thức đối với môi trường kinh doanh tại tỉnh Lai Châu.

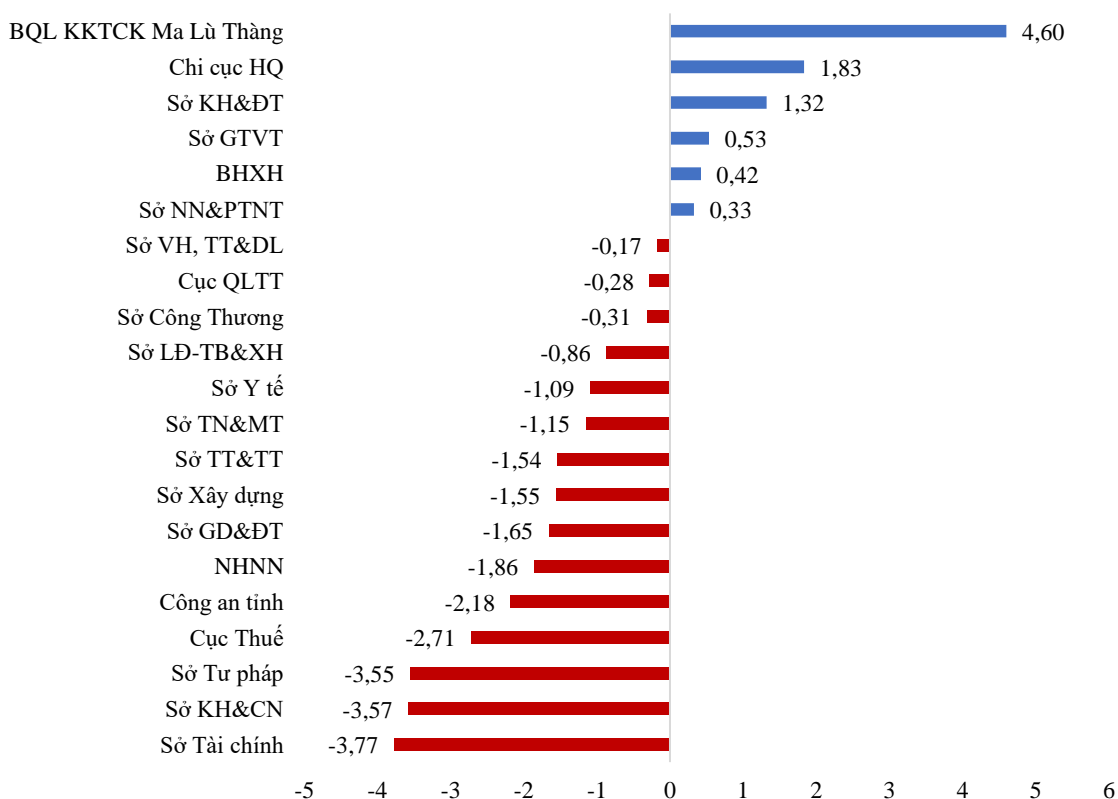
3.2. Sự thay đổi kết quả của các Sở, ban, ngành

3.2.1. Thay đổi về điểm số

Kết quả điểm số trung bình của DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2023 của tỉnh Lai Châu đạt 78,71 điểm giảm khoảng 0,82 điểm so với năm 2022. Sự giảm điểm này xuất phát từ phần lớn các cơ quan đều giảm điểm (15/21 Sở, ban, ngành) và chỉ có 6 cơ quan tăng điểm. Cụ thể:

- Nhóm tăng điểm: gồm BQL KKTCK MLT, Chi cục HQ, Sở KH&ĐT, Sở GTVT, BHXH và Sở NN&PTNT. Trong đó, BQL KKTCK MLT tăng 4,6 điểm, Chi cục HQ, Sở KH&ĐT là những cơ với mức tăng hơn 1 điểm.
- Nhóm giảm điểm: gồm 15 cơ quan còn lại. Đáng lưu ý là phần lớn các cơ quan ở nhóm này đều có mức giảm tương đối nhiều, giảm từ 1-3 điểm, giảm mạnh nhất là Sở Tài chính, Sở KH&CN, Sở Tư pháp khiến thứ hạng của các cơ quan này ảnh hưởng khá nhiều.

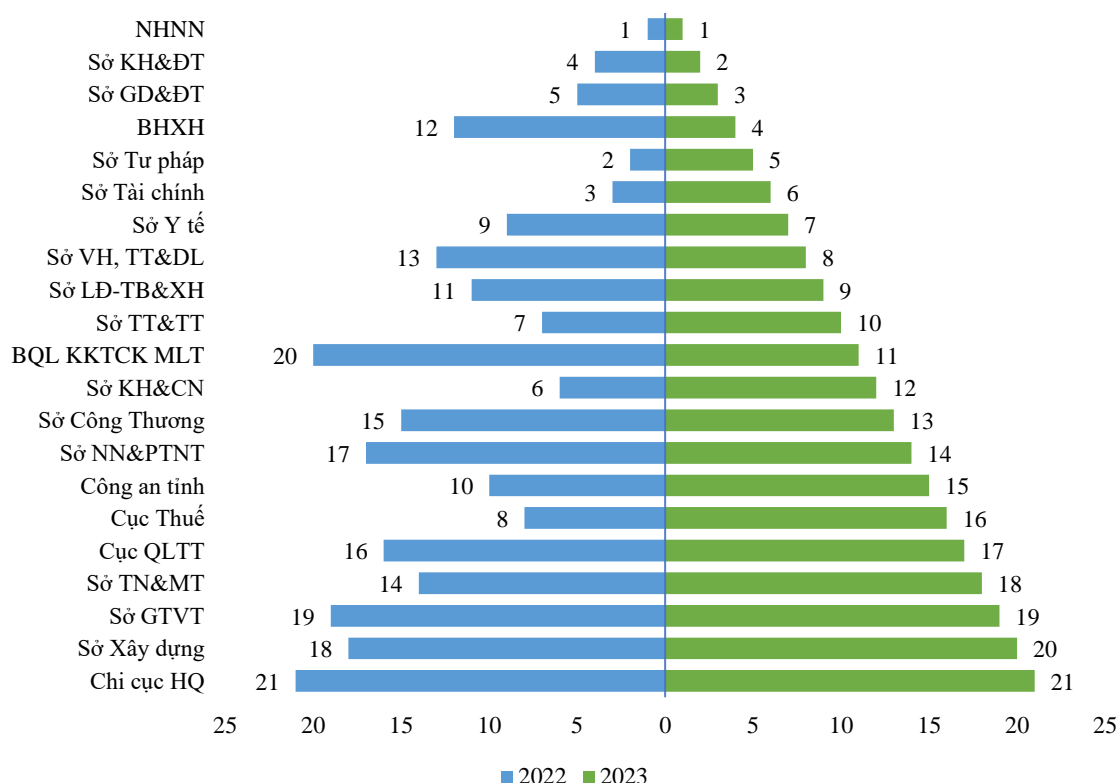
Biểu đồ 3.4. Mức thay đổi điểm số của các Sở, ban, ngành trong DDCI năm 2023 và 2022



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

3.2.2. Thay đổi về thứ hạng

Biểu đồ 3.5. Thay đổi về thứ hạng của các Sở, ban, ngành trong DDCI năm 2023 và 2022



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

- Nhóm cơ quan thăng hạng trong năm 2023: có 09/21 Sở, ban, ngành cải thiện thứ hạng gồm: Sở KH&ĐT, Sở GD&ĐT, BHXH, Sở Y tế, Sở VH, TT&DL, Sở LĐ-TB&XH, BQL KKTCK Ma Lò Thành, Sở Công Thương, Sở NN&PTNT. Về xếp hạng, có nhiều Sở ngành tăng hạng nhanh như BQL KKTCK Ma Lò Thành (tăng 9 bậc), BHXH (tăng 8 bậc), Sở VH, TT&DL (tăng 5 bậc) và Sở NN&PTNT (tăng 3 bậc). Trong nhóm này, BQL KKTCK Ma Lò Thành là cơ quan tăng hạng nhiều nhất khi tăng từ hạng 20 lên hạng 11. Điển hình, trong tháng 1/2023, các lực lượng chức năng tại cửa khẩu đã bố trí đủ các lực lượng để thực hiện nhiệm vụ, tạo điều kiện tốt nhất cho việc thông quan hàng hóa; với tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu các loại hình đạt gần 3 triệu USD, bằng 8% kế hoạch và tăng 14% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu đạt 1,59 triệu USD, giá trị nhập khẩu đạt khoảng 0,18 triệu USD, giá trị hàng tái xuất đạt 1,2 triệu USD. Tổng lượt khách xuất nhập cảnh đạt 215 lượt người, tổng số phương tiện xuất nhập cảnh đạt 187 lượt xe, thực hiện khử trùng 187 lượt phương tiện; tổng thu thuế, phí, lệ phí trên địa bàn đạt 687 triệu đồng.

BHXH cũng là một trong những cơ quan nổi bật với sự tăng hạng mạnh mẽ, leo lên vị trí thứ 4 từ vị trí 12, tăng 8 bậc so với năm 2022. Sự cải thiện nhanh chóng này chứng tỏ những biện pháp cải cách đã được triển khai có hiệu quả, đồng thời BHXH đã tạo được lòng tin và ủng hộ từ phía cộng đồng doanh nghiệp với sự cải thiện đồng đều ở các chỉ số thành phần.

Sở VH, TT&DL cũng là một điểm sáng khi tăng 5 bậc, đứng ở vị trí thứ 8. Sự đổi mới trong quản lý và phát triển ngành văn hóa, thể thao, và du lịch đã tạo ra những ảnh hưởng tích cực, đặc biệt là trong việc tăng cường danh tiếng và thu hút du khách đến với tỉnh Lai Châu. Những cải thiện này không chỉ thể

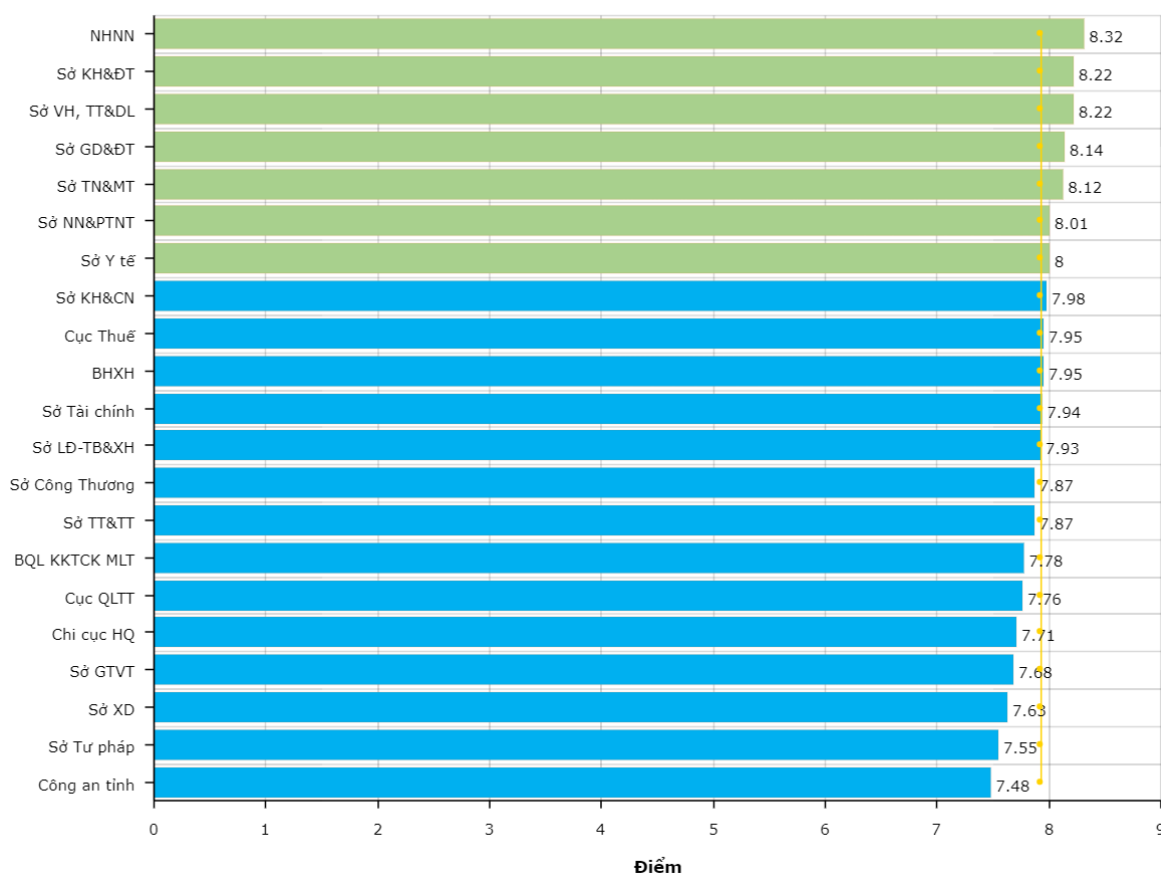
hiện sự cam kết của các cơ quan và Sở, ban, ngành mà còn tạo đà cho sự phát triển bền vững của môi trường kinh doanh tại tỉnh trong thời gian tới.

- Nhóm cơ quan giảm thứ hạng trong năm 2023: có 9/21 Sở, ban, ngành bị giảm xếp hạng gồm: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở TT&TT, Sở KH&CN, Công an tỉnh, Cục Thuế, Cục QLTT, Sở TN&MT và Sở Xây dựng. Về xếp hạng, có nhiều Sở ngành giảm hạng nhiều như Cục Thuế (giảm 8 bậc), Sở KH&CN (giảm 6 bậc) và Công an tỉnh (giảm 5 bậc). Cục Thuế ghi nhận sự giảm hạng đáng kể, giảm 8 bậc so với năm trước đó. Điều này có thể phản ánh khả năng thực hiện chính sách thuế và mức độ hỗ trợ cụ thể cho doanh nghiệp. Sở KH&CN giảm 6 bậc, đặt ra nhiều thách thức về quản lý và hỗ trợ cho doanh nghiệp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Công an tỉnh, giảm hạng 5 bậc, yêu cầu sự tập trung vào việc cải thiện quy trình và làm việc với DN.

3.3. Kết quả các chỉ số thành phần

3.3.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Biểu đồ 3.6. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

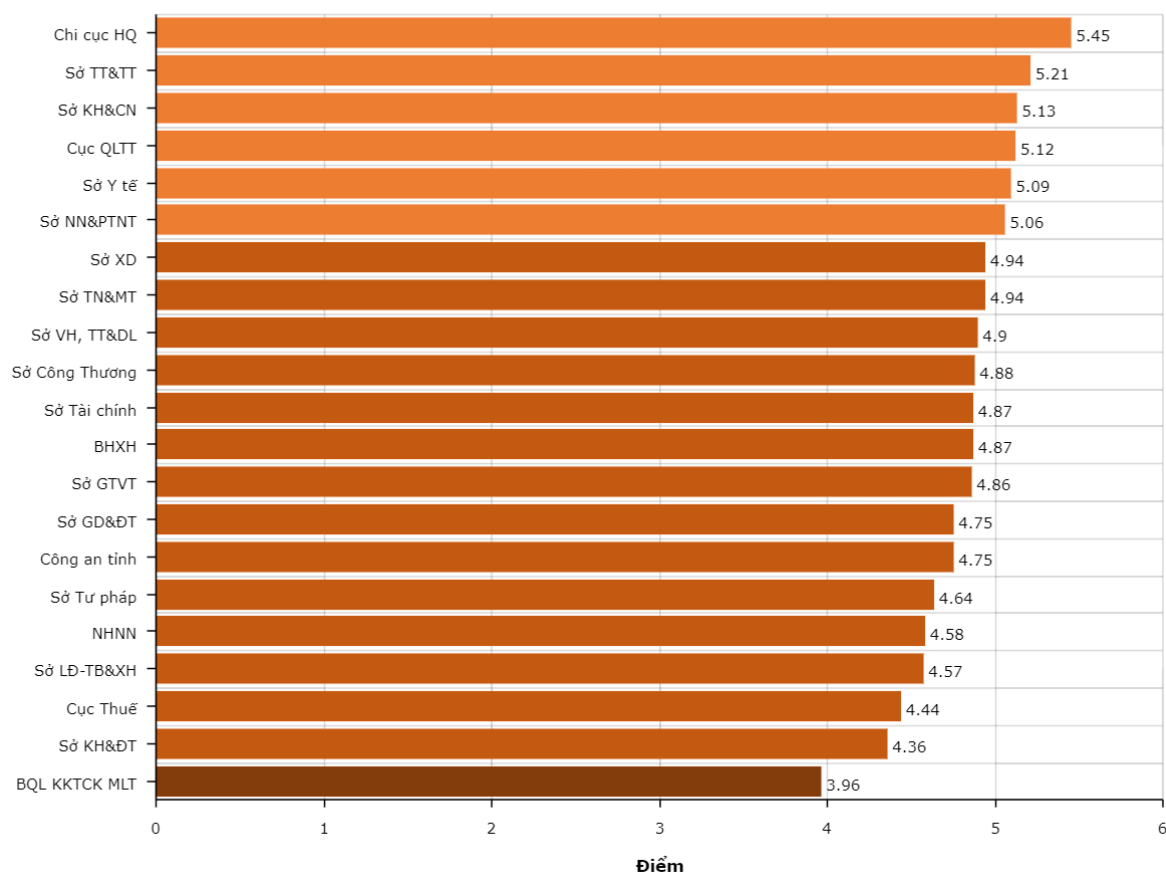
Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin là một yếu tố quan trọng đo lường sự sẵn có và minh bạch trong quản lý và cung cấp thông tin của các Sở, ban, ngành tại tỉnh Lai Châu. Đánh giá tổng thể cho chỉ số này cho thấy sự đồng đều trong cả hệ thống, với nhiều cơ quan nằm trong nhóm điểm tốt và khá. Cụ thể, NHNN, Sở KH&ĐT, Sở VH, TT&DL, Sở GD&ĐT, Sở TN&MT, Sở NN&PTNT và Sở Y tế thuộc gam màu tốt, với NHNN đạt 8,32 điểm - xếp hạng cao nhất trong các Sở, ban, ngành. Điều này có thể

phản ánh cam kết của NHNN đối với minh bạch và tiếp cận thông tin, giúp doanh nghiệp và cộng đồng có được thông tin đầy đủ và chính xác. Các Sở, ban, ngành còn lại thuộc gam màu khá, với Công an tỉnh đạt 7,48 điểm - xếp hạng nhóm cuối trong số các Sở, ban, ngành.

Kết quả cho thấy các khía cạnh cung cấp tài liệu hướng dẫn thực hiện TTHC, dịch vụ công; cách thức hướng dẫn thực hiện; các văn bản quy định pháp luật; biểu mẫu, phí và lệ phí đã được công khai, minh bạch với sự hài lòng của khoảng 90% DN/HTX. Điểm số của các chỉ tiêu này đều đạt trên 8 điểm. Tuy nhiên, vẫn có khoảng 4% D/HTX cho rằng thái độ phục vụ của cán bộ chưa nhiệt tình hướng dẫn.

Đặc biệt, hai chỉ tiêu đáng lưu ý là “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC” và “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của SBN” chỉ đạt lần lượt 4,86 điểm và 4,93 điểm - đứng ở mức trung bình thấp và là hai chỉ tiêu có điểm thấp nhất trong các tiêu chí được xếp loại. Điều này thể hiện rằng mặc dù các cơ quan đã chú trọng đến việc cung cấp thông tin minh bạch, công bằng, nhưng vẫn còn những khía cạnh cần được cải thiện, đặc biệt là trong mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước, cung cấp thông tin minh bạch và công bằng giữa các đối tượng sử dụng dịch vụ.

Biểu đồ 3.7. Chỉ tiêu “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Bên cạnh đó, việc DN/HTX truy cập vào trang web của các cơ quan để tìm kiếm thông tin cũng chưa có nhiều cải thiện khi có tới hơn một nửa DN/HTX (53,38%) chưa từng truy cập vào trang web. Đối với các DN/HTX đã từng truy cập, đều đánh giá khá tích cực về chất lượng thông tin được công bố trên trang web, với điểm số dao động trong khoảng 8 điểm. Do đó, trong thời gian tới, các Sở, ban, ngành

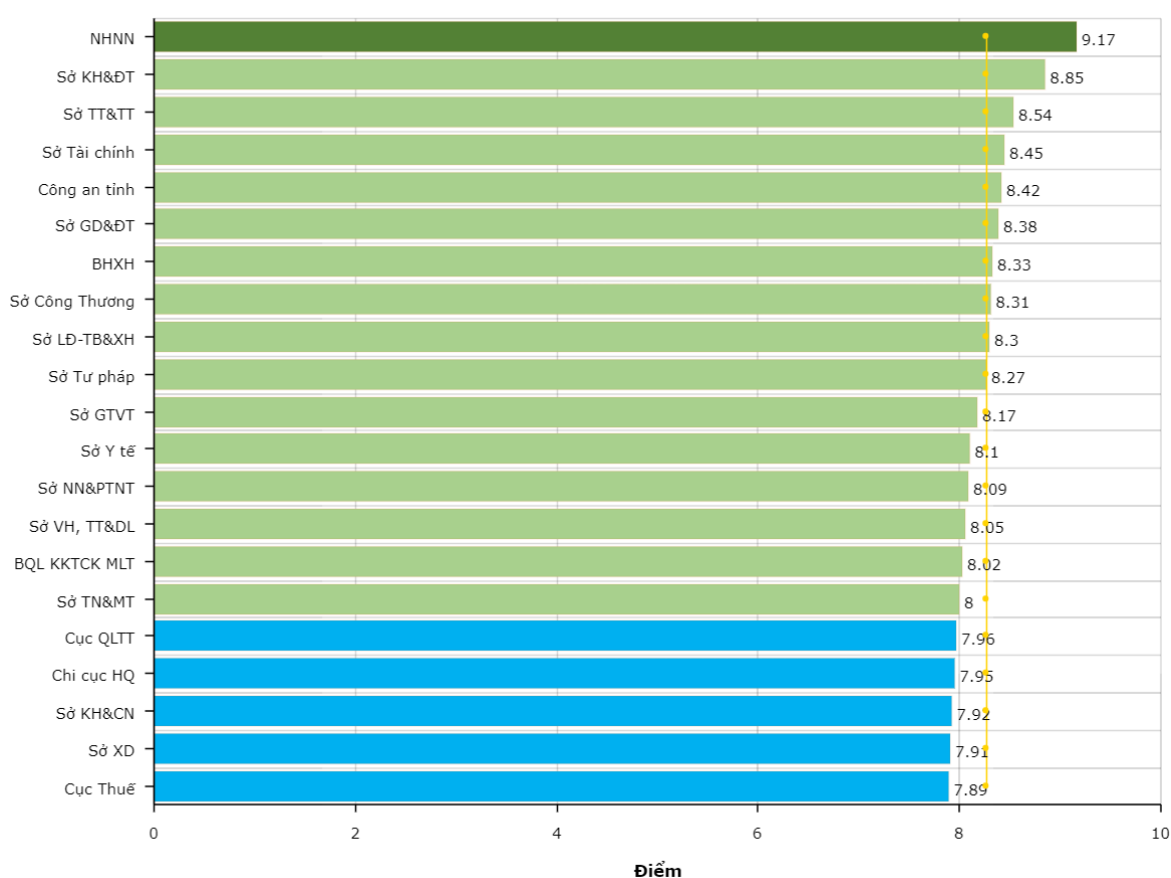
cần đẩy mạnh truyền thông về các tính năng trên Cổng thông tin trực tuyến cũng như khuyến khích DN/HTX sử dụng các tiện ích.

3.3.2. Tính năng động của Sở, ban, ngành

Tính cạnh tranh của các Sở, ban, ngành trong việc cung cấp dịch vụ công tốt nhất cho DN/HTX phụ thuộc rất nhiều vào sự năng động, tiên phong của Sở, ban, ngành đó. Sở, ban, ngành có tinh thần trách nhiệm cao sẽ thúc đẩy thực hiện chương trình, chính sách pháp luật, tạo điều kiện cho DN/HTX có môi trường kinh doanh thuận lợi.

Điểm số trung bình cho tính năng động của các Sở, ban, ngành là 8,24 điểm. Có 16/21 Sở, ban, ngành có mức điểm thuộc gam màu tốt và rất tốt, với NHNN đạt 9,17 điểm - xếp hạng cao nhất trong số các Sở, ban, ngành. Còn lại, các Sở, ban, ngành tức 5/21 đơn vị thuộc gam màu khá với Cục Thuế đạt 7,89 điểm - đứng cuối trong số các Sở, ban, ngành.

Biểu đồ 3.8. Điểm số CSTP “Tính năng động của Sở, ban, ngành”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2023)

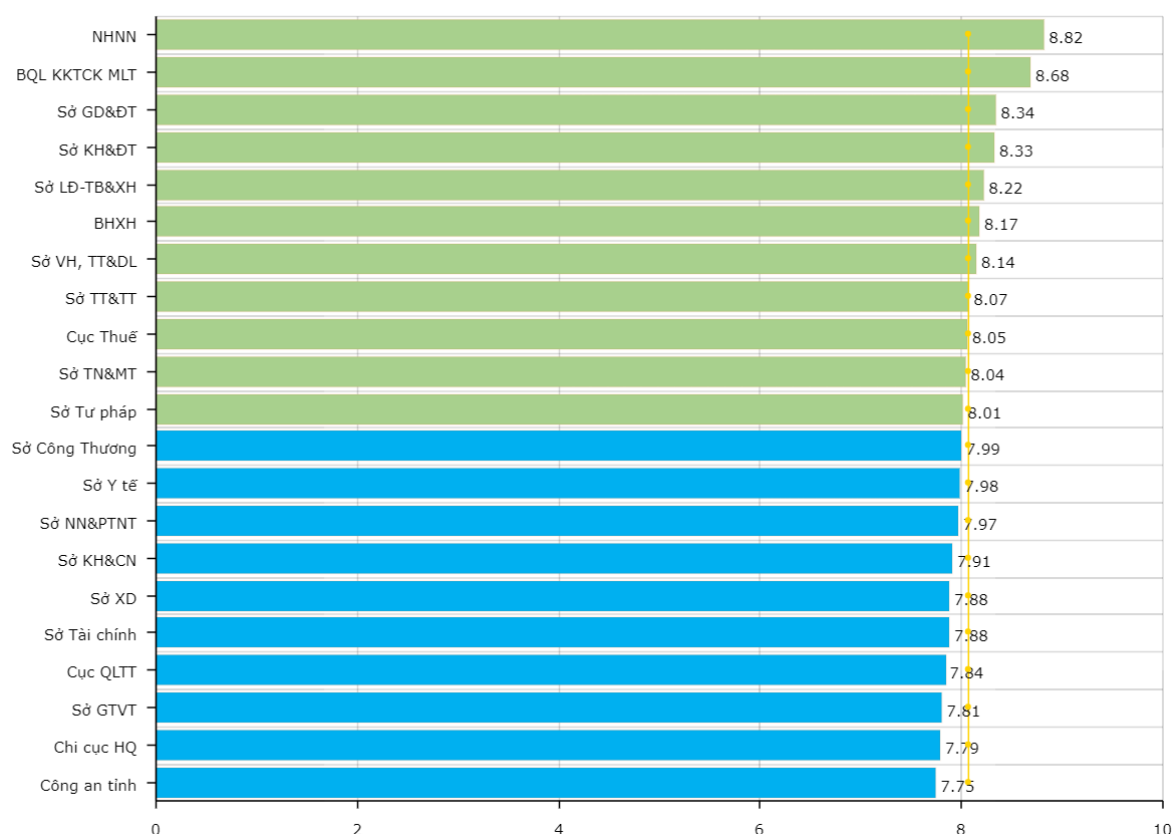
Kết quả khảo sát DDCI 2023 cho thấy sự chủ động và tích cực của lãnh đạo Sở, ban, ngành được đánh giá cao, đặc biệt là khi các chỉ tiêu được đánh giá từ 8 điểm trở lên. Khoảng 90% DN/HTX đồng ý về các nhận định như các Sở, ban, ngành đã nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn (8,43 điểm); chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh (8,33 điểm); tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (8,27 điểm); Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương,

chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh (8,08 điểm). Tuy nhiên, chỉ tiêu “Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với doanh nghiệp” lại là điểm thấp nhất trong chỉ số, chỉ tiêu này chỉ đạt 7,97 điểm. Điều này có thể chỉ ra hoạt động tham gia đối thoại còn hạn chế giữa các cơ quan và doanh nghiệp. Việc tổ chức các buổi đối thoại định kỳ và tích cực là một phần quan trọng trong việc giải quyết những vướng mắc và khó khăn mà doanh nghiệp có thể gặp phải. Để cải thiện điểm số của chỉ tiêu này, có thể cần tăng cường các biện pháp để thúc đẩy sự tương tác và đối thoại hiệu quả giữa cơ quan quản lý và doanh nghiệp. Điều này có thể bao gồm việc tăng cường truyền thông, tạo cơ hội cho doanh nghiệp gửi phản hồi và thảo luận với các quan chức cấp cao, giúp tạo ra một môi trường hỗ trợ và linh hoạt hơn cho sự phát triển kinh doanh.

3.3.3. Chi phí thời gian

Chi phí thời gian được hiểu là chi phí, số lần đi lại, thời gian cho việc chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc với cơ quan có liên quan để thực hiện quy định của pháp luật. Điểm trung bình của chỉ số chi phí thời gian là 8,08 điểm. Cụ thể, 11/21 Sở, ban, ngành được xếp hạng tốt ở CSTP này, với NHNN được đánh giá có nhiều cải cách giúp cải thiện chi phí thời gian thực hiện TTHC - xếp thứ nhất trong số các Sở, ban, ngành. Còn lại, 10/21 sở, ban, ngành thuộc nhóm điểm khá với Công an tỉnh đạt 7,75 điểm, đứng cuối trong bảng xếp hạng.

Biểu đồ 3.9. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian”



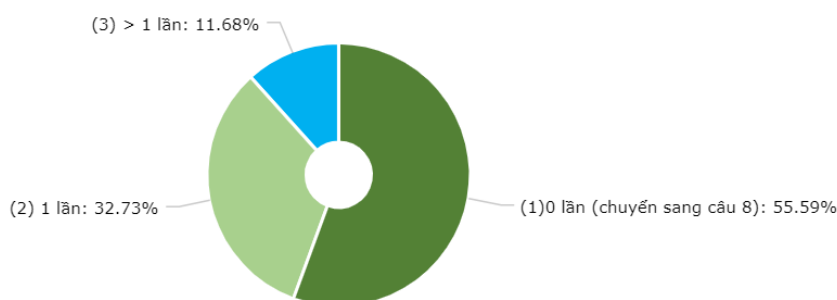
Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Chỉ số chi phí thời gian, được đo lường thông qua 10 chỉ tiêu, thể hiện mức độ hiệu quả trong việc giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) và đa số các chỉ tiêu đều đạt điểm trên 8. Các DN/HTX cho thấy một sự cải thiện đáng kể. DN/HTX bày tỏ sự hài lòng với việc rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, giảm

các thủ tục phức tạp, song vẫn còn khoảng 18,62% DN/HTX cho biết vẫn phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC.

Về hoạt động thanh tra, kiểm tra, dữ liệu cho thấy 55,59% DN/HTX không phải đón tiếp đoàn thanh tra, kiểm tra nào trong năm 2023, 32,73% DN/HTX đón tiếp 1 lần và 11,68% DN/HTX phải đón tiếp hơn 1 lần. Chỉ tiêu “Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các SBN khác hoặc chính quyền địa phương” đạt điểm 6,91 - mức điểm thấp nhất trong số các chỉ tiêu. Điều này cho thấy vẫn còn những gánh nặng liên quan đến quá trình kiểm tra. Các Sở, ban, ngành cần thực hiện nghiêm túc quy trình kiểm tra, giảm thiểu sự trùng lặp, tránh gây phiền hà cho DN/HTX.

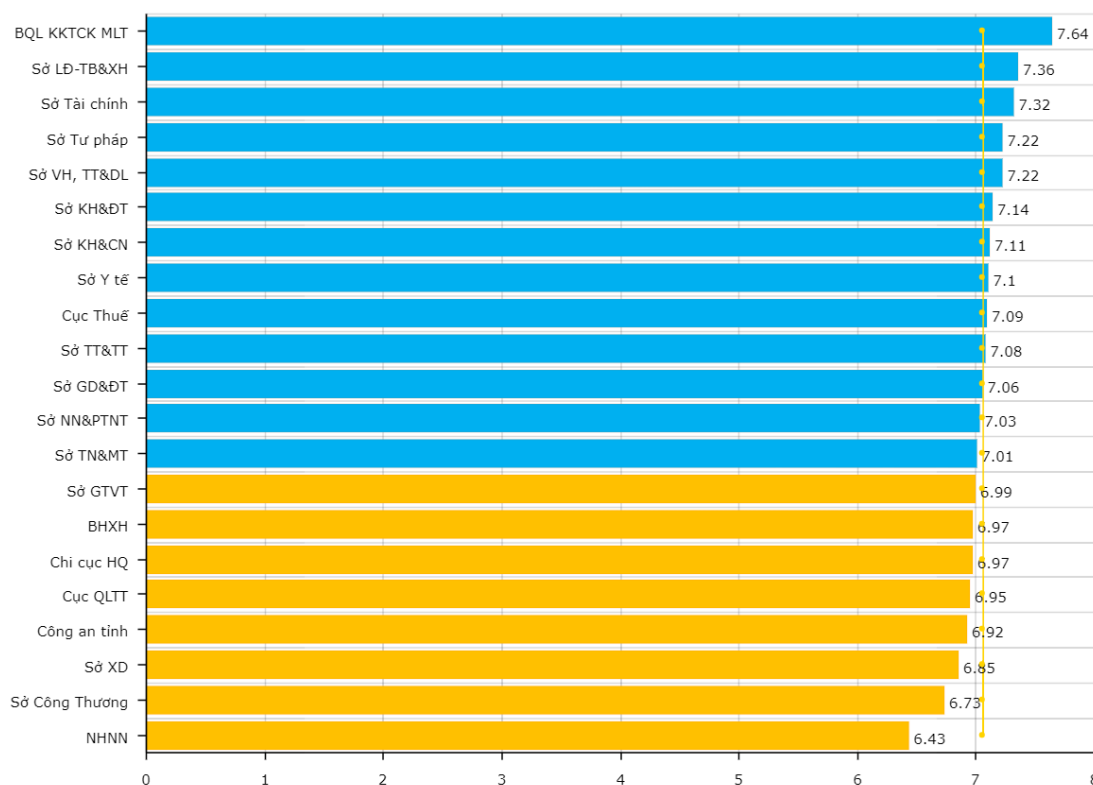
Biểu đồ 3.10. Số lần thanh tra, kiểm tra ở các Sở, ban, ngành



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

3.3.4. Chi phí không chính thức

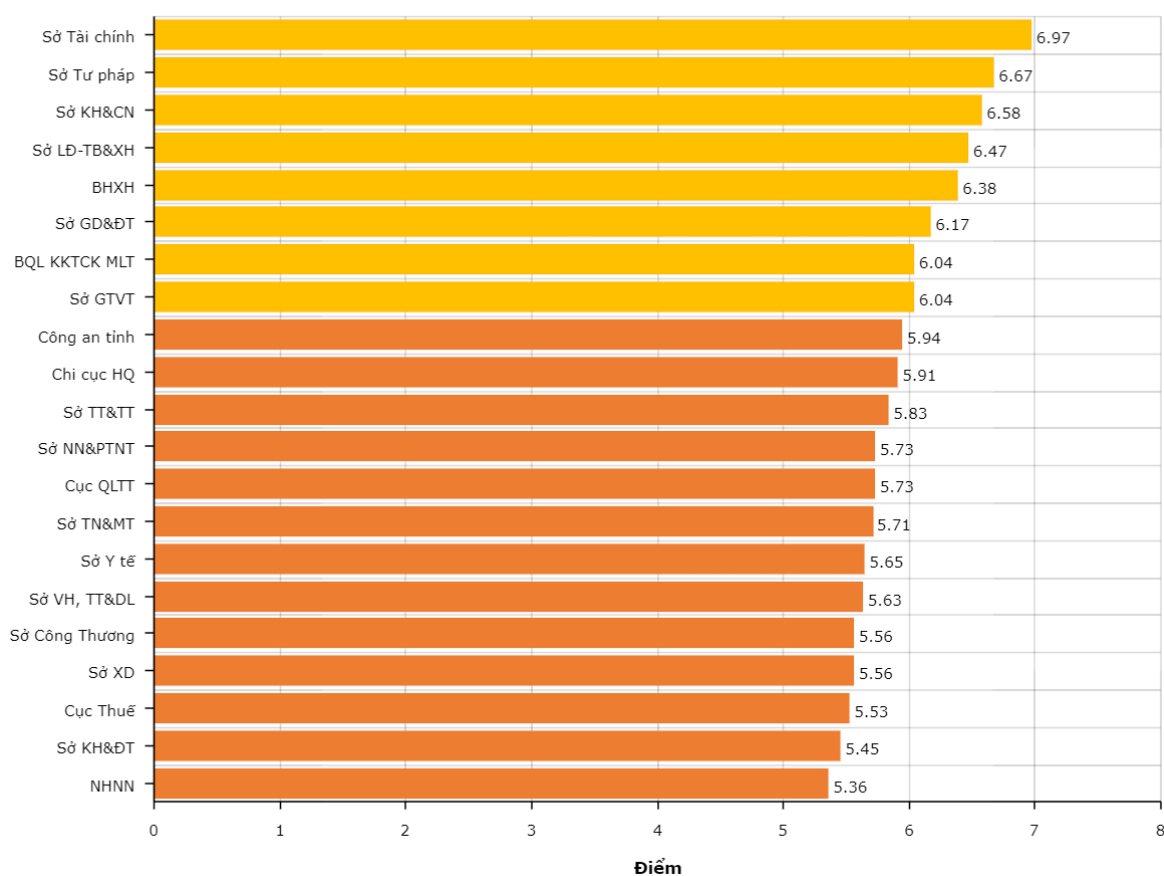
Biểu đồ 3.11. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Chỉ số chi phí không chính thức là một yếu tố quan trọng trong đánh giá tạo thuận lợi môi trường đầu tư, kinh doanh. Kết quả khảo sát cho thấy đây là một trong những vấn đề cần chú ý tại tỉnh Lai Châu, khi chỉ số này đa phần là gam màu nóng, thể hiện mức độ chi phí không chính thức ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của DN/HTX. Chỉ số chi phí không chính thức đạt điểm số trung bình chung là 7,06 điểm. Trong số 21 Sở, ban, ngành được đánh giá, 13 đơn vị thuộc nhóm điểm khá, với BQL KKTCK MLT đạt 7,64 đứng đầu bảng xếp hạng. Trong khi đó, 8 đơn vị khác thuộc nhóm điểm trung bình khá. Tuy có những Sở, ban, ngành có kết quả cải cách hành chính tốt, tính năng động và sáng tạo cao, nhưng chi phí không chính thức vẫn là một thách thức lớn. Ngay cả khi các đơn vị đạt được thành tích cao về minh bạch và chất lượng hành chính, chi phí không chính thức cao có thể kéo giảm thứ hạng chung của cơ quan. Chính vì vậy, tập trung vào việc cải thiện chi phí không chính thức sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho DN/HTX. Các biện pháp cải thiện trong lĩnh vực này sẽ không chỉ giúp cải thiện chỉ số DDCI mà còn hỗ trợ doanh nghiệp và hợp tác xã gia tăng tính cạnh tranh trong môi trường kinh doanh.

Biểu đồ 3.12. Chỉ tiêu “Xu hướng chi phí không chính thức giảm so với các năm trước”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Kết quả khảo sát DDCI Lai Châu năm 2023 đã cung cấp một số dữ liệu về tình hình chi phí không chính thức ở các Sở, ban, ngành. Theo số liệu, có 56,87% DN/HTX vẫn cho rằng chi phí không chính thức không có dấu hiệu giảm trong những năm gần đây, mặc dù một số doanh nghiệp đánh giá chi phí này ở mức chi trả được. Đặc biệt, tỉ lệ này tập trung cao ở một số Sở, ngành như Sở Công thương và NHNN, đòi hỏi những sự cải thiện và biện pháp can thiệp nhanh chóng để tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh và thông thoáng hơn cho DN/HTX tại tỉnh Lai Châu. Mặc dù vậy, có khoảng 83,92% DN/HTX cho biết hiện tượng những nhiễu đã giảm đáng kể so với trước đây. Điều này thể hiện sự đánh

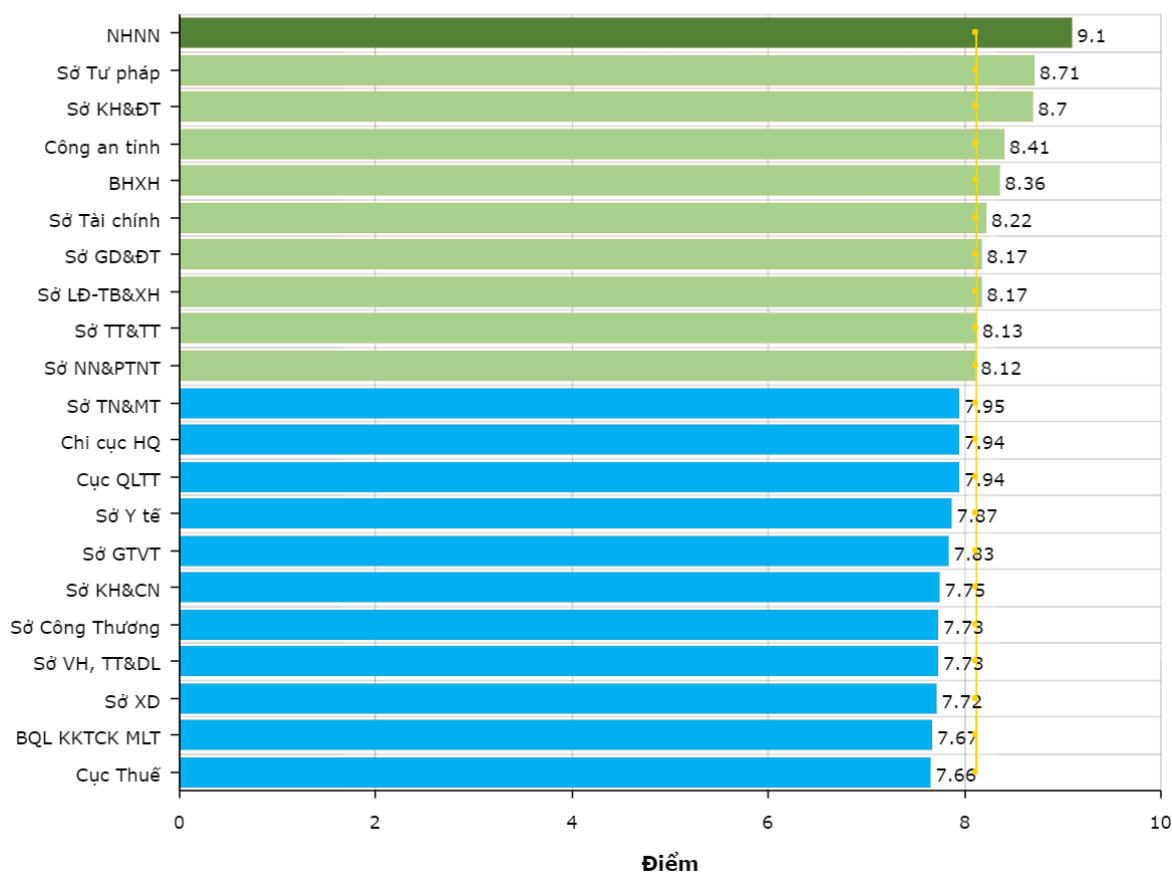
giá tích cực về nỗ lực của các Sở, ban, ngành trong việc cắt giảm chi phí không chính thức, một trong những yếu tố quan trọng được doanh nghiệp quan tâm khi đưa ra quyết định đầu tư.

Chỉ số chi phí không chính thức có cải thiện chậm đặt ra một thách thức quan trọng cho các cơ quan quản lý cần thực hiện các biện pháp tăng cường minh bạch và quyết tâm cắt giảm chi phí không chính thức để đảm bảo rằng Lai Châu không chỉ là địa điểm đầu tư hấp dẫn mà còn là môi trường kinh doanh lành mạnh.

3.3.5. Cạnh tranh bình đẳng

Cạnh tranh bình đẳng trong DDCI Lai Châu được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các DN với nhau (giữa DNNN, DN FDI với DN thuộc khối tư nhân, giữa DN lớn và DN nhỏ, DN trong và ngoài tỉnh, giữa DN với DN “thân hữu” với chính quyền), giữa DN, HTX. CSTP này đạt 8,09 điểm, mức điểm tốt và xếp hạng 3/8 CSTP. Đặc biệt, NHNN nhận được những đánh giá tích cực và đạt 9,1 điểm - một điểm số cao, đứng đầu các Sở, ban, ngành. Xếp sau là 9 Sở, ban, ngành được xếp hạng tốt ở CSTP này. Còn lại 11 Sở, ban, ngành thuộc nhóm điểm khá - trong đó, Cục thuế đạt 7,66 điểm, ở nhóm cuối bảng xếp hạng, cần nỗ lực hơn nữa khi hiện tại chưa đạt được kỳ vọng của DN/HTX. Điều này cho thấy còn nhiều không gian để các cơ quan này nâng cao chất lượng và bình đẳng trong quá trình quản lý kinh tế địa phương. Đối với Lai Châu, việc duy trì và nâng cao cạnh tranh bình đẳng trong DDCI là chìa khóa để thu hút đầu tư, kích thích sự phát triển bền vững và tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi cho tất cả các doanh nghiệp, không phân biệt quy mô hay ngành nghề.

Biểu đồ 3.13. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”



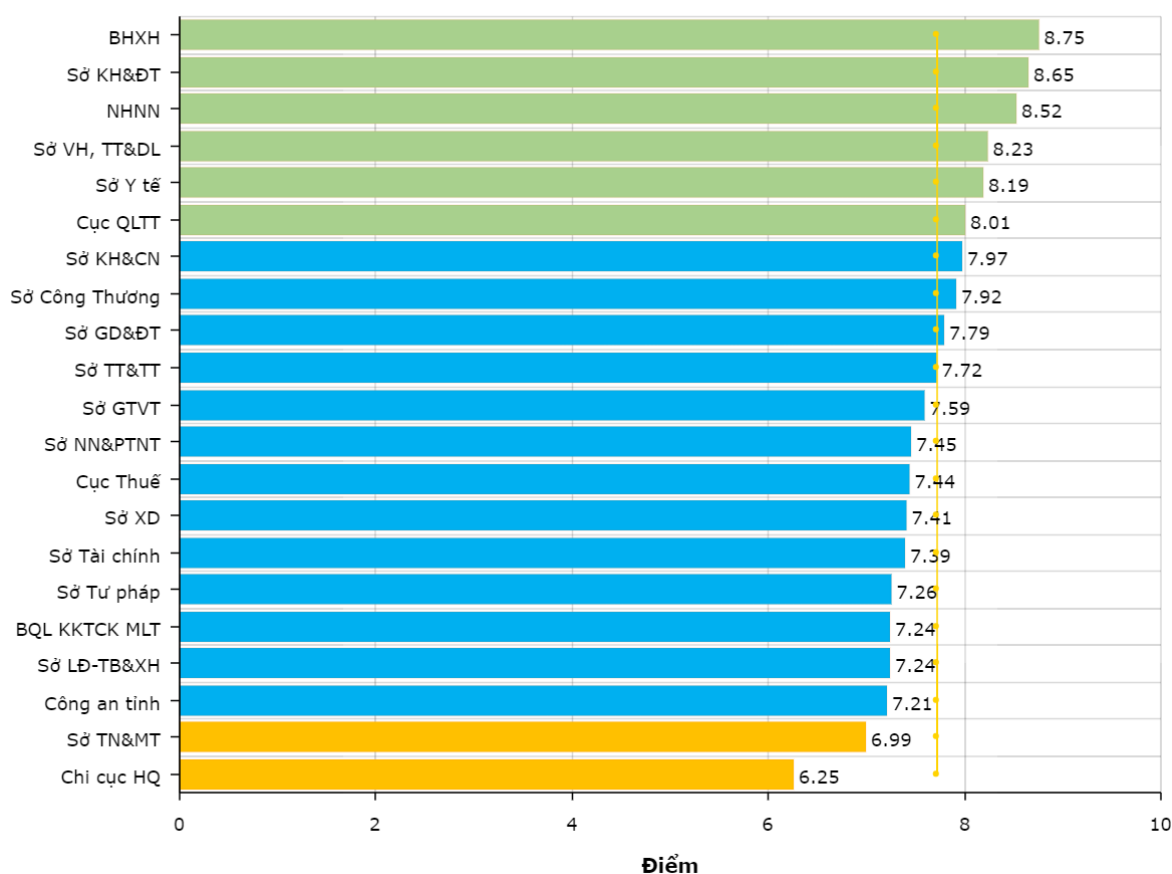
Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Cạnh tranh bình đẳng được đo lường bởi 6 chỉ tiêu: tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh; tiếp cận nguồn vốn; thực hiện TTHC, dịch vụ công; tiếp cận chính sách ưu đãi; tiếp cận nguồn lực nhà nước và theo giới tính của chủ DN/HTX - tất cả các chỉ tiêu đều được đánh giá đạt mức tốt, trên 8 điểm khi phần lớn DN/HTX cho biết bình đẳng, không có sự phân biệt đối xử trong quá trình làm việc với các Sở, ban, ngành. Điều này phần nào cho thấy môi trường kinh doanh, đầu tư tại tỉnh khá bình đẳng nhưng ở một số lĩnh vực như Cục Thuế, BQL KKTCK MLT cần tích cực hỗ trợ các DN/HTX nhiều hơn, nhất là những nhóm DN/HTX nhỏ và vừa.

3.3.6. Hỗ trợ doanh nghiệp

Hỗ trợ doanh nghiệp cũng là CSTP được cộng đồng DN/HTX ghi nhận nhiều nỗ lực trong năm qua. Điểm số trung bình CSTP hỗ trợ doanh nghiệp là 7,68 điểm, xếp thứ 7/9 CSTP. Nhóm các cơ quan đứng đầu là BHXH, Sở KH&ĐT, NHNN, Sở VH, TT&DL khi nhận được đánh giá có phần tích cực hơn các cơ quan còn lại Sở Y tế và Cục QLTT. Các Sở, ban, ngành còn lại thuộc nhóm điểm khá với điểm số khá sát sao và đồng đều. Tuy nhiên, Sở TN&MT và Chi cục HQ được đánh giá xếp hạng trung bình với mức điểm số dưới 7. Điều này chỉ ra các chính sách hỗ trợ cần được cải thiện để đảm bảo rằng các DN/HTX có môi trường làm việc thuận lợi và hỗ trợ tốt từ phía các Sở, ban, ngành.

Biểu đồ 3.14. Điểm số CSTP “Hỗ trợ doanh nghiệp”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

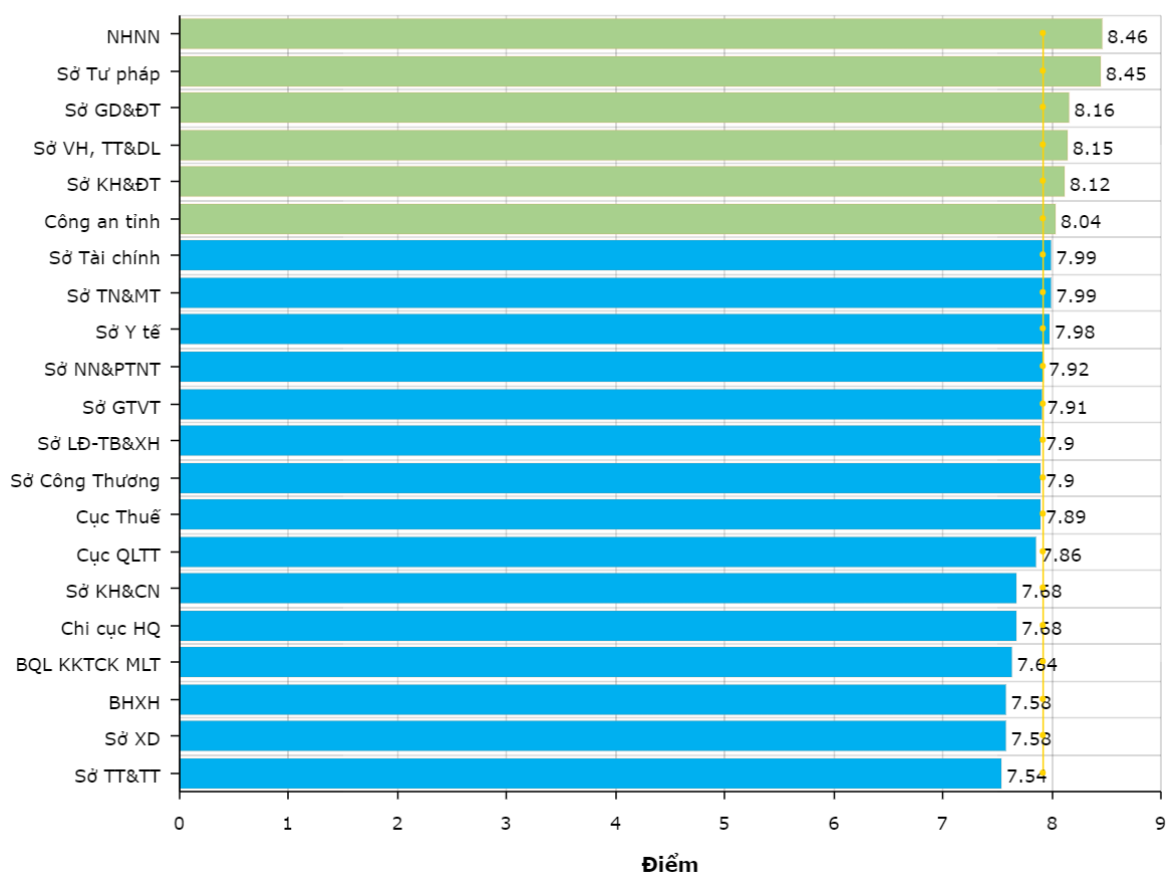
Hỗ trợ doanh nghiệp được đo lường bởi 8 chỉ tiêu - thể hiện qua các chương trình hỗ trợ (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) cũng như các chương trình đối thoại với doanh nghiệp. Mặc dù các chương trình hỗ trợ cũng như các chương trình đối thoại của các Sở, ban,

ngành được đánh giá khá tốt nhưng tỷ lệ các cơ sở SXKD tham gia các chương trình này còn chưa cao. Cụ thể, chỉ 18,54% các doanh nghiệp đã từng tham gia các buổi đối thoại DN do Sở, ban, ngành được khảo sát tổ chức. Vì vậy, các Sở, ban, ngành tỉnh Lai Châu, đặc biệt là Sở TT&TT, Sở GD&ĐT, Chi cục Hải Quan và Sở Xây dựng cần tích cực đẩy mạnh công tác truyền thông, khuyến khích nhiều DN tham gia vào các chương trình hỗ trợ và đối thoại. Đây không chỉ là cơ hội để doanh nghiệp học hỏi và cập nhật thông tin mới, mà còn là cơ hội để cơ quan hiểu rõ hơn về những khó khăn và nhu cầu cụ thể của DN/HTX, từ đó tối ưu hóa chính sách và chủ trương hỗ trợ.

Các kết quả trên cho thấy cộng đồng DN/HTX ghi nhận những nỗ lực hỗ trợ của cá Sở, ban, ngành song các cơ quan tại tỉnh cần “chung tay” có các giải pháp hữu hiệu, cùng UBND tỉnh đưa CSTP hỗ trợ sản xuất kinh doanh thành công cụ tốt để giúp cải thiện môi trường kinh doanh tại tỉnh, thay vì trở thành “nút thắt” trong phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư như hiện nay. Cùng với đó, tiếp tục tập trung cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; tăng tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4, nhất là thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp cận điện năng, tăng cường cung cấp thông tin, công khai, minh bạch các cơ chế, chính sách; thường xuyên theo dõi, cập nhật tình hình hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh... vẫn là các hỗ trợ cải cách TTHC mà nhiều sở ban ngành đang theo đuổi.

3.3.7. Thiết chế pháp lý

Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP “Thiết chế pháp lý”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2023)

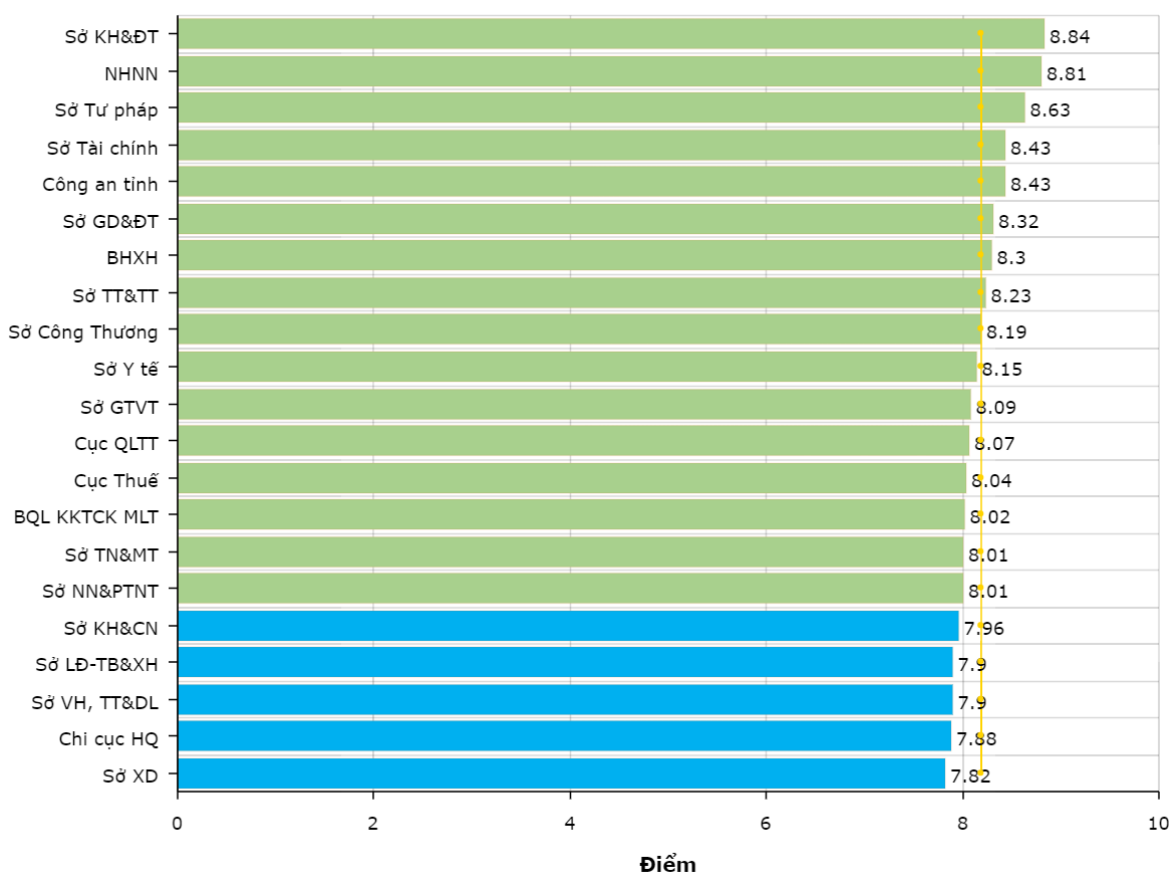
Thiết chế pháp lý tại các Sở, ban, ngành Lai Châu đạt mức điểm trung bình chung là 7,92 điểm, thuộc nhóm chỉ số thấp điểm trong 9 CSTP. Kết quả đưa ra 6 Sở, ban, ngành có điểm số thuộc nhóm tốt với mức điểm trên 8, gồm NHNN, Sở Tư pháp, Sở GD&ĐT, Sở VH, TT&DL, Sở KH&ĐT và Công an tỉnh. 15 Sở, ban, ngành còn lại thuộc nhóm điểm khá, tương ứng với mức độ hài lòng tương đối của cộng đồng doanh nghiệp liên quan đến thực thi pháp luật và thiết chế pháp lý.

UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành đều xác định phải xây dựng, củng cố niềm tin của doanh nghiệp với tỉnh, trong đó làm tốt công tác tuyên truyền những kết quả đã làm được và những giải pháp đang thực hiện nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Liên quan đến hiệu lực thiết chế, hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền của các sở ban ngành cũng được chú trọng. Tiếp đó, các DN/HTX cũng bày tỏ niềm tin cao hơn vào hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật do các sở ban ngành triển khai và thực thi. Chính vì vậy, đây là chỉ tiêu đạt điểm số cao trên 8 điểm, thuộc nhóm tốt.

Tuy nhiên, một số DN/HXT chưa biết đến cơ chế khiếu nại tố cáo những trường hợp những nhiều, làm trái quy định. Với những trường hợp đã từng khiếu nại, DN/HTX gần như phải khiếu nại vượt cấp để xử lý vấn đề, cho thấy vẫn có những thách thức và sự không hài lòng với quyết định, đặt ra nhu cầu cần có các cơ chế kiểm tra và rà soát lại từ các cấp quản lý cao hơn. Điều này cho thấy rằng hệ thống giải quyết khiếu nại tại các cơ quan cần cung cấp sự hỗ trợ và công bằng cho doanh nghiệp khi họ phải đối mặt với vấn đề pháp lý.

3.3.8. Vai trò người đứng đầu

Biểu đồ 3.16. Điểm số CSTP “Vai trò người đứng đầu”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

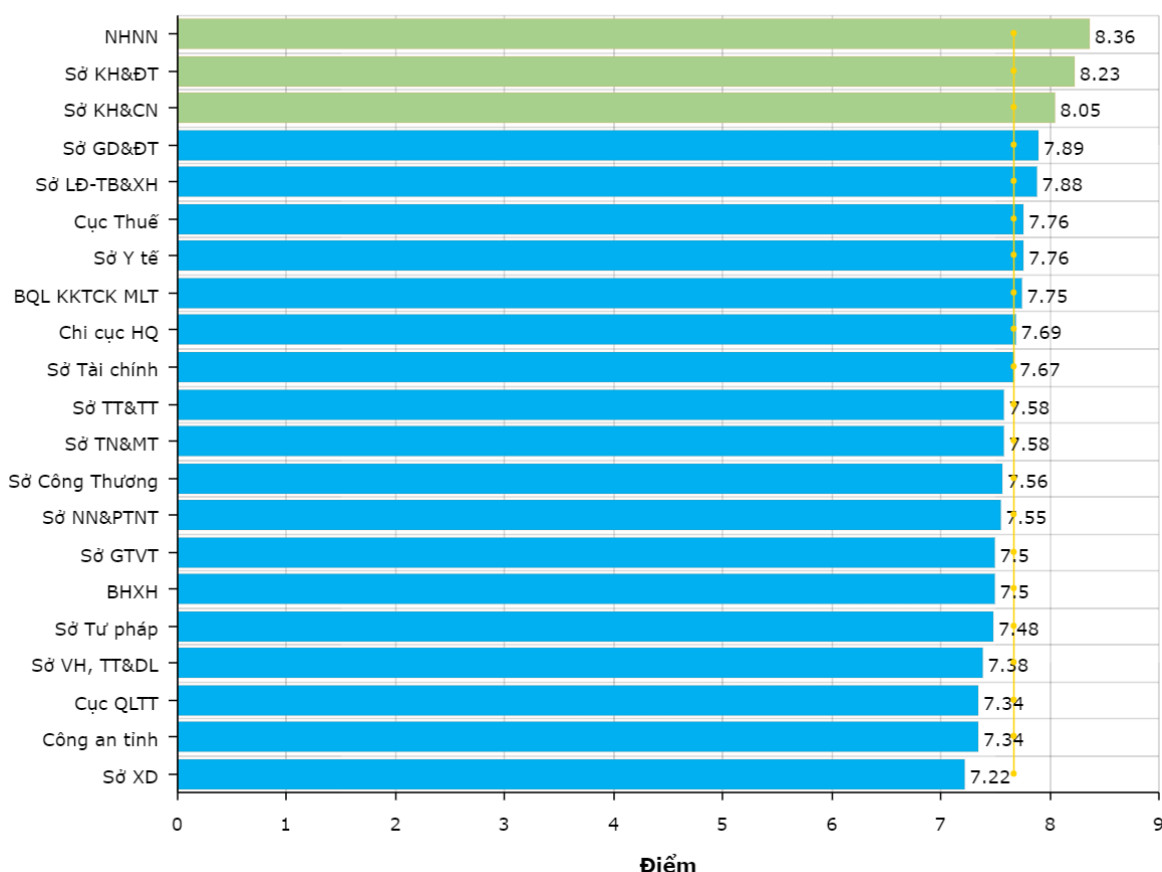
Vai trò người đứng đầu là CSTP được xếp hạng 2/ 9 CSTP, đạt 8,19 điểm. Kết quả này phản ánh một sự quan tâm và nỗ lực đáng kể của các Sở, ban, ngành trong việc cải thiện chất lượng và vai trò của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Ngoại trừ Sở KH&CN, Sở LĐ-TB&XH, Sở VH, TT&DL, Chi cục HQ và Sở XD là 5 đơn vị có điểm số ở nhóm khá, dưới 8 điểm thì các đơn vị còn lại đều được xếp hạng tốt, trên 8 điểm. Trong đó, Sở KH&ĐT đạt 8,84 điểm, là Sở đứng đầu ở chỉ số này.

Nhìn chung, các chỉ tiêu thành phần đều được DN/HTX đánh giá ở mức tốt, trên 8,0 điểm với tỉ lệ ủng hộ cao của hơn 90% DN/HTX. Các DN/HTX ghi nhận tinh thần chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ, có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN. Điều này cho thấy các cơ quan vẫn đang quan tâm và rất nỗ lực cải thiện vai trò của người đứng đầu trong những năm vừa qua, ghi dấu ấn trong cộng đồng DN/HTX.

3.3.9. Ứng dụng công nghệ thông tin

Điểm trung bình của chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin là 7,67 điểm và là một trong những CSTP được đánh giá cần cải thiện hơn khi chỉ xếp hạng 8/9 các CSTP được xếp hạng. Kết quả cho thấy chỉ có 3/21 đơn vị bao gồm NHNN, Sở KH&ĐT và Sở KH&CN được đánh giá tốt ở chỉ số này. Còn lại 18/21 cơ quan thuộc nhóm điểm khá, cần đẩy mạnh triển khai ứng dụng CNTT, đặc biệt là nâng cao tỷ lệ thực hiện TTHC trực tuyến trong thời gian tới.

Biểu đồ 3.17. Điểm số CSTP “Ứng dụng công nghệ thông tin”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

Nhìn chung, các tiêu chí của CSTP “Ứng dụng công nghệ thông tin” của các Sở, ban, ngành tỉnh Lai Châu được DN/HTX được đánh giá ở mức khá về các khía cạnh cung cấp thông tin, dịch vụ hỗ trợ hồi

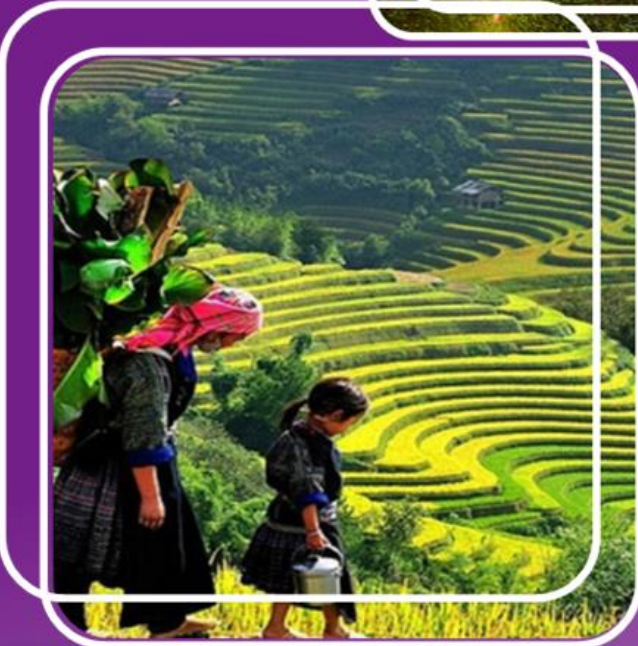
đáp trực tuyến và hoạt động của trang web hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn 11,46% DN/HTX cho biết không thường xuyên truy cập vào website Sở, ban, ngành để tìm kiếm thông tin mà doanh nghiệp mong muốn. Diễn hình, Sở XD cần tích cực đẩy mạnh, nâng cao điểm số ở tiêu chí này.

3.4. Kết luận tổng quan về điểm số và xếp hạng các Sở, ban, ngành trong DDCI Lai Châu năm 2023

Điểm số trung bình DDCI Lai Châu năm 2023 đạt 78,71 và giảm 0,82 điểm so với năm 2022. Nhìn chung, tỉnh Lai Châu đã có những bước tiến tích cực trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, nhất là trong các lĩnh vực như tính minh bạch và tiếp cận thông tin, tính năng động của Sở, ban, ngành, cũng như chi phí thời gian và chi phí không chính thức.

- Có sự đồng đều về điểm số khi nhiều đơn vị đạt điểm cao và khá, nhất là trong tính minh bạch và tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức cần vượt qua, đặc biệt là trong việc cải thiện mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước, một khía cạnh quan trọng đối với tính minh bạch và công bằng. Sự chủ động và tích cực của lãnh đạo các cơ quan được đánh giá cao, nhưng vẫn cần tăng cường tương tác và đối thoại hiệu quả với doanh nghiệp.
- Tính cạnh tranh bình đẳng và hỗ trợ doanh nghiệp là hai lĩnh vực mà tỉnh Lai Châu cũng đã có những bước tiến, nhưng chưa đồng đều giữa các cơ quan, vẫn cần những cải thiện để đảm bảo sự bình đẳng và sự hỗ trợ hiệu quả đối với doanh nghiệp và hợp tác xã.
- Điểm đáng chú ý là chi phí không chính thức, một số Sở, ban, ngành vẫn phải nỗ lực để giảm thiểu ảnh hưởng của chi phí này đối với doanh nghiệp. Cải thiện trong lĩnh vực này có thể là chìa khóa để thu hút đầu tư và tạo ra một môi trường kinh doanh lành mạnh hơn.

CHƯƠNG IV: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG





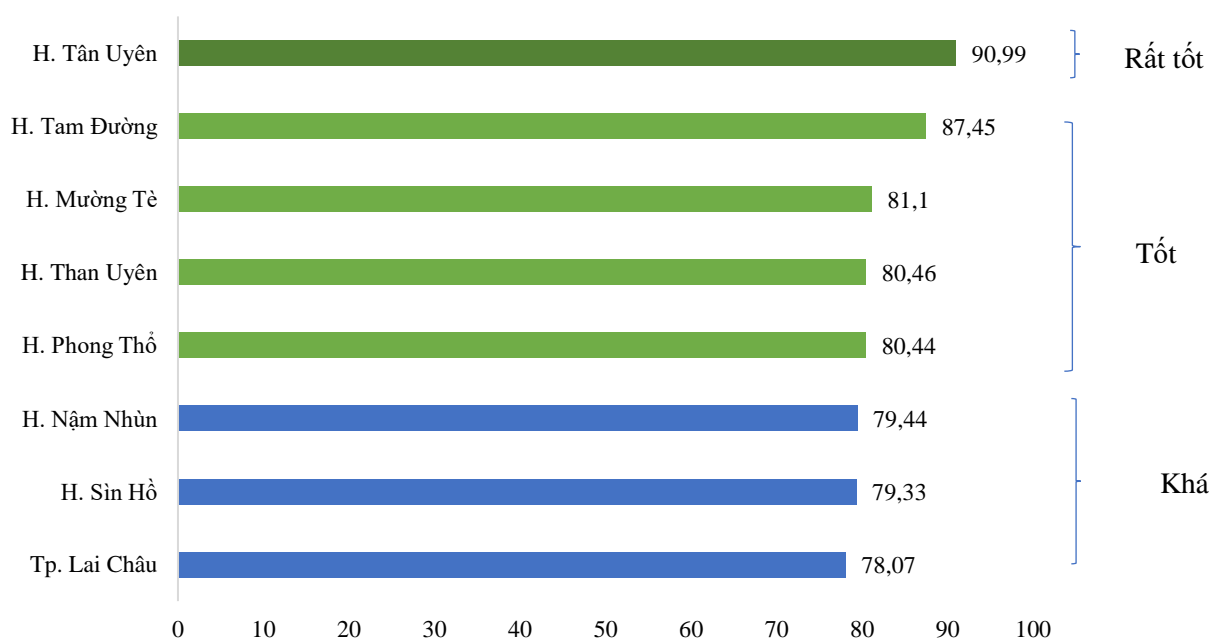
CHƯƠNG IV: CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG

4.1. Kết quả điểm số DDCI cấp địa phương

Kết quả điểm số của các địa phương trong Khảo sát DDCI Lai Châu năm 2023 đã chứng kiến một sự cải thiện đáng kể, đặc biệt là khi tất cả các địa phương đều đạt điểm trên 70 điểm theo thang điểm 100. Điểm trung bình của DDCI Lai Châu cấp địa phương năm 2023 đạt 82,17 điểm, giảm nhẹ 1,43 điểm so với năm 2022:

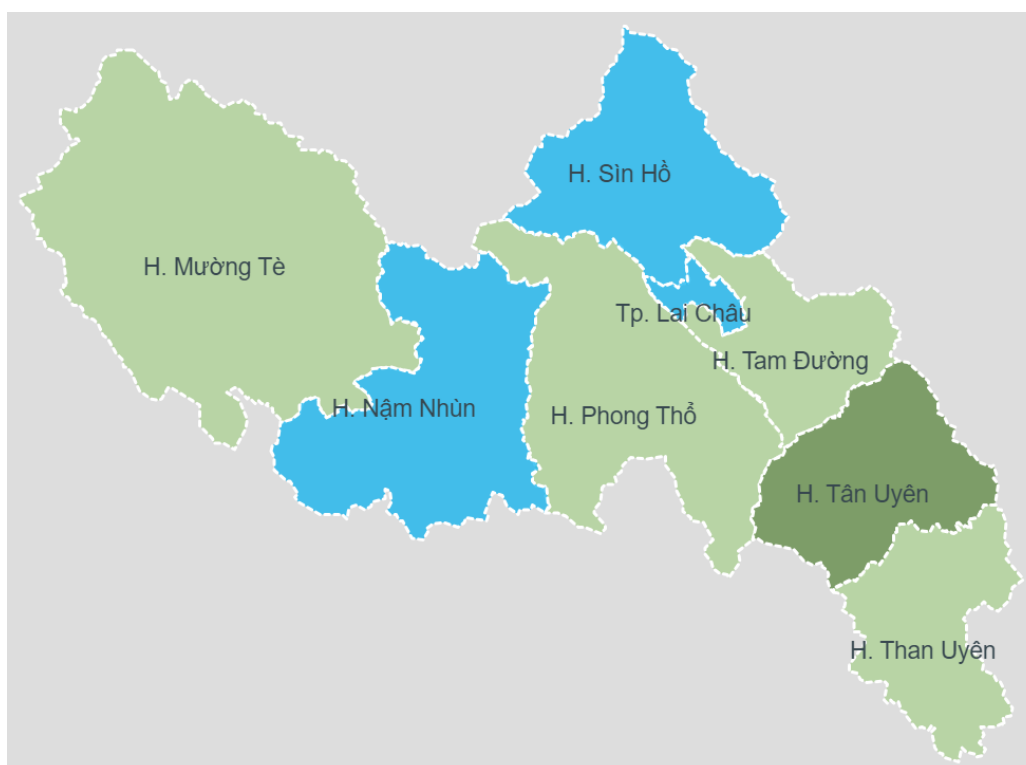
- *Nhóm điều hành rất tốt* là các địa phương được đánh giá trên 90 điểm: Huyện Tân Uyên với 90,99 điểm là địa phương đứng đầu trong năm 2023.
- *Nhóm điều hành tốt*: gồm Tam Đường, Mường Tè, Than Uyên và Phong Thổ với mức điểm trong dải điểm 80 điểm đứng lần lượt ở vị trí thứ hai, thứ ba, thứ tư và thứ năm.
- *Nhóm điều hành khá*: gồm 3 địa phương còn lại với mức điểm dưới 80 điểm. Trong đó, huyện Nậm Nhùn ở vị trí thứ huyện Sìn Hồ và thành phố Lai Châu tiếp tục ở nhóm cuối bảng xếp hạng.

Biểu đồ 4.1. Điểm số của DDCI Lai Châu cấp địa phương năm 2023



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Hình 4.1. Bản đồ kết quả DDCI cấp địa phương tỉnh Lai Châu năm 2023



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Khoảng cách chênh lệch điểm số của địa phương đứng đầu và đứng cuối bảng xếp hạng là 12,92 điểm, rút ngắn hơn mức 20,49 điểm năm 2022 và sự phân hóa điểm số cũng cho thấy phần nào có sự chênh lệch trong chất lượng quản lý, điều hành theo cảm nhận của các HKD dù so với năm 2022, khoảng cách này đang dần được thu hẹp hơn. Mặc dù đã có sự thu hẹp, nhưng để tiếp tục cải thiện điểm số và thứ hạng, các địa phương cần đặt nỗ lực lớn vào việc cải thiện các chỉ số thành phần còn thấp và đẩy mạnh các biện pháp cải cách hành chính.

Các địa phương trong năm 2023 đã nhận được đánh giá tích cực từ các chỉ số thành phần của DDCI Lai Châu. Các khía cạnh đánh giá này cho thấy sự tiên bộ và nỗ lực trong quá trình phát triển kinh tế và quản lý địa phương. Điều đáng chú ý là các chỉ số vai trò của người đứng đầu, cạnh tranh bình đẳng và tính năng động của chính quyền địa phương đã đạt điểm số cao nhất, thể hiện sự ổn định và hiệu quả trong quản lý lãnh đạo và công bằng. Tuy nhiên, không phải tất cả các chỉ số đều đạt được thành tích cao, và có một số điểm cần được tập trung cải thiện. Chẳng hạn, các chỉ số hỗ trợ sản xuất kinh doanh, chi phí không chính thức và ứng dụng công nghệ thông tin đang là những lĩnh vực đòi hỏi sự nỗ lực và chú ý đặc biệt từ phía các địa phương. Việc cải thiện những khía cạnh này sẽ đóng góp tích cực vào việc tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi hơn, hỗ trợ sự phát triển của các hộ kinh doanh và địa phương nói chung.

4.2. Sự thay đổi kết quả của các địa phương

4.2.1. Thay đổi về điểm số

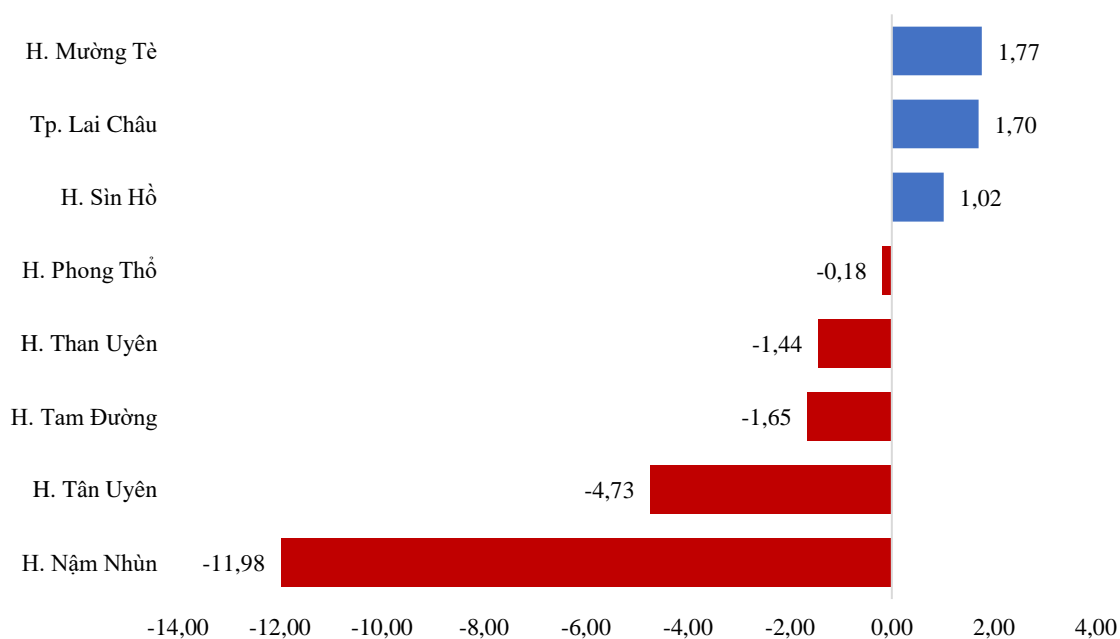
Điểm số trung bình của DDCI cấp địa phương năm 2023 là 82,17 điểm, giảm nhẹ 1,43 điểm so với năm 2022. Tuy vậy, khoảng cách chênh lệch giữa địa phương đứng đầu và đứng cuối bảng đã rút ngắn hơn năm 2020 từ 20,49 điểm xuống 12,9 điểm. Xu hướng thu hẹp điểm số diễn ra mạnh mẽ khi các cơ quan nhóm dưới có nhiều nỗ lực cải cách ấn tượng, kết quả của quá trình nghiên cứu và học hỏi, áp dụng các

thực tiễn tốt về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh từ nhiều địa phương khác. Trong khi đó, các địa phương nhóm trên của bảng xếp hạng gặp nhiều thách thức hơn trước yêu cầu tiếp tục đưa ra các sáng kiến mới, cách làm mới nhằm thúc đẩy cải cách hành chính và phát triển kinh tế.

- Nhóm tăng điểm: Kết quả DDCI cấp địa phương cho thấy 3/8 địa phương đã có sự cải thiện về mặt điểm số. Một số địa phương có mức tăng điểm cao là huyện huyện Mường Tè và thành phố Lai Châu tăng hơn 1,7 điểm. Tuy nhiên, do nền điểm thấp nên thứ hạng của Tp. Lai Châu chưa có nhiều cải thiện. Bên cạnh đó, huyện Phong Thổ có cải thiện nhẹ trong điểm DDCI trung bình.

- Nhóm giảm điểm: 5/8 địa phương còn lại có mức giảm khá đáng kể, đặc biệt là huyện Nậm Nhùn giảm 11,98 điểm và huyện Tân Uyên giảm 4,73 điểm. Điều này cũng khiến thứ hạng của các huyện trên bị ảnh hưởng tương đối trên bảng xếp hạng năm 2023.

Biểu đồ 4.2. Mức thay đổi điểm số của các địa phương trong DDCI năm 2023 so với năm 2022



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

4.2.2. Thay đổi về thứ hạng

So sánh kết quả DDCI Lai Châu năm 2023 với các năm trước, có thể nhận thấy một sự ổn định và tích cực trong bảng xếp hạng của các địa phương. Hầu hết các địa phương đã duy trì và giữ vững được thứ hạng của mình mà không có quá nhiều biến động đột ngột, tạo ra một bức tranh ổn định về chất lượng quản lý và phát triển kinh tế địa phương.

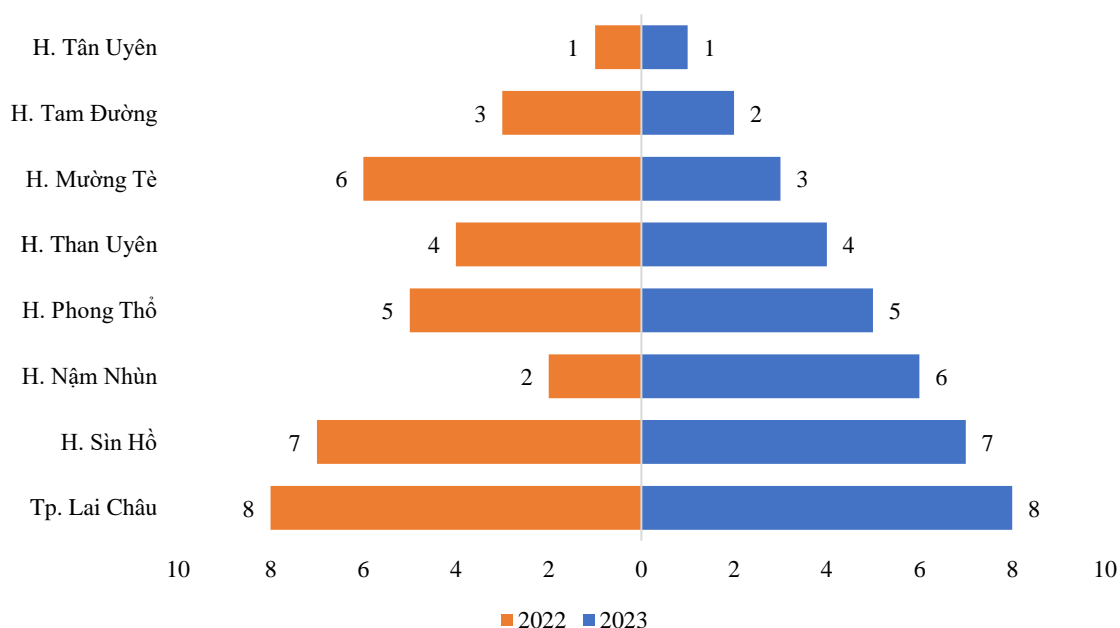
- Trong nhóm các địa phương thăng hạng, có sự nổi bật của Mường Tè khi tăng 3 bậc, thể hiện sự cố gắng và đổi mới trong quá trình quản lý và phát triển. Việc Mường Tè tăng 3 bậc như vậy là do những cải thiện về điểm số ở các CSTP như Tính minh bạch và tiếp cận thông tin, Tính năng động của chính quyền địa phương, và đặc biệt là Ứng dụng công nghệ thông tin. Có thể thấy kết quả này là do các chương trình đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin tại địa phương, ví dụ như chương trình “Tuổi trẻ Mường Tè tiên phong chuyển đổi số”. Ứng dụng công nghệ số vào công tác đoàn và phong trào thanh, thiếu nhi, các cơ sở đoàn trực thuộc chủ động tổ chức hoạt động nâng cao năng lực số cho ĐVTN thông qua duy trì, tổ chức các đội hình thanh niên tình nguyện tập huấn chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin cho người dân. Phát triển các câu lạc bộ, cuộc thi,

ngày hội, sinh hoạt đội, nhóm về công nghệ số, chuyển đổi số. Tổ chức các chương trình, diễn đàn thực hành công nghệ số trong thanh, thiếu nhi.

Bên cạnh đó, Tam Đường ghi nhận việc tăng 1 bậc, cho thấy sự cải thiện liên tục trong nhiều khía cạnh.

- Tuy nhiên, không tránh khỏi sự biến động khi có địa phương như Nậm Nhùn giảm từ hạng 2 xuống hạng 6. Sự thay đổi này thể hiện qua sự sụt giảm trong các CSTP như Tính minh bạch và tiếp cận thông tin hay Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh.
- Nhóm các địa phương giữ nguyên thứ hạng gồm 4 địa phương là Tân Uyên, Than Uyên, Sìn Hồ, Phong Thổ và thành phố Lai Châu.

Biểu đồ 4.3. Mức thay đổi thứ hạng của các địa phương trong DDCI năm 2023 và 2022



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2022)

DDCI là một chặng đường cải cách liên tục và dài lâu, chính vì vậy, để xác định được xu hướng và đề ra các cải cách cần xét trên khoảng thời gian dài hạn hơn. Có những địa phương có thể giảm điểm hoặc tăng điểm nhưng để duy trì nhịp độ cũng như phục hồi thì cần sự kiên trì và bền bỉ.

4.3. Kết quả các chỉ số thành phần

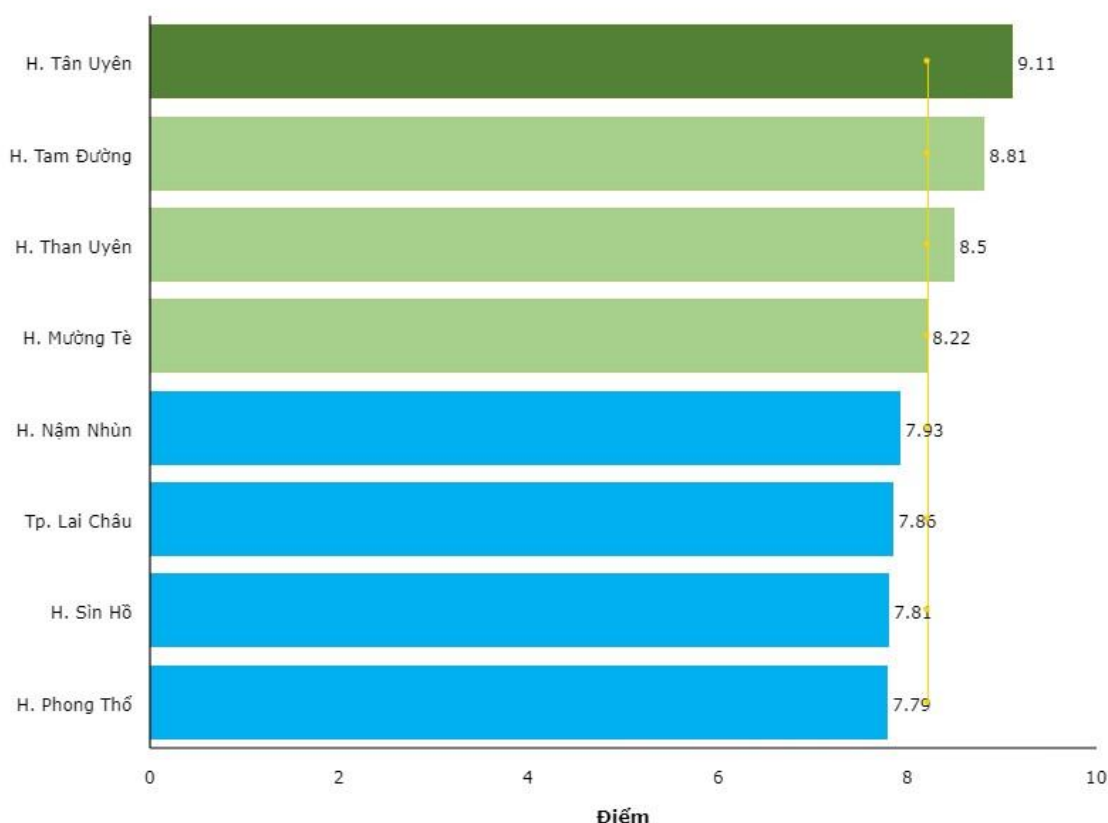
4.3.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Tính minh bạch và tiếp cận thông tin đề cập tới khả năng các đối tượng kinh doanh có thể tìm hiểu, tiếp cận đến những kế hoạch và văn bản pháp lý mang tính chất công khai của huyện, thành phố cần thiết cho hoạt động kinh doanh của mình. Sự sẵn có của các loại tài liệu, mức độ tiện dụng của việc tìm kiếm và sự dễ dàng trong tiếp cận thông tin là những yêu cầu cần thiết để đảm bảo cho tính minh bạch.

Tính minh bạch có điểm số 8,26 điểm xét trung bình chung toàn tỉnh, xếp 5/10 trong số các CSTP được xếp hạng. Các phân tích sâu cho thấy bảng xếp hạng riêng CSTP này ghi nhận kết quả tích cực tại Tân Uyên xếp hạng rất tốt - đạt 9,11 điểm, Tam Đường, Than Uyên và Mường Tè - xếp hạng tốt, trên 8 điểm. Các huyện còn lại được xếp hạng khá, trên 7,0 điểm. Trong đó, huyện Tam Thổ đạt 7,79 điểm xếp cuối trong các địa phương về CSTP tính minh bạch và tiếp cận thông tin.

Cũng như các Sở, ban, ngành, tính minh bạch và tiếp cận thông tin cấp địa phương được các HKD đánh giá tương đối tốt - đều đạt điểm số được xếp hạng tốt, về các khía cạnh như hướng dẫn về TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện, các văn bản được công khai, minh bạch. Tuy nhiên, vẫn còn có một số chỉ tiêu chỉ ở mức khoảng 5 điểm, trung bình thấp như: (1) HKD đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử (Website) của địa phương để tìm kiếm thông tin, (2) “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các HKD thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC và (3) “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các HKD thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của địa phương. Điển hình, huyện Mường Tè, Phong Thổ, Sìn Hồ và Than Uyên cần nỗ lực nhiều để cải thiện các chỉ tiêu này khi điểm số trung bình của các địa phương đều khoảng 5,0 điểm - xếp hạng mức trung bình.

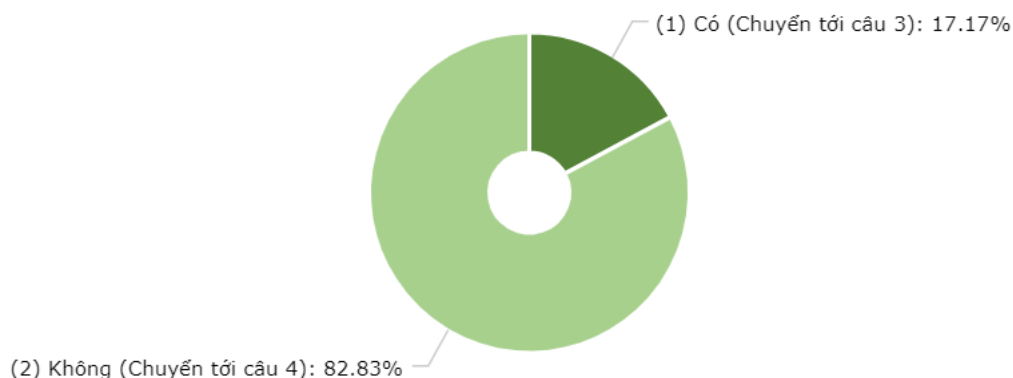
Biểu đồ 4.4. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và tiếp cận thông tin”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Tuy điểm số về tính minh bạch và tiếp cận thông tin của các HKD có sự cải thiện, nhưng vẫn tồn tại một thách thức lớn đối trong việc áp dụng công nghệ thông tin thực hiện các thủ tục hành chính. Điều đáng chú ý là có phần lớn các HKD tại địa phương chưa từng truy cập cổng thông tin điện tử (Website) của địa phương để tìm kiếm thông tin, với tỷ lệ lên đến 82,83%. Mặc dù có sự giảm so với năm 2022, đây vẫn là một con số đáng kể. Để giải quyết thách thức này, các địa phương có thể tăng cường công tác truyền thông và hướng dẫn sử dụng cho cộng đồng HKD về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và thực hiện thủ tục hành chính. Đồng thời, cần xây dựng cổng thông tin điện tử khoa học và thân thiện người dùng để tối ưu hóa trải nghiệm của người sử dụng. Bằng cách này, khả năng tiếp cận thông tin của các HKD có thể được cải thiện trong thời gian tới.

Biểu đồ 4.5. Tỷ lệ các HKD đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử (website) của địa phương để tìm kiếm, thông tin

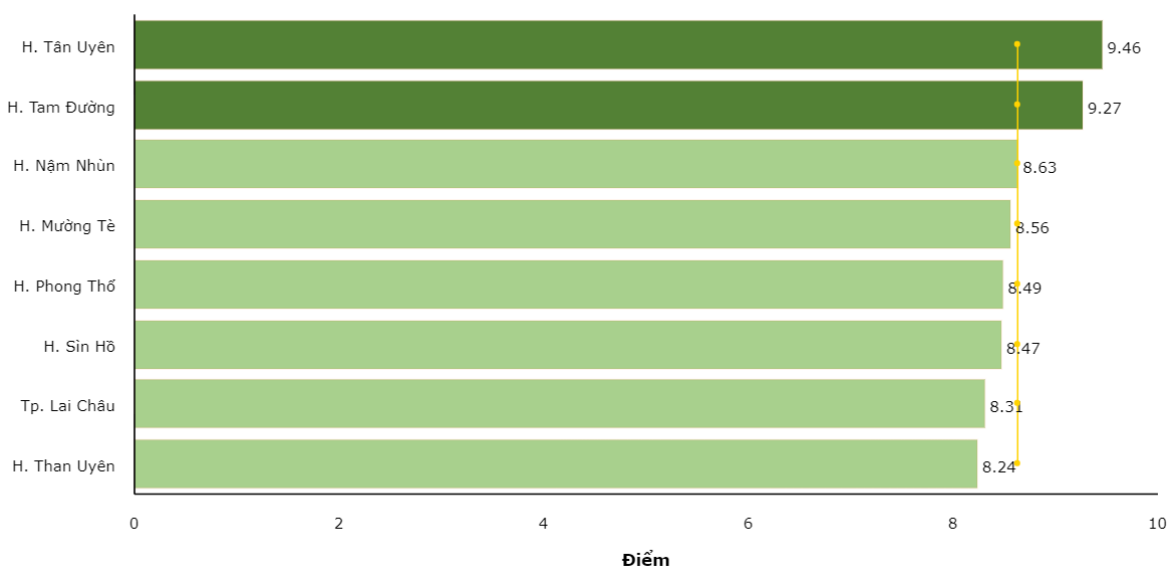


Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

4.3.2. Tính năng động của chính quyền địa phương

Tính năng động của chính quyền địa phương trong việc thực hiện các chương trình và chủ trương của UBND tỉnh Lai Châu là một trong những yếu tố quan trọng, được DDCI Lai Châu đặc biệt quan tâm và đánh giá. Chỉ tiêu này đã đạt được mức điểm 8,68 trung bình cho toàn tỉnh, ở vị trí thứ ba trong bảng xếp hạng giữa các CSTP. Tân Uyên tiếp tục dẫn đầu bảng xếp hạng, thể hiện sự xuất sắc trong việc tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi và linh hoạt. Đáng chú ý, ngay cả địa phương đứng cuối bảng xếp hạng về chỉ tiêu này, Than Uyên vẫn đạt được mức điểm 8,24, thuộc nhóm điểm tốt. Điều này cho thấy mức độ chất lượng và năng động trong quá trình triển khai các chính sách, chủ trương kinh tế từ UBND tỉnh đến cấp địa phương.

Biểu đồ 4.6. Điểm số CSTP “Tính năng động của chính quyền địa phương”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Tính năng động, sáng tạo của địa phương được đánh giá qua 6 chỉ tiêu đều đạt trên 8,37 điểm. Hơn 90% HKD đánh giá cao các khía cạnh: nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề

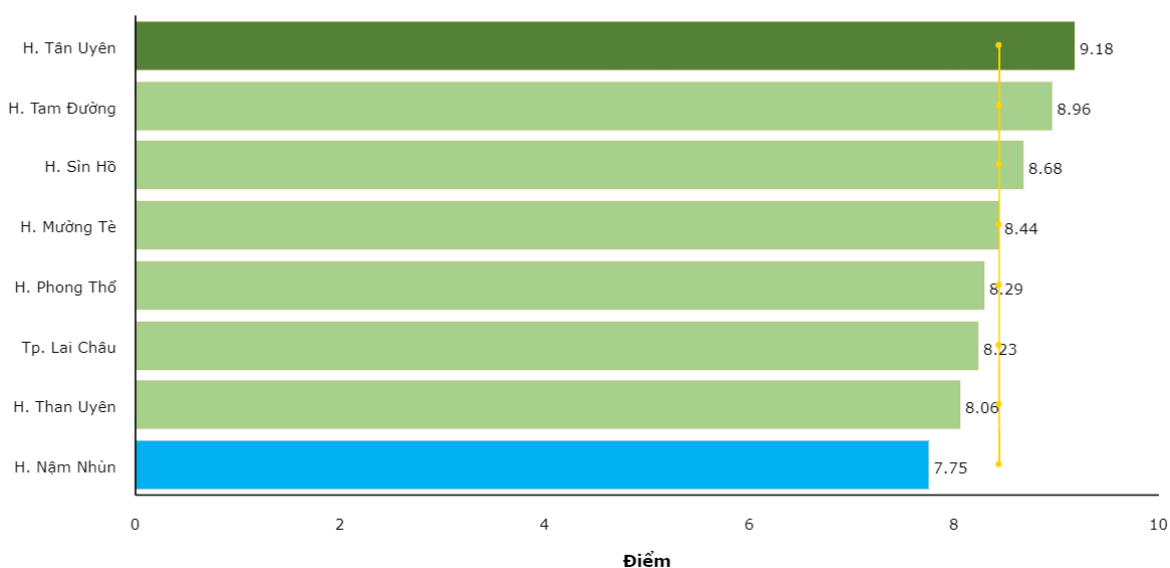
xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh; tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh; Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh. Điều này cho thấy sự nỗ lực của các địa phương trong quá trình điều hành, quản lý ở địa phương về việc tạo thuận lợi cho môi trường kinh doanh, đầu tư của DN, HTX, HKD.

Để đạt được kết quả tốt hơn trong DDCI, quan trọng hơn, mang lại những thay đổi đáng kể cho địa phương trong những năm tiếp theo, đòi hỏi chính quyền các huyện, thành phố cần có những giải pháp vừa linh hoạt, vừa bền vững. Linh hoạt, sáng tạo trong khuôn khổ pháp luật để kịp thời đón đầu những khó khăn, dám nghĩ, dám làm có giải pháp phù hợp hỗ trợ các cơ sở SXKD trong bối cảnh đặc trưng của địa phương. Bền vững trong các giải pháp, chiến lược, bền bỉ theo đuổi mục tiêu nâng cao năng lực tại địa phương mình.

4.3.3. Chi phí thời gian

Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước đo lường thời gian mà các HKD phải bỏ ra khi thực hiện các thủ tục hành chính, cũng như mức độ thường xuyên và thời gian mà HKD phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.

Biểu đồ 4.7. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian”



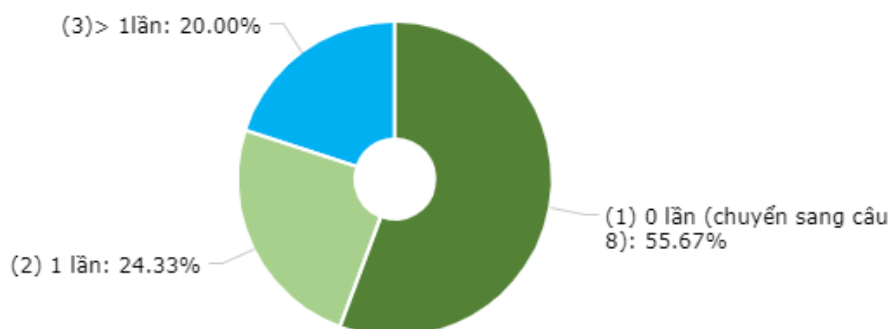
Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Nhìn chung, đây là CSTP nhận được nhiều sự quan tâm của lãnh đạo các cấp tỉnh Lai Châu. Trên phương diện DDCI cấp địa phương, CSTP này có điểm số trung bình đạt 8,45, ở vị trí 4/10 CSTP được xếp hạng. Đây là điểm số và thứ hạng tương đối cao. So sánh giữa các huyện và thành phố, Tân Uyên là địa phương được đánh giá rất tốt, Tam Đường, Sìn Hồ, Mường Tè, Phong Thổ, thành phố Lai Châu và Than Uyên ở nhóm điểm tốt. Trong khi đó Nậm Nhùn ở mức điểm khá dưới 8 điểm. Chỉ số này có sự phân hóa điểm số và cách biệt khá rõ giữa các nhóm địa phương, cho thấy các HKD vẫn còn mất thời gian hơn khi làm việc ở một số địa phương.

Chi phí thời gian được đánh giá bởi 10 chỉ tiêu thể hiện qua những khía cạnh như năng lực, chuyên môn giải quyết công việc của cán bộ, công việc cũng như thái độ phục vụ, sự nhiệt tình, không gây khó dễ cho HKD. Phân tích chi tiết vào các chỉ tiêu, các chỉ tiêu đều được đánh giá đạt mức tốt và rất tốt với

mức độ hài lòng cao của các HKD. Riêng hai chỉ tiêu “Số lần các đoàn công tác của ĐP tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN” và “Nội dung thanh kiểm tra chéo/trùng lặp với các Sở, Ban, Ngành” vẫn còn ở mức khá (dưới 8 điểm). Kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn 20% HKD tham gia khảo sát phải tiếp hơn 1 lần trong năm qua và khoảng 23,38% HKD cho biết nội dung các cuộc thanh tra, kiểm tra trùng lặp. Cụ thể, các huyện Mường Tè, Tân Uyên, Than Uyên và Nậm Nhùn cần cải thiện các chỉ số này.

Biểu đồ 4.8. Số lần thanh tra, kiểm tra ở các địa phương

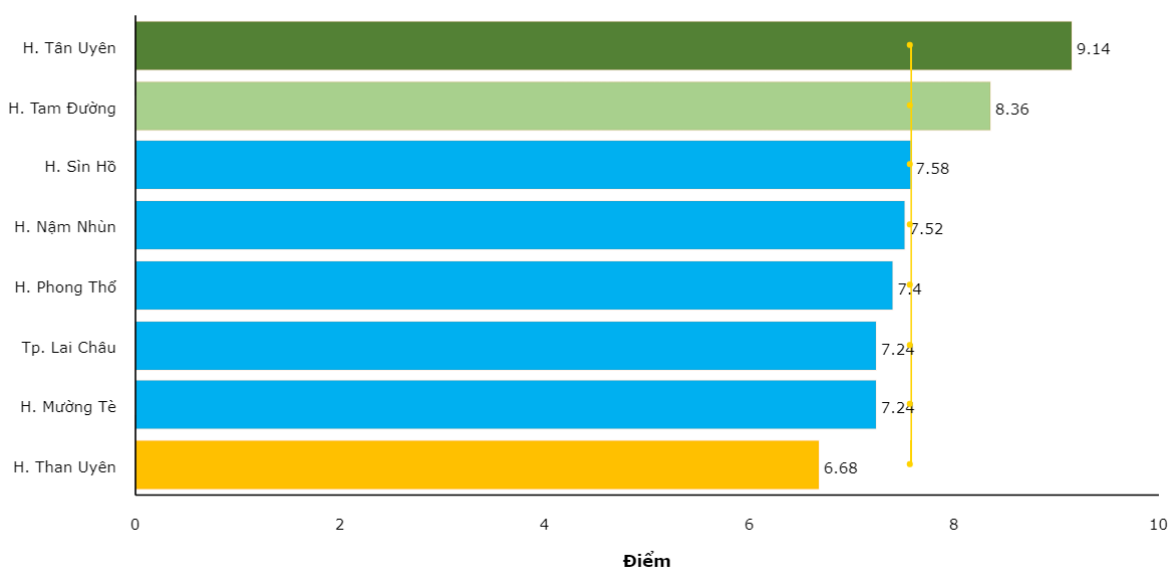


Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Có thể nhận thấy rằng, không khí tích cực trong hoạt động CCHC, giảm chi phí thời gian thực hiện TTHC đã lan tỏa tại nhiều địa phương trong tỉnh, song tốc độ cải cách không giống nhau. Để các hành động này mang lại hiệu quả sâu rộng, với mục tiêu rõ ràng thì cần có chương trình cụ thể, đồng thời học hỏi các mô hình hay, cách làm sáng tạo. Hiệu quả cải cách chi phí thời gian và tuân thủ quy định pháp luật không chỉ mang lại điểm số và thứ hạng tốt hơn trong bảng xếp hạng DDCI mà còn mang đến các thay đổi thực chất, xây dựng niềm tin, tâm lý thoải mái, gần gũi, thân thiện cho cơ sở SXKD khi giải quyết TTHC tại cơ quan công quyền. Từ đó, môi trường kinh doanh tại tỉnh chắc chắn sẽ cải thiện tích cực, mang lại một hình ảnh Lai Châu năng động, tích cực, cạnh tranh và thu hút đầu tư mạnh mẽ.

4.3.4. Chi phí không chính thức

Biểu đồ 4.9. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”

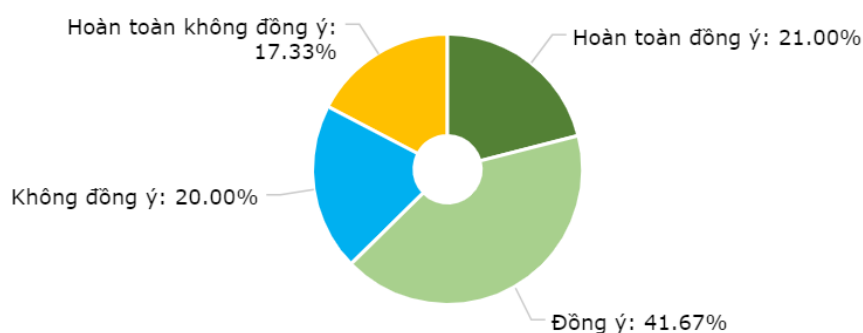


Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Điểm số của chỉ số chi phí không chính thức tại các địa phương đạt trung bình 7,65 điểm, đây là một trong hai chỉ số thấp nhất trong số các CSTP được xếp hạng. So sánh giữa các địa phương, chênh lệch điểm số là đáng kể, cho thấy thực trạng chi trả chi phí không chính thức vẫn còn phổ biến ở một số địa phương. Các địa phương như Tân Uyên và Tam Đường là các địa phương có điểm số ở vị trí dẫn đầu bảng xếp hạng. Ngược lại, ở các địa phương như Sin Hồ, Nậm Nhùn, Phong Thổ, thành phố Lai Châu, Mường Tè và Than Uyên điểm số xếp hạng ở nhóm khá, dưới mức 8 điểm, chỉ ra rằng chi phí không chính thức vẫn là một thách thức đối với doanh nghiệp và hộ kinh doanh ở những địa phương này. Kết quả này cho thấy thách thức trong việc quản lý chi phí không chính thức ở các địa phương, đồng thời đặt ra yêu cầu về việc tăng cường giám sát và giảm thiểu những gánh nặng này đối với doanh nghiệp và cộng đồng kinh doanh.

Đánh giá về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức cấp địa phương, vẫn còn 10,34% HKD biết tình trạng này còn phổ biến và gần như thành yêu cầu mặc định ngầm. Đặc biệt, có 37,33% HKD đánh giá rằng chi phí này không có chiều hướng giảm qua các năm. Điều này cho thấy rằng, mặc dù một số cải thiện đã được đạt được, nhưng vẫn cần sự kiên trì và nỗ lực từ phía các địa phương, đặc biệt là ở nhóm địa phương ở cuối bảng xếp hạng. Cần có các biện pháp quyết liệt để ngăn chặn và giảm thiểu chi phí không chính thức, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho HKD và tăng cường tính minh bạch trong môi trường kinh doanh.

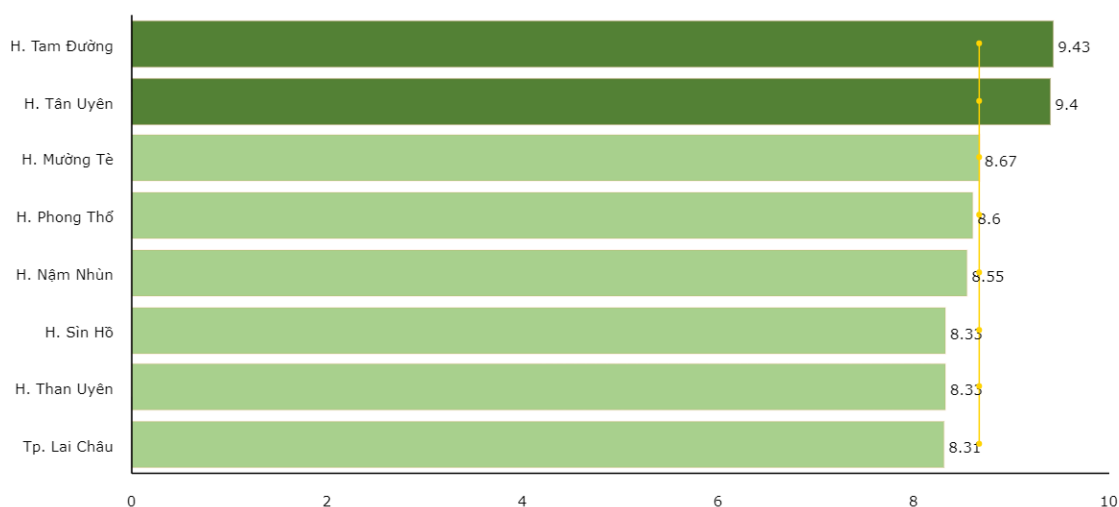
Biểu đồ 4.10. Chỉ tiêu chi phí không chính thức năm có xu hướng giảm so với các năm trước



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

4.3.5. Cạnh tranh bình đẳng

Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

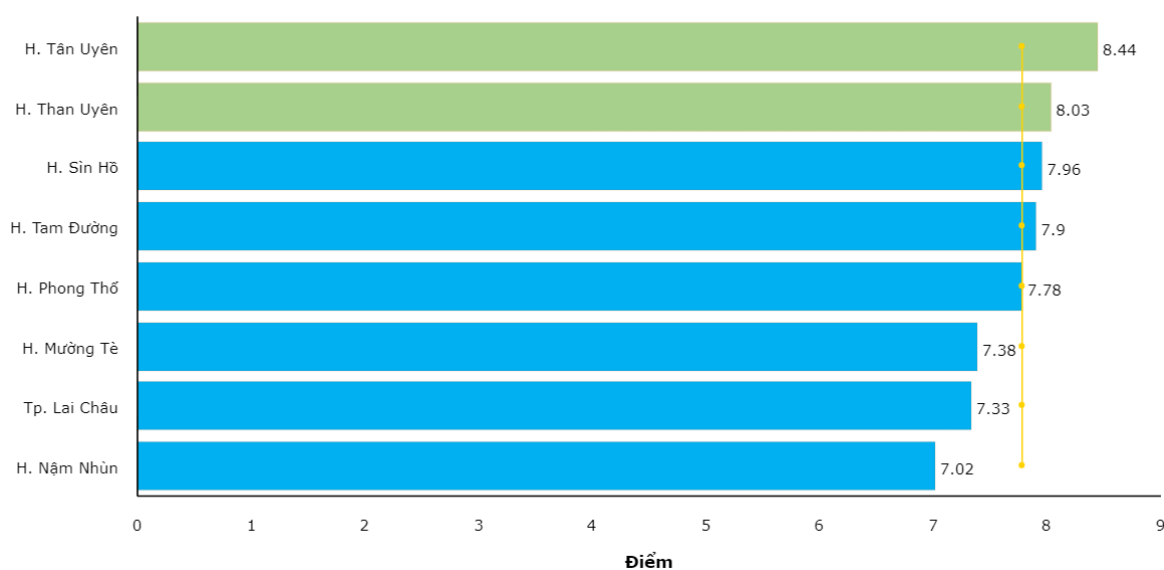
Trong DDCI cấp địa phương, chỉ số cạnh tranh bình đẳng có điểm số trung bình đạt 8,7, ở vị trí thứ hai trong CSTP được xếp hạng. So sánh giữa các huyện và thành phố, Tam Đường và Tân Uyên thuộc nhóm đứng đầu bảng xếp hạng với điểm số khá cao trên 9 điểm. Các địa phương còn lại cũng đạt mức điểm tốt.

Đi sâu vào các chỉ tiêu, kết quả khảo sát cho thấy tất cả các chỉ tiêu đều được đánh giá tốt, trên 8 điểm. Điều này cho thấy cộng đồng HKD đã có ghi nhận và đánh giá cao sự nỗ lực của chính quyền các cấp trong việc tạo dựng môi trường bình đẳng cho DN, HTX, HKD trong việc tiếp cận các nguồn lực, tín dụng, thực hiện thủ tục hành chính, đặc biệt trong tiếp cận đất đai. Đây là một trong những tín hiệu tích cực, mang lại hiệu quả, khẳng định được quyết tâm cải thiện môi trường kinh doanh.

4.3.6. Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh

Chỉ số hỗ trợ sản xuất, kinh doanh trong bộ chỉ số DDCI Lai Châu đề cập đến vấn đề hỗ trợ DN, HTX, HKD ở tất cả mọi lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của UBND các huyện, thành phố dưới nhiều hình thức khác nhau như: hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, viễn thông, lao động, các chương trình khuyến công, khuyến nông, chương trình khuyến khích sản xuất lớn, chương trình đào tạo khởi sự, chương trình xúc tiến thương mại, chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức về pháp luật cho DN, HTX, HKD,... Mục đích cuối cùng là tạo điều kiện giúp các DN, HTX, HKD phát triển tốt nhất và thu hút DN đầu tư vào tỉnh.

Biểu đồ 4.12. Điểm số CSTP “Hỗ trợ doanh nghiệp”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và *Economica Vietnam* (2023)

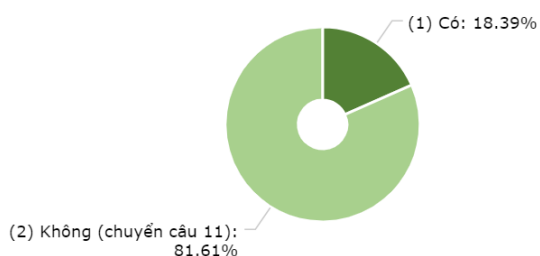
Dưới góc độ DDCI cấp địa phương, điểm số trung bình chung cho CSTP này là 7,73 điểm, mức khá xếp hạng 8/10 CSTP. Các phân tích sâu cho thấy bảng xếp hạng riêng CSTP hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ ghi nhận kết quả tích cực tại huyện Tân Uyên và Than Uyên được xếp hạng tốt, trên 8 điểm. Các địa phương còn lại ở nhóm điểm khá, ở mức 7 điểm. Một cách hiểu khác, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh tại các địa phương được ghi nhận một số tích cực song chưa đạt kỳ vọng của các cơ sở SXKD trong tỉnh.

Điểm số thấp của chỉ số liên quan đến sự tham gia của HKD trong các chương trình hỗ trợ và đối thoại do địa phương tổ chức có thể được giải thích bởi điểm số thấp của hai chỉ tiêu cụ thể: “HKD tham gia các chương trình hỗ trợ” và “HKD tham gia các buổi đối thoại”.

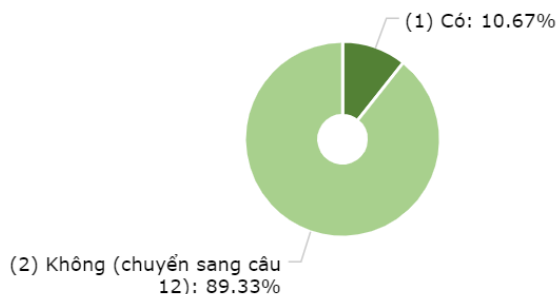
Chỉ có 18,39% DN/HTX/HKD đã tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và chỉ 10,67% tham gia các buổi đối thoại do địa phương tổ chức. Điều này có thể phản ánh sự thiếu hiệu quả trong công tác tuyên truyền và thu hút sự chú ý từ phía cộng đồng HKD ở địa phương. Tuy nhiên, đối với những HKD đã tham gia, họ đánh giá cao chất lượng và hiệu quả của các chương trình này, với điểm số trung bình khá cao, vượt qua mức 7 điểm.

Biểu đồ 4.13. Tỷ lệ HKD tham gia các chương trình hỗ trợ và tham gia các buổi đối thoại

(a) Chương trình hỗ trợ



(b) Chương trình đối thoại



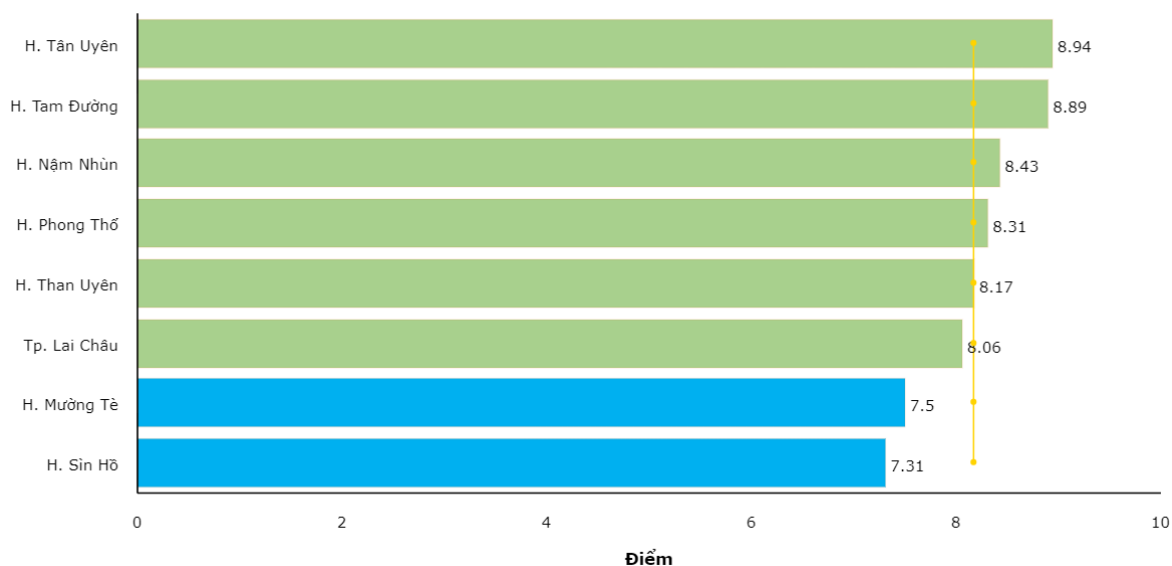
Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Để cải thiện chỉ số này, các địa phương có thể tăng cường hoạt động truyền thông, chia sẻ thông tin một cách rộng rãi về các chương trình hỗ trợ và các buổi đối thoại để thu hút sự tham gia của các HKD, đặc biệt là nhóm HKD nhỏ và siêu nhỏ.

4.3.7. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

Chỉ số thiết chế pháp lý đánh giá các huyện, thành phố trong hiệu quả thực thi các quy định pháp luật, chính sách, chương trình trong phạm vi quản lý; hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cũng như công tác tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo của DN, HTX, HKD, tạo điều kiện thuận lợi, tránh các hành vi gây nhiễu, khó khăn cho đối tượng kinh doanh khi giải quyết các công việc, thủ tục hành chính.

Biểu đồ 4.14. Điểm số CSTP “Thiết chế pháp lý”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Thiết chế pháp lý dưới góc độ DDCI cấp địa phương là chỉ số có điểm số ở mức tốt với 8,2 điểm trung bình toàn tỉnh, xếp hạng 6/10 CSTP. Huyện Tân Uyên, Tam Đường, Nậm Nhùn, Phong Thổ, Than Uyên và thành phố Lai Châu là 6 huyện có điểm số ở nhóm tốt, trên 8 điểm. Còn lại là các địa phương thuộc nhóm điểm khá, ở mức 7 điểm. Huyện Sìn Hồ là địa phương thấp điểm nhất khi chỉ đạt 7,31 điểm.

Các chỉ tiêu thuộc chỉ số Thiết chế pháp lý trong DDCI năm 2023 tại tỉnh Lai Châu đều đạt kết quả tích cực, với điểm số trung bình vượt qua mức 8 điểm. Điều này thể hiện sự hiệu quả cao trong việc xây dựng và thực thi hệ thống quy định và quy trình pháp luật cấp địa phương. Tuy nhiên, một lo ngại xuất hiện ở chỉ tiêu đánh giá sự tuân thủ của cán bộ và nhân viên địa phương với quy định pháp luật và khả năng giải quyết thủ tục hành chính.

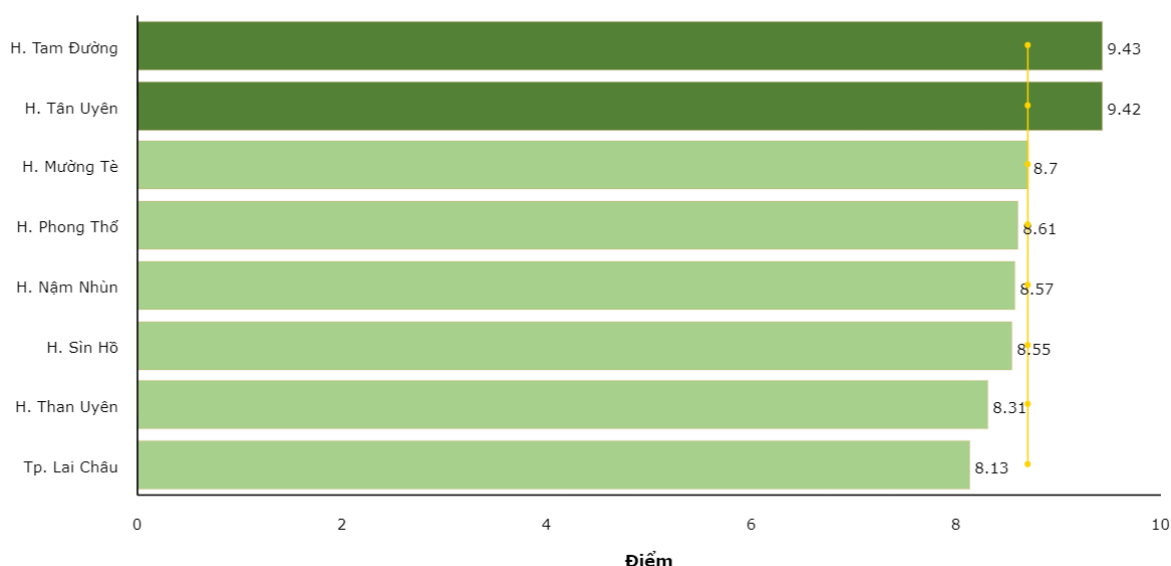
Chỉ tiêu “Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc địa phương được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, HKD có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền chưa?” chỉ đạt 5,53 điểm, và đối với thành phố Lai Châu, điểm số này chỉ là 5,2 điểm, thấp nhất trong các địa phương. Điều này cho thấy trong thời gian tới, các địa phương cần công bố các cơ chế tiếp nhận phản ánh khiếu nại như hòm thư, đường dây nóng... một cách công khai và rộng rãi hơn nữa tới các HKD.

Mặc dù thiết chế pháp lý và hiệu lực thực thi pháp luật ở Lai Châu đã có những tiến bộ đáng kể, nhưng việc quan tâm và giải quyết các vấn đề khiếu nại, tố cáo cũng như hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp vẫn còn là một ưu tiên cần được tăng cường. Các địa phương cần tập trung vào việc xây dựng cơ chế khiếu nại linh hoạt và minh bạch, đồng thời đảm bảo rằng HKD được hỗ trợ pháp lý một cách kịp thời và hiệu quả. Điều này sẽ giúp tăng cường tính minh bạch, tính công bằng và sự tin tưởng của cộng đồng HKD đối với hệ thống pháp luật và cải cách hành chính tại địa phương.

4.3.8. Vai trò người đứng đầu

Theo kết quả DDCI Lai Châu năm 2023, CSTP vai trò người đứng đầu đã ghi nhận một thành tích ấn tượng, với điểm số trung bình đạt 8,71 điểm. Đây là CSTP xếp hạng 1/10 các CSTP, thể hiện nỗ lực không ngừng từ phía lãnh đạo địa phương đã được cộng đồng HKD ghi nhận.

Biểu đồ 4.15. Điểm số CSTP “Vai trò người đứng đầu”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

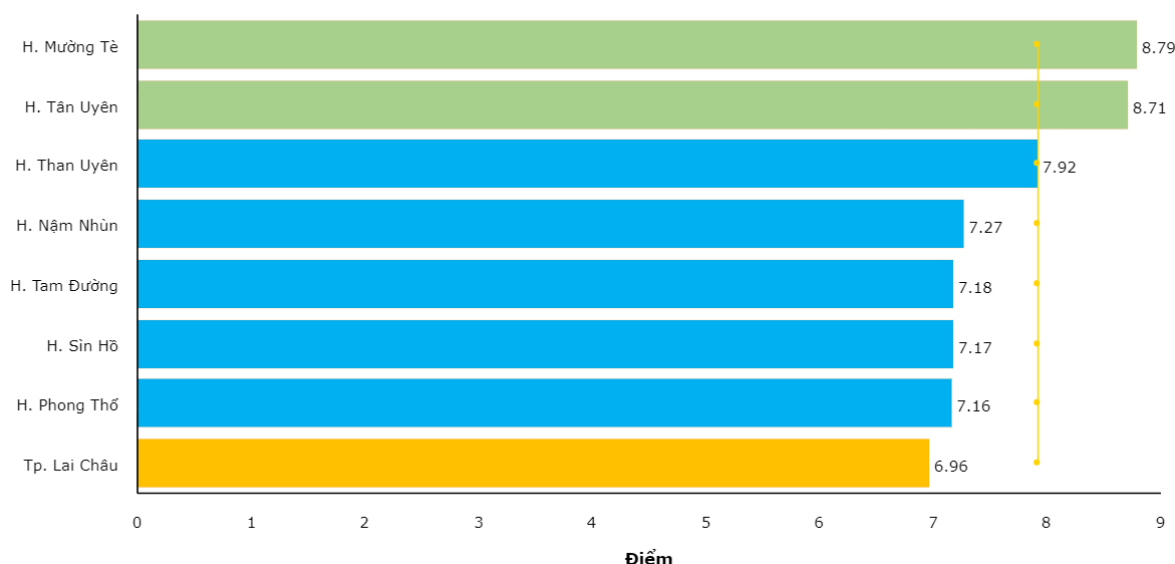
Trong nhóm điểm rất tốt (trên 9 điểm), có 2 địa phương là Tam Đường và Tân Uyên, cho thấy sự tích cực và quyết liệt trong việc đổi mới và cải thiện môi trường kinh doanh. Các địa phương khác cũng đều đạt xếp hạng tốt, với điểm số trên 8 điểm, thể hiện sự chủ động và hiệu quả của lãnh đạo địa phương trong quá trình quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp.

Đánh giá về vai trò của người đứng đầu, các HKD đã đưa ra nhiều phản hồi tích cực. Lãnh đạo địa phương không chỉ chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật và kỷ cương hành chính mà còn thực hiện những hành động cụ thể, thiết thực để giải quyết các vấn đề mà doanh nghiệp đang phải đối mặt. Điểm số của các chỉ tiêu này cũng đạt mức tốt, vượt qua ngưỡng 8,5 điểm, chứng minh sự nỗ lực không ngừng của lãnh đạo địa phương để nâng cao năng lực và tạo ra một môi trường đầu tư, kinh doanh tích cực và thông thoáng.

4.3.9. Ứng dụng công nghệ thông tin

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác xây dựng Chính quyền điện tử (CQĐT), thời gian qua, tỉnh Lai Châu đã chỉ đạo các cấp, các ngành đẩy mạnh thực hiện công tác này nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của dịch vụ công trực tuyến để cải thiện chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Biểu đồ 4.16. Điểm số CSTP “Ứng dụng công nghệ thông tin”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Dưới góc độ DDCI cấp huyện, điểm số trung bình chung của CSTP này cho toàn tỉnh Lai Châu đạt 7,65 điểm, ở mức điểm khá và là một trong hai CSTP được xếp hạng thấp nhất. Phân tích chi tiết CSTP này cho thấy một số thành tựu tích cực, đặc biệt là tại huyện Mường Tè với điểm số cao nhất là 8,79 và huyện Tân Uyên với 8,71 điểm. Các địa phương khác (trừ thành phố Lai Châu) cũng đạt mức điểm khá, với hầu hết ở trên 7 điểm. Ngược lại, thành phố Lai Châu thuộc nhóm cuối bảng xếp hạng với điểm trung bình dưới 7 điểm.

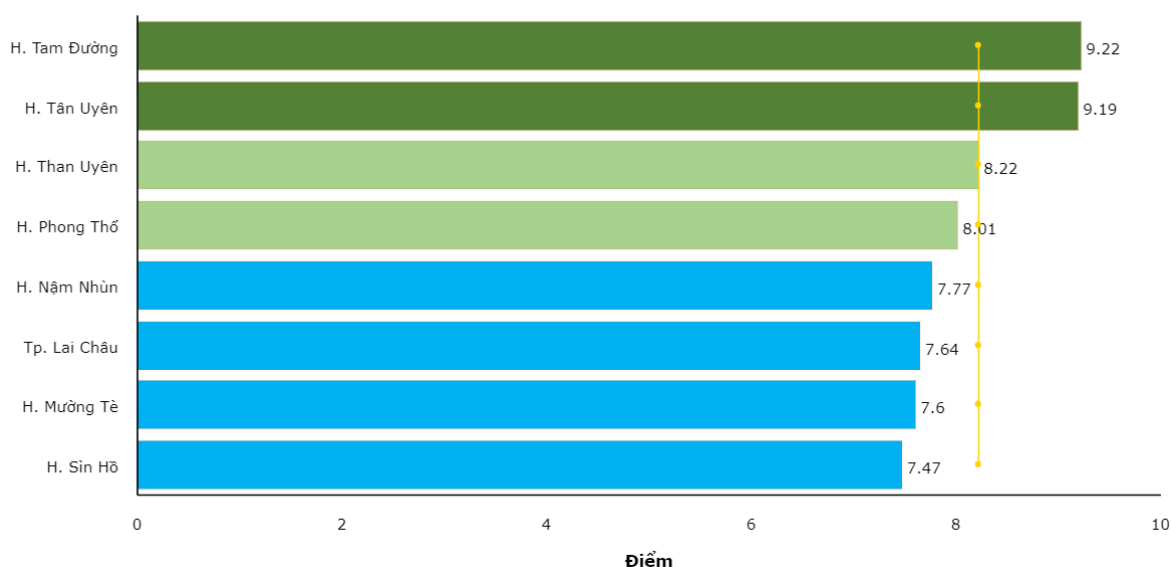
CSTP về ứng dụng công nghệ thông tin được đo lường thông qua 5 chỉ tiêu, trong đó phần lớn các chỉ tiêu đều được đánh giá ở mức khá. Tuy nhiên, chỉ tiêu “Thường xuyên truy cập vào website của địa phương để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn” chỉ đạt 7,09 điểm, với huyện Nậm Nhùn giữ vị trí thấp nhất trong các địa phương được xếp hạng với 5,5 điểm. Điều này cho thấy các địa phương tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là trong việc cung cấp thông tin trên các trang web chính thức của họ, nhằm thu hút sự quan tâm và tương tác từ phía HKD. Các địa phương trên

địa bàn tỉnh có thể áp dụng các mô hình, cách làm hay để khuyến khích việc truy cập và sử dụng thông tin công cộng có thể được triển khai để cải thiện chỉ tiêu này.

4.3.10. Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất

Lĩnh vực quản lý đất đai là một lĩnh vực quan trọng trong thẩm quyền của các huyện và thành phố, đồng thời đó là một yếu tố chủ chốt ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và tạo môi trường kinh doanh ổn định. Tuy nhiên đây cũng là lĩnh vực đối mặt với nhiều thách thức và hạn chế trong quá trình cải cách hành chính, không chỉ tại Lai Châu mà còn ở nhiều tỉnh thành trong cả nước. Chỉ số tiếp cận đất đai trong DDCI Lai Châu năm 2023 đạt điểm trung bình 8,14, xếp hạng 7/10 CSTP được đánh giá.

Biểu đồ 4.17. Điểm số CSTP “Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất”



Nguồn: Khảo sát DDCI Lai Châu, Cục Thống kê tỉnh và Economica Vietnam (2023)

Nhóm các địa phương được đánh giá ở mức rất tốt, trong đó có Tam Đường và Tân Uyên. Nhóm tiếp theo bao gồm các địa phương được đánh giá ở mức tốt, bao gồm Than Uyên và Phong Thổ. Các địa phương còn lại thuộc nhóm được đánh giá ở mức khá, với điểm số dưới 8 điểm. Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất được đánh giá khá tích cực, nguyên nhân là do các HKD chủ yếu sử dụng đất gia đình làm mặt bằng kinh doanh nên các vấn đề về tranh chấp hay rủi ro mặt bằng không quá cao. Song, các TTHC về đất đai vẫn còn nhiều trở ngại để HKD thực hiện, đặc biệt ở một số địa phương như huyện Sìn Hồ, Tp. Lai Châu, huyện Mường Tè. Việc chủ động trong giải quyết vướng mắc về đất đai tuy có số điểm cao (8,18 điểm) nhưng vẫn còn nhiều HKD cho biết việc xử lý của các địa phương chưa chủ động giải quyết triệt để.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy việc nâng cao Chỉ số tiếp cận đất đai có ý nghĩa rất lớn, một mặt góp phần cải thiện môi trường kinh doanh tại tỉnh, một mặt giải quyết một cách tối ưu những bất cập tồn tại cố hữu từ lâu nay của công tác quản lý đất đai. Từ đó, mở rộng cánh cửa thu hút đầu tư, đón dòng vốn FDI và các cơ hội mới tại tỉnh

4.4. Kết luận tổng quan về điểm số và xếp hạng các địa phương trong DDCI Lai Châu năm 2023

Điểm số trung bình của DDCI cấp địa phương năm 2023 82,17 điểm, giảm nhẹ 1,43 điểm so với năm 2022 với một số nét chính như sau:

- 8 địa phương đã có những cải thiện khi đều thuộc nhóm điểm khá, tốt hoặc rất tốt, với dải điểm phân bố trong khoảng từ 78,07 điểm đến 90,99 điểm. Đáng chú ý, không có đơn vị nào xếp hạng trung bình hoặc kém.
- Khoảng cách chênh lệch giữa địa phương đứng đầu và đứng cuối bảng đã rút ngắn hơn năm 2022 từ 20,49 điểm xuống 12,92 điểm.
- Thứ hạng các địa phương không có nhiều thay đổi. Riêng Nậm Nhùn là một trong những huyện có đột phá khi vươn lên từ vị trí thứ 6/8 năm 2022 lên vị trí thứ 3/8 năm 2023. Ngược lại, huyện Nậm Nhùn bị giảm xếp hạng từ 2/8 năm 2022 xuống 6/8 năm 2023.

CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT





CHƯƠNG V: KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

5.1. Kết luận

Khảo sát DDCI Lai Châu năm 2023 ghi nhận ý kiến đóng góp của hơn 1.200 DN, HTX, HKD. Kết quả tổng hợp đưa ra một số kết luận chính như sau:

Thứ nhất, chất lượng quản lý và điều hành của các cơ quan tại tỉnh Lai Châu ở mức khá, tiệm cận khá gần với mức điểm tốt. Song, so sánh với năm 2022 có thể nhận thấy sự giảm điểm nhẹ. Điều này được phản ánh qua việc điểm số trung bình của DDCI cấp Sở, ban giảm từ 79,53 năm 2022 xuống còn 78,71 năm 2023. Tương tự với điểm số trung bình của DDCI cấp địa phương năm 2023 khi đạt 82,17 điểm, giảm 1,43 điểm so với năm 2022. Điều này cho thấy các cơ quan cần nỗ lực nâng cao chất lượng quản lý, cải thiện môi trường kinh doanh thông thoáng để hỗ trợ DN, HTX, HKD trong bối cảnh kinh tế đang gặp nhiều thách thức. Đây cũng có thể là một cơ hội để tỉnh Lai Châu đánh giá lại những khó khăn, hạn chế và có những biện pháp, chính sách điều chỉnh, khuyến khích các mô hình sáng tạo mới, cách làm mới để tạo sự đột phá, tăng tốc cải cách.

Thứ hai, mặc dù có sự phân hóa điểm số thể hiện qua phân nhóm xếp hạng các cơ quan, nhưng khoảng cách điểm số giữa vị trí đứng đầu bảng và cuối bảng đã được thu hẹp đáng kể. Trong khối Sở, ban, ngành, khoảng cách này chỉ là 9,03 điểm theo thang điểm 100 và chỉ khoảng 0,90 điểm theo thang điểm 10. Đối với khối cơ quan địa phương, khoảng cách này chỉ là 12,92 điểm trên thang 100 và 1,29 điểm trên thang điểm 10. Bên cạnh đó, dải điểm chênh lệch không quá lớn (trong khoảng 0,1-5 điểm) giữa các cơ quan cũng thể hiện sự ổn định và đồng đều trong chất lượng quản lý và điều hành. Điều này đặt ra một thách thức lớn đối với các cơ quan ở cấp thấp hơn, đặc biệt là những cơ quan đứng cuối bảng cần tăng tốc hơn nữa, tập trung cải thiện các điểm yếu để cải thiện điểm số và thứ hạng DDCI. Như vậy, sự cạnh tranh không chỉ là một động lực mạnh mẽ mà còn là cơ hội cho sự cải thiện và phát triển bền vững trong quá trình cải cách hành chính và quản lý địa phương.

Thứ ba, nhìn vào sự thay đổi về thứ hạng giữa các cơ quan, có thể thấy có sự biến động nhất định trong nhóm Sở, ban, ngành. Trong số 21 cơ quan thuộc nhóm này, có 9 cơ quan thăng hạng, 9 cơ quan giảm thứ hạng và 3 cơ quan giữ nguyên thứ hạng. Ở cấp địa phương, có 3 địa phương thăng hạng, 1 địa phương giảm thứ hạng và 4 địa phương giữ nguyên vị trí. Những thay đổi trong thứ hạng này có thể tạo ra sự cạnh tranh tích cực giữa các cơ quan và địa phương, khuyến khích các cơ quan nỗ lực để duy trì hoặc cải thiện vị trí của mình trong bảng xếp hạng DDCI.

Thứ tư, một tín hiệu tích cực từ kết quả DDCI Lai Châu năm 2023 là tất cả các cơ quan đều thuộc nhóm điều hành khá và tốt, thể hiện sự chuyển động tích cực trong nhiều khía cạnh của môi trường kinh doanh của tỉnh, đồng thời phản ánh sự nỗ lực liên tục của các Sở, ban, ngành và chính quyền địa phương trong quá trình cải cách hành chính. Mặc dù điểm số trung bình chung có giảm nhẹ so với năm 2022, nhưng bức tranh toàn cảnh vẫn khả quan. Sự quyết tâm và tinh thần tiên phong của cơ quan quản lý đã thể hiện qua khả năng giải quyết hiệu quả các vấn đề thực tiễn trong phát triển kinh tế của Lai Châu. Đặc biệt,

cộng đồng DN, HTX, HKD đã ghi nhận những cải thiện tích cực về môi trường kinh doanh, với sự bình đẳng hóa, tính minh bạch, và tiếp cận thông tin được củng cố.

Thứ năm, các chỉ số đều có sự thay đổi nhất định. Cụ thể theo từng chỉ số thành phần đạt được những kết quả như sau:

Tính minh bạch và tiếp cận thông tin: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin ở cấp Sở, ban, ngành và cấp địa phương cho thấy sự đánh giá tích cực từ cộng đồng DN, HTX, HKD. Tuy nhiên, nhiều DN, HTX, HKD vẫn phản ánh về sự cần thiết của “mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” để có thể tiếp cận thông tin và tài liệu quan trọng. Để nâng cao minh bạch và sự tiếp cận thông tin, có thể mở rộng các kênh thông tin công cộng, cung cấp tài liệu và thông tin quan trọng một cách toàn diện trên các nền tảng trực tuyến.

Tính năng động: Tính năng động của các cơ quan tại tỉnh Lai Châu được cộng đồng DN, HTX, HKD đánh giá khá tích cực, đứng ở vị trí hàng đầu trong danh sách các chỉ số CSTP được xếp hạng. Với xếp hạng 1/9 và 3/10 tại cấp Sở, ban, ngành và cấp địa phương, điều này phản ánh sự linh hoạt và năng động trong hoạt động của các cơ quan quản lý. Mặc dù đã có những đánh giá tích cực, nhưng vẫn còn dư địa để các Sở, ban, ngành tiếp tục nâng cao chất lượng và cải cách thông qua việc tích cực, chủ động tham gia các hoạt động đối thoại.

Chi phí thời gian: Về chi phí thời gian, mặc dù được đánh giá có nhiều cải thiện trong việc cắt giảm thời gian nhưng điểm số vẫn chỉ ở mức khá. Nguyên nhân một phần là do nội dung thanh tra, kiểm tra có thể đang gặp phải sự chông chéo hoặc trùng lặp với các cơ quan khác và xuất phát từ quy trình và thủ tục hành chính tại các cơ quan vẫn còn phức tạp.

Chi phí không chính thức: CSTP này có xếp hạng thấp nhất trong DDCI, chỉ ở mức điểm trung bình khá. Do đó, cần tăng cường sự minh bạch và tính công bằng trong quá trình thực hiện TTHC, thanh tra, kiểm tra.

Cạnh tranh bình đẳng: CSTP này nhận được đánh giá tích cực từ cộng đồng DN, HTX, HKD ở cả cấp Sở, ban, ngành và cấp địa phương. Tuy nhiên, để duy trì và cải thiện điểm số, các cơ quan quản lý cần tiếp tục chú ý đến khả năng tiếp cận và quan tâm đến các nhóm đối tượng DN, HTX, HKD nhỏ và siêu nhỏ.

Hỗ trợ doanh nghiệp: Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp ở tỉnh Lai Châu, dù được cộng đồng DN, HTX, HKD đánh giá rất tích cực, nhưng vẫn cần tăng cường sự tham gia của DN, HTX. Các chính sách, chương trình hỗ trợ và hoạt động đối thoại cần được truyền thông rộng rãi để DN, HTX, HKD nắm được thông tin.

Thiết chế pháp lý: Chỉ số thiết chế pháp lý đạt mức điểm khá ở cấp Sở, ban, ngành và tốt ở cấp địa phương nhưng vẫn cần cải thiện ở một số khía cạnh như công khai cơ chế giải quyết khiếu nại tố cáo, xử lý kịp thời và nghiêm minh các trường hợp nhũng nhiễu, vi phạm quy định pháp luật.

Vai trò người đứng đầu: Vai trò của người đứng đầu được đánh giá vô cùng tích cực trong bảng xếp hạng chỉ số DDCI Lai Châu trong việc quyết liệt và thực hiện hiệu quả các chính sách, chủ trương và giải quyết những vấn đề cụ thể cho cộng đồng kinh doanh.

Ứng dụng công nghệ thông tin: Chỉ số Ứng dụng CNTT trong DDCI tại tỉnh Lai Châu hiện đang đạt mức điểm trung bình và khá, ở nhóm chỉ số thấp điểm trong các CSTP được đánh giá. Nguyên nhân xuất phát từ việc DN, HTX, HKD chưa sử dụng nhiều CNTT trong quá trình thực hiện TTHC, tìm hiểu thông tin từ các trang web của các cơ quan.

Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất: Chỉ số liên quan đến “Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất” của DDCI cấp địa phương tại tỉnh Lai Châu được đánh giá ở mức khá tốt, với điểm số trung bình đạt 8,14 - xếp hạng 7/10 trong các CSTP. Các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai cần được đơn giản hóa và xử lý kịp thời các vấn đề liên quan tới đất đai là những yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng quản lý đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế và doanh nghiệp tại tỉnh Lai Châu.

5.2. Đề xuất chi tiết cho các cơ quan

5.2.1. Đề xuất chi tiết cho các Sở, ban, ngành

- **Cải thiện chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Sở XD, Sở Tư pháp và Công an tỉnh.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Để cải thiện chỉ số về tính minh bạch và tiếp cận thông tin, các cơ quan quản lý cần thực hiện một số biện pháp quan trọng như sau:

- Cập nhật website: Hệ thống website của cơ quan cần được cải thiện với việc đảm bảo cập nhật đầy đủ và kịp thời các thông tin về biểu mẫu thủ tục hành chính (TTHC), văn bản quy phạm pháp luật mới, và thông tin liên quan đến doanh nghiệp (DN).
- Niêm yết công khai: Công khai minh bạch về phí và lệ phí, cũng như các chi phí liên quan đến thực hiện các thủ tục hành chính. Điều này giúp DN dễ dàng tra cứu và hiểu rõ về các chi phí mà họ phải chịu trong quá trình thực hiện các dịch vụ công.
- Hướng dẫn rõ ràng: Tài liệu hướng dẫn thực hiện TTHC cần được soạn thảo một cách dễ hiểu và dễ thực hiện. Điều này giúp doanh nghiệp nắm bắt đúng thông tin cần thiết và thực hiện thủ tục một cách chính xác.
- Cung cấp đầy đủ biểu mẫu: Cung cấp các biểu mẫu cần thiết để DN có thể dễ dàng chuẩn bị hồ sơ và thực hiện các thủ tục một cách thuận lợi.
- Công bố công khai văn bản pháp luật: Công khai và cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của DN, giúp doanh nghiệp theo dõi và thích nghi với các quy định mới.
- Hỗ trợ nhanh chóng: Cán bộ của cơ quan cần nhiệt tình hỗ trợ DN để giúp họ nhanh chóng hoàn thành các thủ tục và hồ sơ còn vướng mắc.
- Công khai kết quả tham vấn: Kết quả của các quá trình tham vấn cần được công khai, cung cấp thêm sự minh bạch và tham gia của cộng đồng doanh nghiệp.

- **Cải thiện chỉ số Tính năng động của Sở, ban, ngành**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Sở KH&CN, Sở XD, Cục thuế.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Để đảm bảo hiệu quả trong việc hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, các cơ quan cần thực hiện những bước và phương án sau:

- **Nắm bắt và xử lý bất cập:**
 - Các cơ quan cần nắm vững thông tin về tình hình kinh doanh, đầu tư và các vấn đề phức tạp mà doanh nghiệp đang phải đối mặt.
 - Xử lý những vấn đề trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình một cách kịp thời và hiệu quả.
- **Chủ động tham mưu và kiến nghị:**
 - Hoạch định và đề xuất các giải pháp cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư.
 - Tích cực tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh về những đề xuất hỗ trợ và chính sách có thể hỗ trợ doanh nghiệp.

- Thực hiện quyết định/chủ trương:
 - Chủ động thực hiện các quyết định và chủ trương mà UBND tỉnh đã đưa ra.
 - Đảm bảo sự đồng thuận và tích cực tham gia vào các chiến lược và kế hoạch phát triển của tỉnh.
- Hỗ trợ trong tình huống khẩn cấp:
 - Tích cực và chủ động thực hiện các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh.
 - Đề xuất và triển khai các giải pháp cụ thể để giảm thiểu ảnh hưởng của các sự kiện khẩn cấp lên doanh nghiệp.
- Tổ chức buổi đối thoại thường xuyên:
 - Tổ chức các buổi đối thoại thường xuyên giữa cơ quan và doanh nghiệp để giải đáp vướng mắc và lắng nghe ý kiến đóng góp từ doanh nghiệp.
 - Cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại và giải đáp thắc mắc nhanh chóng và đầy đủ.
- **Cải thiện chỉ số Chi phí thời gian**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Sở GTVT, Chi cục HQ, Công an tỉnh.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện:

- Tối giản hóa thủ tục:
 - Xem xét và đơn giản hóa các quy trình và thủ tục thực hiện TTHC để giảm thời gian mà doanh nghiệp phải tiêu tốn.
 - Loại bỏ các bước không cần thiết và tối ưu hóa quy trình làm việc.
- Thực hiện thanh tra và kiểm tra nghiêm túc:
 - Tổ chức thanh tra và kiểm tra theo kế hoạch, tránh làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
 - Công bố rõ ràng lịch trình thanh tra và kiểm tra.
 - Cung cấp thông tin chi tiết và minh bạch về kết quả thanh tra và kiểm tra.
- Áp dụng công nghệ thông tin:
 - Áp dụng công nghệ để thực hiện các thủ tục trực tuyến, giảm thời gian di chuyển và giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian.
 - Phát triển các hệ thống thông tin chia sẻ giữa các cơ quan liên quan để tăng cường chất lượng và giảm thời gian xử lý.
- **Cải thiện chỉ số Chi phí không chính thức**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Sở XD, Sở Công thương và NHNN.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Xây dựng và triển khai nghiêm túc các kỉ cương, quy tắc nghiệp vụ giúp giảm thiểu những chi phí không cần thiết trong quá trình giao dịch với doanh nghiệp, đồng thời tăng cường tính minh bạch và tính chính xác. Tăng cường ứng dụng CNTT, cải thiện quy trình thực hiện TTHC và sử dụng các dịch vụ công trực tuyến giúp giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính mà còn đồng thời thúc đẩy sự tiện lợi và linh hoạt trong giao tiếp giữa cơ quan quản lý và doanh nghiệp. Cuối cùng, việc nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra và kiểm tra, tối ưu hóa quá trình thanh tra, kiểm tra, giảm những phiền hà không đáng có và tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường kinh doanh trên địa bàn.

- **Cải thiện chỉ số Cạnh tranh bình đẳng**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Sở XD, BQL KTT MLT, Cục thuế.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Tăng cường hoạt động hỗ trợ DN, HTX, HKD thuộc nhóm nhỏ và siêu nhỏ tiếp cận thuận lợi với các thông tin về cơ hội kinh doanh, chính sách, TTHC và các quy định pháp luật.

- **Cải thiện chỉ số Hỗ trợ DN**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Công an tỉnh, Sở TN&MT, Chi cục HQ.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Để hỗ trợ doanh nghiệp, các cơ quan cần tăng cường tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến thông tin, hướng dẫn và triển khai các chủ trương, chính sách mới từ Trung ương và tỉnh, tập trung vào việc giải thích chi tiết về các quy định, thay đổi pháp luật, và cách thức thực hiện các chủ trương, chính sách mới. Các buổi phổ biến và hướng dẫn cần được tổ chức một cách rộng rãi, có sự tham gia đa dạng từ cộng đồng doanh nghiệp, tạo cơ hội cho DN thảo luận và đặt câu hỏi cụ thể; tổ chức các sự kiện networking, kết nối doanh nghiệp với các nguồn lực và cơ hội mới, từ đó thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp.

- **Cải thiện chỉ số Thiết chế pháp lý**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: BHHH, Sở XD, Sở TT&TT.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Cơ chế khiếu nại, tố cáo nên được thiết kế sao cho thông tin về quá trình khiếu nại và kết quả xử lý được công bố một cách minh bạch, giúp DN theo dõi và đánh giá hiệu quả của quy trình này. Trong việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch và kế hoạch, cần có sự linh hoạt để điều chỉnh nhằm phản ánh đúng và phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế sản xuất, kinh doanh của DN. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông thực hiện quy định pháp luật để làm cho thông tin pháp lý trở nên dễ hiểu, áp dụng thực tế và gắn gũi với nhu cầu cụ thể của DN.

- **Cải thiện chỉ số Vai trò của người đứng đầu**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Sở VH, TT&DL, Chi cục HQ, Sở XD.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Đầu tiên, cần thực hiện những hành động cụ thể và thiết thực nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể mà DN đang phải đối mặt, bao gồm việc tạo chương trình hỗ trợ, thực hiện chính sách ưu đãi, và đặc biệt là giải quyết những thách thức mà doanh nghiệp đang gặp phải.

Lãnh đạo cần tăng cường tương tác bằng cách trực tiếp tham gia và điều hành các buổi tham vấn, cuộc họp với DN để lắng nghe ý kiến, góp ý và đề xuất từ phía doanh nghiệp. Điều này tạo ra một môi trường tương tác và minh bạch, thúc đẩy sự hiểu biết giữa lãnh đạo và doanh nghiệp.

- **Cải thiện chỉ số Ứng dụng CNTT**

Nhóm các cơ quan cần cải thiện chỉ số này: Cục QLTT, Công an tỉnh, Sở XD.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Cần cải thiện và cập nhật liên tục hệ thống website, đầy đủ về các biểu mẫu TTHC, các văn bản quy phạm pháp luật mới và thông tin liên quan đến DN. Khuyến khích việc truy cập và sử dụng các tính năng trên trang web với DN, HTX, HKD bằng cách tổ chức các buổi tập huấn hướng dẫn, đào tạo giúp DN hiểu rõ và sử dụng hiệu quả các công cụ trên website, từ việc tra cứu thông tin đến việc nộp hồ sơ và thực hiện các thủ tục hành chính một cách thuận lợi. Đồng thời, tạo cơ hội để DN có thể đóng góp ý kiến và đề xuất các cải tiến cho hệ thống CNTT. Các cơ quan có thể xem xét và tích hợp các ý kiến đó để nâng cao chất lượng và sự hài lòng của DN khi sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

5.2.2. Đề xuất chi tiết cho các địa phương

- **Cải thiện chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Mường Tè, Nậm Nhùn, Tp. Lai Châu, Sìn Hồ và Phong Thổ.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Niêm yết công khai và cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn về thực hiện các TTHC và dịch vụ công, các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của HKD, minh bạch về phí và lệ phí. Hướng dẫn về thực hiện TTHC cần được biên soạn một cách dễ hiểu và dễ thực hiện, nhất là đối với những HKD có trình độ kỹ thuật hạn chế. Cán bộ cơ quan nhà nước cần có thái độ nhiệt tình, hỗ trợ HKD nhanh chóng hoàn thành các thủ tục và hồ sơ còn vướng mắc. Công khai kết quả tham vấn và trả lời thắc mắc/ý kiến của HKD làm tăng tính minh bạch và tạo sự tin cậy trong quá trình tương tác giữa HKD và cơ quan quản lý.

- **Cải thiện chỉ số Tính năng động của chính quyền địa phương**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Nậm Nhùn, Mường Tè, Phong Thổ, Sìn Hồ, Tp. Lai Châu và Than Uyên.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Nắm bắt và xử lý bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan địa phương; chủ động tham mưu và kiến nghị giải pháp cụ thể cho UBND tỉnh, nhằm hỗ trợ HKD. Các cơ quan địa phương nên khuyến khích sáng tạo và mạnh dạn triển khai các mô hình mới, bao gồm cả việc áp dụng công nghệ mới, thực hiện chính sách kích thích đầu tư và tạo ra môi trường kinh doanh linh hoạt và thuận lợi.

- **Cải thiện chỉ số Chi phí thời gian**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Mường Tè, Phong Thổ, Tp. Lai Châu, Than Uyên, Nậm Nhùn.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Đơn giản hóa các bước, loại bỏ các quy trình không cần thiết, và tối ưu hóa quy trình để giảm thiểu thời gian cần thiết cho việc hoàn thành các thủ tục. Ngoài ra, cần nâng cao chất lượng hoạt động thanh, kiểm tra để tránh gây ra phiền hà đối với HKD.

- **Cải thiện chỉ số Chi phí không chính thức**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Phong Thổ, Tp. Lai Châu, Mường Tè, Than Uyên.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Nghiêm túc và chặt chẽ trong việc tuân thủ các quy định kỉ cương và nghiệp vụ khi cán bộ thực hiện giao dịch với DN, HTX, HKD. Nâng cao ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) và sử dụng dịch vụ công trực tuyến giúp tăng cường sự tiện lợi và minh bạch trong quá trình giao dịch, giảm bớt thủ tục giấy tờ, tiết kiệm thời gian và chi phí cho DN, HTX, HKD. Bên cạnh đó, việc nâng cao chất lượng hoạt động thanh tra và kiểm tra là quan trọng để tránh gây những phiền hà không cần thiết cho DN.

- **Cải thiện chỉ số Cạnh tranh bình đẳng**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Mường Tè, Phong Thổ, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Than Uyên, Tp. Lai Châu.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Việc cung cấp thông tin rõ ràng và minh bạch giúp tất cả các doanh nghiệp nắm bắt cơ hội, tạo điều kiện thuận lợi cho sự tương tác, đối thoại và chia sẻ thông tin giữa các doanh nghiệp. Tạo ra các kênh tương tác như buổi hội thảo, tập huấn và trang web chuyên ngành, các cơ quan chức năng địa phương có thể thúc đẩy sự kết nối và giao lưu ý kiến giữa các HKD. Chính sách và chương trình hỗ trợ cho nhóm HKD nhỏ và siêu nhỏ tạo ra những động lực mạnh mẽ để khuyến khích sự tham gia của họ trong thị trường kinh doanh.

- **Cải thiện chỉ số Hỗ trợ DN**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Mường Tè, Tp. Lai Châu, Nậm Nhùn.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Các địa phương cần cải thiện các nội dung sau: Tổ chức các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới, ..., nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc và triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ HKD hoạt động hiệu quả hơn; Tổ chức các buổi đối thoại, Chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả; Tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung sau đối thoại; Tổ chức chương trình đối thoại thiết thực với HKD.

- **Cải thiện chỉ số Thiết chế pháp lý**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Than Uyên, Tp. Lai Châu, Mường Tè, Sìn Hồ.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Chỉ số thiết chế pháp lý cần có cơ chế khiếu nại, tố cáo minh bạch, rõ ràng; thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của HKD; thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng; điều chỉnh văn bản pháp luật phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của HKD; thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng HKD.

- **Cải thiện chỉ số Vai trò của người đứng đầu**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Mường Tè, Phong Thổ, Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Than Uyên và Tp. Lai Châu.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Các địa phương cần cải thiện các nội dung sau: Chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ; Hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của HKD; Trực tiếp điều hành các buổi tham vấn HKD; Giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của HKD sau buổi tham vấn, đối thoại; Kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền; Giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn được HKD phản ánh.

- **Cải thiện chỉ số Ứng dụng CNTT**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Nậm Nhùn, Tam Đường, Sìn Hồ, Phong Thổ, Tp. Lai Châu.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin, địa phương cần cải thiện các nội dung sau: Thường xuyên cập nhật văn bản pháp luật, các thông tin mới để đáp ứng nhu cầu thông tin của DN; Nâng cao chất lượng hoạt động website, hạn chế tình trạng treo, trễ; Đẩy mạnh việc giải quyết TTHC ở cấp độ 3 hoặc 4; Cung cấp dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến.

- **Cải thiện chỉ số Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất**

Nhóm các địa phương cần cải thiện chỉ số này: Phong Thổ, Nậm Nhùn, Tp. Lai Châu, Mường Tè, Sìn Hồ.

Đề xuất các khía cạnh cần cải thiện: Nâng cao chất lượng giải quyết TTHC liên quan đến đất đai bằng cách cung cấp thông tin minh bạch, chi tiết về các quy định và hướng dẫn là yếu tố quan trọng để giúp doanh nghiệp hiểu rõ và thực hiện đúng các quy trình. Đối với các vướng mắc về đất đai có thể gây bức xúc, địa phương cần chủ động trong việc giải quyết những thách thức này. Việc tổ chức các cuộc họp, đối thoại với các doanh nghiệp và cộng đồng sẽ giúp địa phương nắm rõ những vấn đề cụ thể và tìm ra các giải pháp phù hợp.

5.2.3. Đề xuất chung cho tỉnh Lai Châu

- **Cải thiện chất lượng dịch vụ công trực tuyến, tăng cường ứng dụng CNTT**

Cần thúc đẩy tích cực việc triển khai và khuyến khích DN, HTX, HKD sử dụng các dịch vụ công trực tuyến. Để đạt được điều này, các cơ quan quản lý cần cung cấp hướng dẫn chi tiết và minh họa rõ ràng, giúp DN, HTX, HKD thực hiện một cách dễ dàng. Công tác tuyên truyền và khuyến khích DN, HTX, HKD sử dụng cần được tăng cường thông qua nhiều hình thức tiếp cận đa dạng hơn. Một ví dụ điển hình là trang Facebook của UBND tỉnh Lai Châu, đã thu hút sự quan tâm của cộng đồng và trở thành công cụ hiệu quả để phổ biến thông tin một cách cập nhật và kịp thời.

Ngoài ra, việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng và trang thiết bị là quan trọng để đảm bảo quá trình triển khai diễn ra thuận lợi. Điều này sẽ giúp tăng cường khả năng tiếp cận và sử dụng dịch vụ công trực tuyến, đồng thời thúc đẩy sự hiệu quả và tiện ích cho DN, HTX, HKD trong quá trình tương tác với các cơ quan quản lý.

- **Tăng cường tính minh bạch thông tin**

Các thông tin cần được công khai bao gồm thời hạn xử lý thủ tục, lịch sử tiếp nhận/xử lý hồ sơ, và các thông tin giúp làm rõ tại sao hồ sơ không hợp lệ, đặc biệt trong trường hợp bị từ chối, để doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX), hộ kinh doanh (HKD) có thể tự khắc phục.

Nhu cầu của DN, HTX, HKD là có thông tin rõ ràng về tình trạng xử lý hồ sơ, không để hồ sơ bị trả về mà không có giải thích cụ thể, các sai sót trong hồ sơ được tổng hợp một lần để thông báo. Các cơ quan cần dẫn chứng rõ ràng về các lý do từ chối hồ sơ, sử dụng văn bản pháp luật để DN, HTX, HKD có thể kiểm tra và thực hiện điều chỉnh cần thiết.

Đồng thời, cần công bố tên cán bộ phụ trách giải quyết thủ tục hành chính và số điện thoại công vụ để DN, HTX, HKD có thể liên lạc khi cần thắc mắc. Các cơ quan cũng nên thiết lập quy định về phản hồi thư điện tử, câu hỏi, và đảm bảo thời gian phản hồi nhanh chóng, trong khoảng 24 giờ, để giúp DN, HTX, HKD giải đáp mọi thắc mắc một cách hiệu quả.

- **Nâng cấp các cơ chế giải đáp vướng mắc, khiếu nại cho DN, HTX, HKD**

Công tác hỗ trợ giải quyết khó khăn, vướng mắc, và khiếu nại đang đối mặt với nhiều thách thức. Các tính năng cơ bản như “Hỏi đáp và giải quyết thắc mắc, hỗ trợ pháp lý...” hiện vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng của đa số doanh nghiệp (DN), hợp tác xã (HTX), hộ kinh doanh (HKD). Dưới đây là những đề xuất để cải thiện công tác hỗ trợ trong tỉnh:

- Tiếp tục phát huy hiệu quả của tổng đài hỗ trợ 24/7: Sử dụng đường dây nóng hỗ trợ doanh nghiệp (02133883388) với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, đảm bảo sẵn sàng hỗ trợ DN, HTX, HKD với giải đáp rõ ràng.
- Đa dạng các kênh giải quyết vướng mắc: Thực hiện diễn đàn trên các mạng xã hội như nhóm Zalo, nhóm Facebook để tạo sự linh hoạt và tiện lợi cho DN, HTX, HKD.
- Công khai thông tin giải đáp: Cung cấp thông tin chi tiết về các tình huống vướng mắc và hướng giải quyết cụ thể trên các kênh truyền thông để DN, HTX, HKD có thể hiểu rõ và rút kinh nghiệm.
- Hỗ trợ từ các phòng chuyên môn: Đối mặt với số lượng gia tăng các thủ tục hành chính, cần sự hỗ trợ từ các phòng chuyên môn để giảm gánh nặng cho bộ phận hỗ trợ trung tâm. Quy trình tiếp nhận thông tin qua nhiều kênh (điện thoại, mail, thư, mạng xã hội) cần được xây dựng để đảm bảo tính hiệu quả và độ chính xác.

- Tổng hợp thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu: Tổng hợp câu hỏi và vấn đề thường gặp của DN, HTX, HKD để xây dựng cơ sở dữ liệu có thể sắp xếp, chọn lọc và chia sẻ công khai. Điều này giúp tạo ra nguồn tư liệu tham khảo khi DN, HTX, HKD gặp vấn đề tương tự.
- Kết nối DN với DN: Nghiên cứu khả năng kết nối các DN để họ có thể chia sẻ kinh nghiệm, tư vấn cho nhau khi gặp thắc mắc. Điều này không chỉ giúp DN giải quyết vấn đề nhanh chóng hơn mà còn giảm áp lực cho cán bộ hỗ trợ.
- **Tổ chức hoạt động đối thoại, tập huấn và hỗ trợ cho DN, HTX, HKD hiệu quả**

Minh bạch và chủ động trong tiếp cận DN, đối thoại với nhiều hình thức đa dạng, phát huy tính sáng tạo và linh hoạt trong đối thoại. Lãnh đạo và bộ phận tham mưu làm rõ quy trình xử lý kết luận sau đối thoại, trách nhiệm việc thanh tra, giám sát. Học tập mô hình Thừa Thiên Huế như lập tổ công tác liên ngành để xử lý những hồ sơ phức tạp cần sự hỗ trợ kịp thời. Nghiên cứu áp dụng thí điểm đối thoại với DN qua trang Fanpage của UBND tỉnh để xử lý các tình huống DN gặp phải, xây dựng được hình ảnh một chính quyền thân thiện, hiện đại.

Phát huy vai trò cầu nối của Hiệp hội DN và Hiệp hội chuyên ngành đại diện cho tiếng nói của DN. Hiệp hội phải tiên phong trong đổi mới, năng động, dẫn dắt định hướng đầu tư kinh doanh mới của tỉnh, là kênh thông tin kịp thời về tình hình DN và cán bộ công chức, có đủ sức đề xuất những kiến nghị thoả đáng hoặc hiến kế vì cái chung cho sự phát triển kinh tế.

- **Nghiêm túc đẩy mạnh cắt giảm chi phí không chính thức**

Tỉnh và các cơ quan đơn vị tiếp tục việc làm rà soát cơ chế hợp tác trong các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, phát hiện, hoàn thiện, bổ sung cơ chế hợp tác giữa các cơ quan để giảm thiểu rủi ro chi phí không chính thức. Tập trung rà soát ở các lĩnh vực nhạy cảm liên quan đến nguồn lực địa điểm kinh doanh, cơ sở kinh doanh, nguồn lao động của DN như tình trạng trẻ hẹn, dây dora trong giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC, phổ biến ở một số lĩnh vực trọng tâm.

Tỉnh cũng cần đặt mục tiêu cụ thể để rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Nhà nước đã quy định thời gian tối đa để giải quyết thủ tục hành chính, thời gian TTHC càng dài dễ phát sinh chi phí không chính thức do sự “nôn nóng” muốn xong việc của DN với nhiều trạng thái nhu cầu và động cơ khác nhau.

- **Kiểm soát, thực hiện tốt các nội dung thanh tra, kiểm tra chéo**

Thanh tra, kiểm tra mang tính hướng dẫn chuẩn mực để DN thực thi pháp luật. Về lâu dài, hoạt động hỗ trợ hướng dẫn đối với các DN để giảm thiểu xử lý sai phạm sau thanh tra để xây dựng thương hiệu uy tín DN, góp phần DN lớn mạnh, niềm tin của DN vào môi trường kinh doanh hấp dẫn. Thống nhất về hỗ trợ DN, về các nội dung, lĩnh vực có tác động xấu diện rộng thuộc diện thanh kiểm tra để đảm bảo thanh kiểm tra là một hành động cần thiết, bảo vệ môi trường kinh doanh bình đẳng. Cần triệt để giao nhiệm vụ cho cơ quan thanh tra tỉnh trong việc làm đầu mối kiểm soát các hoạt động thanh kiểm tra trên địa bàn. Theo đó, mọi cuộc thanh tra theo kế hoạch phải được thông báo trước, cần đảm bảo nội dung thanh tra, kiểm tra phải giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước được giao, theo đúng tinh thần Chỉ thị 20/2017/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

5.3. Đề xuất cho khảo sát DDCI Lai Châu các năm tới

Hiệu chỉnh phương pháp luận DDCI Lai Châu theo phương pháp luận mới PCI năm 2021 và PCI năm 2022: Loại bỏ các chỉ tiêu không còn phù hợp và bổ sung những chỉ tiêu mới, đảm bảo các chỉ số phản ánh đúng và đầy đủ những thách thức đang diễn ra trong cộng đồng doanh nghiệp. Cơ cấu lại các chỉ số để phản ánh chất lượng điều hành kinh tế một cách chính xác và liên quan. Việc này đòi hỏi sự linh hoạt trong việc định rõ mối quan hệ giữa các chỉ số và khả năng đo lường sự tiến bộ cụ thể của các cơ

quan và địa phương. Mục tiêu là đảm bảo rằng DDCI không chỉ là một công cụ đánh giá, mà còn là động lực để thúc đẩy các cơ quan cải cách và nâng cao năng lực.

Đẩy mạnh khảo sát trực tuyến: Để nâng cao hiệu quả của việc khảo sát DDCI Lai Châu trong thời gian tới, cần khuyến khích nhóm DN/HTX/HKD tham gia khảo sát trực tuyến. Cụ thể, việc thử nghiệm khảo sát trực tuyến trên các nền tảng chuyên biệt sẽ được tăng cường, mang lại sự thuận tiện và linh hoạt cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trong quá trình đánh giá môi trường kinh doanh cấp địa phương.

Để tăng tỉ lệ phản hồi, hoạt động truyền thông cần được tăng cường, bao gồm việc thông báo rõ ràng và rộng rãi về việc tham gia khảo sát trực tuyến, kèm theo hướng dẫn chi tiết để giúp các doanh nghiệp tham gia một cách dễ dàng. Sự hỗ trợ chủ động từ các cán bộ điều tra sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn và theo dõi tiến độ và chất lượng của quá trình khảo sát.

Tăng cường công tác truyền thông: Để đảm bảo sự thành công của việc khảo sát DDCI trong các năm tiếp theo, công tác truyền thông sẽ đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra sự nhận thức và tham gia tích cực từ cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Điều này đòi hỏi sự hỗ trợ mạnh mẽ từ các Sở, ban, ngành và chính quyền địa phương.

Các phương án truyền thông cần tăng cường nhận thức về ý nghĩa và mục đích của dự án khảo sát DDCI. Các thông điệp cần được xây dựng sao cho dễ hiểu và gần gũi với cộng đồng DN, HTX, HKD. Các phương tiện truyền thông địa phương, đặc biệt là báo, đài, và mạng xã hội, giúp truyền đạt thông điệp và tăng tỉ lệ tham gia.

Tăng cường sự tham gia hỗ trợ của các Hiệp hội doanh nghiệp: Các cơ quan, tổ chức đại diện cho DN/HTX/HKD như các Hiệp hội doanh nghiệp cần phối hợp và hỗ trợ nhiều hơn trong quá trình triển khai DDCI. Sự vào cuộc chủ động, trách nhiệm của cộng đồng DN/HTX/HKD mà đại diện là Hiệp hội doanh nghiệp, các hội doanh nghiệp - doanh nhân có vai trò then chốt khi tổng hợp và thu thập thông tin rất hữu ích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam (2015-2022), “*Báo cáo Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2015-2018 (SIPAS 2015-2022)*”.
2. CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2009-2022), “*Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2009-2022*”.
3. Chính phủ Việt Nam (2020a), Nghị quyết số 84/NQ-CP, ngày 29 tháng 5 “*Về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19*”
4. CIEM và ADB (2017), “*Chính thức hóa” hộ kinh doanh ở Việt Nam*”.
5. Cục Thống kê tỉnh Lai Châu (2021-2022), “*Niên giám thống kê Lai Châu năm 2021-2022*”.
6. Cục Thống kê tỉnh Lai Châu (2021-2023), “*Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2021-2023*”.
7. Economica Vietnam (2018), “*Khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam: Năng suất và Thịnh Vượng*”
8. Edmund J. M. (2008), “*A Peek Under the Engine Hood: The Methodology of the Asia*”
9. GEM và VCCI (2016), “*Báo cáo về tinh thần khởi nghiệp toàn cầu - Việt Nam 2015/2016*”.
10. GSO (2005 - 2021), “*Niên giám thống kê các năm 2005 – 2021*”.
11. Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ (2018-2021), “*Báo cáo chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính APCI 2018-2021*”
12. MPI/ GSO (2015-2016), “*Báo cáo khảo sát lực lượng lao động*”, Tổng cục Thống kê/ Bộ KHĐT, Hà Nội, Việt Nam
13. Quốc hội Việt Nam (2020), Nghị quyết số 116/2020/QH14, ngày 19 tháng 6 “*Về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác*”
14. UBND tỉnh Lai Châu (2022), “*Báo cáo kinh tế - xã hội*”
15. UBND tỉnh Lai Châu (2022), “*Báo cáo cải cách hành chính*”
16. USAID/VNCI-VCCI (2006-2022), “*Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (2006–2022)*”. www.pcivietnam.org/reports.php
17. VCCI (2018-2021), “*Báo cáo dòng chảy pháp luật kinh doanh 2018-2021*”
18. VCCI (2021), “*Báo cáo thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư - đất đai - xây dựng - môi trường. Một số kết quả từ khảo sát doanh nghiệp năm 2020*”
19. VCCI (2021), “*Báo cáo nghiên cứu giải pháp cắt giảm gánh nặng chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp*”
20. VCCI (2021), “*Báo cáo: Chương trình cải cách môi trường kinh doanh Việt Nam: Góc nhìn từ doanh nghiệp*”
21. VCCI (2021), “*Báo cáo: Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về việc thực hiện thủ tục hành chính xuất nhập khẩu*”

22. VCCI (2010-2017), *Báo cáo nghiên cứu MEI: Chỉ số hiệu quả hoạt động xây dựng và thị hành pháp luật về kinh doanh của các Bộ 2010-2017*
23. VCCI (2010-2019), *“Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam”*, NXB Chính trị Quốc gia
24. VCCI (2019), *“Báo cáo đánh giá cải cách thủ tục hành chính thuế”*, Hà Nội.
25. VCCI (2020), *“Báo cáo đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp và thời gian thực hiện thủ tục hành chính qua cơ chế một cửa quốc gia”*, Hà Nội
26. VCCI (2018), *“Sổ tay hướng dẫn sử dụng kết quả điều tra chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh”*.
27. World Bank (2018-2020), *“Doing Business 2018-2020”*
28. Bộ luật số: 45/2019/QH14, *Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019*
29. Luật số: 77/2015/QH13, *Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015*.
30. Luật số: 104/2016/QH13, *Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 04 năm 2016*
31. Luật số: 47/2019/QH14, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019*.
32. Luật số: 20/VBHN-VPQH, *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngày 15 tháng 07 năm 2020*

PHỤ LỤC

1. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																					
	BQL KKT CK ML T	Sở Côn g Thư ơng	Sở GTV T	Sở GD& ĐT	Sở KH& ĐT	Sở KH& CN	Sở LD- TB&X H	Sở NN &PT NT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở TT& TT	Sở Tư pháp	Sở VH, TT& DL	Sở XD	Sở Y tế	Cục Thuế	BH XH	Công an tỉnh	NH NN	Chi cục HQ	Cục QL TT	Tỉnh
1 - TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN	7.78	7.87	7.68	8.14	8.22	7.98	7.93	8.01	7.94	8.12	7.87	7.55	8.22	7.63	8	7.95	7.95	7.48	8.32	7.71	7.76	7.91
1. Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công của SBN niêm yết công khai, đầy đủ	8.96	8.63	8.33	8.83	8.97	8.55	8.88	8.9	8.75	8.85	8.33	8.21	8.96	8.5	8.79	8.69	8.88	8.25	9.29	8.18	8.6	8.68
2. Cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện	8.96	8.56	8.33	8.92	8.97	8.68	8.79	8.78	8.82	8.85	8.33	8.45	8.75	8.44	8.63	8.69	8.75	8.31	9.29	8.18	8.54	8.67
3. Dễ dàng tiếp cận, sử dụng các biểu mẫu TTHC	8.96	8.5	8.4	9	8.78	8.55	8.79	8.66	8.68	8.72	8.33	8.57	8.54	8.44	8.71	8.56	8.62	8.31	9.29	8.18	8.54	8.63
4. Các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của DN được SBN công bố công khai	9.17	8.44	8.33	8.92	8.85	8.55	8.79	8.54	8.75	8.72	8.54	8.45	8.54	8.44	8.71	8.56	8.55	8.31	9.29	8.18	8.35	8.62
5. Phí và lệ phí được SBN công khai minh bạch	8.96	8.38	8.26	8.83	8.78	8.68	8.88	8.54	8.62	8.72	8.33	8.45	8.65	8.38	8.79	8.69	8.62	8.38	9.29	7.95	8.29	8.59
6. Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc	8.96	8.31	8.21	8.83	8.65	8.55	8.53	8.35	8.75	8.65	8.33	7.98	8.7	8.25	8.79	8.59	8.42	8.06	9.29	7.5	8.14	8.47
Câu 2. DN đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử (Website) của Sở, Ban, Ngành để tìm kiếm thông tin chưa?	5.5	7.38	7.78	8.33	7.63	8.06	7.41	7.68	7.89	7.18	7	6.67	7.27	7.38	7.31	7.89	7.5	6.28	7	7	6.1	7.25
1. Các biểu mẫu TTHC được đăng tải đầy đủ trên website của sở, ban, ngành	8.13	8.68	8.13	9	9.29	8.54	8.39	8.75	8.41	8.97	7.92	7.86	9.17	7.76	8.42	8.44	8.25	7.95	8.75	8.75	8.33	8.47
2. Website của SBN đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật mới	8.13	8.42	7.75	8.75	9.05	8.54	8.21	8.64	8.18	9.12	7.92	7.86	9.17	7.89	8.42	8.54	8.38	7.95	8.75	8.13	8.06	8.37

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																					
	BQL KKT CK ML T	Sở Côn g Thư ơng	Sở GTV T	Sở GD& ĐT	Sở KH& ĐT	Sở KH& CN	Sở LD- TB&X H	Sở NN &PT NT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở TT& TT	Sở Tu pháp	Sở VH, TT& DL	Sở XD	Sở Y tế	Cục Thuế	BH XH	Công an tỉnh	NH NN	Chi cục HQ	Cục QL TT	Tỉnh
3. Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập vào website của SBN khi thực hiện TTHC là đơn giản, dễ dàng	8.13	8.16	7.75	8.25	8.93	8.54	8.21	8.3	8.3	8.68	8.33	7.86	8.96	7.76	8.16	8.65	8.38	7.95	8.75	8.75	8.61	8.35
4. DN nhanh chóng để tìm được thông tin trên website của SBN	8.13	8.55	8	8.5	9.17	8.33	8.57	8.64	8.3	8.82	8.75	7.86	8.96	7.89	8.42	8.44	8.13	7.5	8.75	8.13	8.06	8.38
5. Website công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của DN	8.13	8.16	8	8.63	8.81	8.33	8.21	8.18	7.84	8.53	8.75	7.86	9.38	7.76	8.47	8.33	8.25	7.5	8.75	8.13	8.61	8.31
1. SBN công khai lấy ý kiến DN khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến DN tính đến hết tháng 12	8.54	8.06	8.19	7.75	8.65	7.63	8.19	7.99	8.16	8.01	8.33	7.74	8.44	7.63	8.02	8.38	8.36	7.81	9.17	7.75	7.8	8.12
2. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC	3.96	4.88	4.86	4.75	4.36	5.13	4.57	5.06	4.87	4.94	5.21	4.64	4.9	4.94	5.09	4.44	4.87	4.75	4.58	5.45	5.12	4.83
3. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của SBN	4.17	5	4.93	4.75	4.42	5	4.57	5.12	4.74	5.06	5.63	4.76	4.9	5	5.34	4.44	5.26	4.88	4.58	5.45	5.3	4.92
2 - TÍNH NĂNG ĐỘNG CỦA SỞ, BAN, NGÀNH	8.02	8.31	8.17	8.38	8.85	7.92	8.3	8.09	8.45	8	8.54	8.27	8.05	7.91	8.1	7.89	8.33	8.42	9.17	7.95	7.96	8.24
1. SBN nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình	8.33	8.56	8.54	8.5	9.04	8.03	8.62	8.11	8.55	8.21	8.75	8.57	8.54	7.94	8.06	8.25	8.42	8.5	9.29	7.95	8.17	8.43
2. SBN chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh	8.13	8.38	8.26	8.33	8.97	7.89	8.62	8.05	8.55	8.14	8.54	8.33	8.54	7.88	8.15	8.13	8.42	8.56	9.29	7.95	7.87	8.33

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																					
	BQL KKT CK ML T	Sở Côn g Thư ơng	Sở GTV T	Sở GD& ĐT	Sở KH& ĐT	Sở KH& CN	Sở LD- TB&X H	Sở NN &PT NT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở TT& TT	Sở Tư pháp	Sở VH, TT& DL	Sở XD	Sở Y tế	Cục Thuế	BH XH	Công an tỉnh	NH NN	Chi cục HQ	Cục QL TT	Tỉnh
3. SBN tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh	8.33	8.44	8.19	8.58	8.72	8.16	8.36	8.29	8.49	7.95	8.54	8.81	8.54	8.06	8.06	7.81	8.49	8.75	9.29	7.95	8.11	8.38
4. SBN đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh	7.71	8.5	8.19	8.33	8.78	7.89	8.28	8.23	8.68	7.95	8.33	8.45	7.92	8.13	8.31	7.75	8.36	8.38	9.29	8.18	7.99	8.27
5. Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN	7.92	8	7.85	8.33	8.72	7.76	8.1	7.99	8.22	7.95	8.54	7.98	7.5	7.63	7.98	7.88	8.22	8.13	8.93	8.18	7.8	8.08
6. Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN	7.71	8	7.99	8.17	8.85	7.76	7.84	7.87	8.22	7.83	8.54	7.5	7.28	7.82	8.06	7.5	8.09	8.19	8.93	7.5	7.81	7.97
3 - CHI PHÍ THỜI GIAN	8.68	7.99	7.81	8.34	8.33	7.91	8.22	7.97	7.88	8.04	8.07	8.01	8.14	7.88	7.98	8.05	8.17	7.75	8.82	7.79	7.84	8.08
1. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đúng quy định	8.54	8.56	8.4	9	9.04	8.03	8.79	8.48	8.42	8.65	8.54	8.1	8.33	8.25	8.39	8.69	8.82	8.27	9.29	8.64	8.5	8.56
2. Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, dễ thực hiện	8.33	8.44	8.4	9	8.85	7.89	8.71	8.35	8.49	8.53	8.75	8.1	8.13	8.19	8.39	8.69	8.55	8.21	9.29	8.41	8.38	8.48
3. Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể	8.54	8.25	8.4	9	8.91	8.16	8.71	8.35	8.36	8.46	8.54	7.86	8.02	8	8.39	8.56	8.75	8.27	9.29	8.18	8.19	8.44
4. Không phát sinh các thủ tục, giấy tờ ngoài quy định	8.13	8.63	8.4	8.62	9.23	8.16	8.97	8.6	8.22	8.42	8.54	7.98	8.13	8.19	8.39	8.88	8.82	8.27	8.93	8.41	8.25	8.48
5. DN phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC	8.75	7.63	7.43	7.58	7.56	7.5	7.59	7.74	6.97	7.44	6.67	7.62	8.02	7.88	7.58	7.24	7.5	7.3	8.21	7.27	7.44	7.57

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																					
	BQL KKT CK ML T	Sở Côn g Thư ơng	Sở GTV T	Sở GD& ĐT	Sở KH& ĐT	Sở KH& CN	Sở LD- TB&X H	Sở NN &PT NT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở TT& TT	Sở Tu pháp	Sở VH, TT& DL	Sở XD	Sở Y tế	Cục Thuế	BH XH	Công an tỉnh	NH NN	Chi cục HQ	Cục QL TT	Tỉnh
a. Số lần các đoàn công tác của SBN tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN là:	7	7	7.83	7.87	8.46	6.84	8.62	7.76	8.32	7.23	6.73	9	8.8	7.8	7.33	7.05	8.38	7.4	6.67	8.67	7.56	7.73
1. Không có hiện tượng những nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của SBN	9.5	8.15	7.66	8.21	8.5	8.13	8.06	7.89	7.92	8.13	8.75	8	8.89	7.89	7.89	8.18	7.95	7.5	9.5	6.67	7.83	8.15
2. Hoạt động thanh kiểm tra của SBN không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN	9.5	8.37	7.5	8.39	8.5	8.54	8.33	7.76	8.13	8.29	8.33	8	9.17	7.89	8.16	8.18	7.95	7.38	9.5	6.67	7.83	8.21
3. Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành	9	8.26	7.81	8.04	9	8.75	8.33	7.89	7.71	8.42	8.33	8	8.89	7.89	8.03	8.41	8.18	7.62	9.5	7.5	8.04	8.27
4. Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các SBN khác hoặc chính quyền địa phương	9.5	6.63	6.25	7.68	5.25	7.08	6.11	6.84	6.25	6.81	7.5	7.5	5	6.84	7.24	6.59	6.82	7.26	8	7.5	6.36	6.91
4 - CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC	7.64	6.73	6.99	7.06	7.14	7.11	7.36	7.03	7.32	7.01	7.08	7.22	7.22	6.85	7.1	7.09	6.97	6.92	6.43	6.97	6.95	7.06
1. Hiện tượng những nhiễu vẫn còn phổ biến, gần như thành yêu cầu mặc định ngầm	8.33	7.31	7.29	7.42	8.01	7.37	7.84	7.56	7.43	7.63	7.5	7.5	8.02	7.5	7.82	7.81	7.17	7.56	6.79	7.5	7.5	7.57
2. DN phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi	8.54	7.31	7.64	7.58	7.95	7.37	7.76	7.8	7.57	7.69	7.92	7.5	8.02	7.5	7.82	7.94	7.37	7.25	7.14	7.5	7.62	7.66
3. Chi phí không chính thức năm có xu hướng giảm so với các năm trước.	6.04	5.56	6.04	6.17	5.45	6.58	6.47	5.73	6.97	5.71	5.83	6.67	5.63	5.56	5.65	5.53	6.38	5.94	5.36	5.91	5.73	5.95
5 - CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG	7.67	7.73	7.83	8.17	8.7	7.75	8.17	8.12	8.22	7.95	8.13	8.71	7.73	7.72	7.87	7.66	8.36	8.41	9.1	7.94	7.94	8.09

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																					
	BQL KKT CK ML T	Sở Côn g Thư ơng	Sở GTV T	Sở GD& ĐT	Sở KH& ĐT	Sở KH& CN	Sở LD- TB&X H	Sở NN &PT NT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở TT& TT	Sở Tu pháp	Sở VH, TT& DL	Sở XD	Sở Y tế	Cục Thuế	BH XH	Công an tỉnh	NH NN	Chi cục HQ	Cục QL TT	Tỉnh
1. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh	7.5	7.81	7.71	8.33	8.46	7.63	8.1	7.99	8.03	7.88	8.33	8.69	7.71	7.44	8	7.44	8.22	8.5	8.75	7.95	7.87	8.02
2. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn vốn.	7.5	7.69	7.92	8.17	8.72	7.63	8.1	8.11	8.22	7.88	8.13	8.69	7.81	7.38	7.9	7.69	8.36	8.31	9.17	7.95	7.93	8.06
3. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử giữa các DN với nhau khi thực hiện TTHC, dịch vụ công	7.5	7.69	8.14	8.08	8.65	7.76	8.28	8.17	8.22	7.88	8.13	8.69	7.5	7.63	7.74	7.5	8.49	8.5	9.17	7.95	8.05	8.08
4. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các chính sách ưu đãi	7.71	7.56	7.71	7.92	8.72	7.63	8.19	8.17	8.36	7.88	7.92	8.69	7.6	7.81	7.74	7.56	8.22	8.25	9.17	7.95	7.87	8.03
5. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đầu thầu, khai thác khoáng sản,...)	7.71	7.56	7.5	8.08	8.65	7.76	8.02	8.05	8.03	7.88	8.13	8.69	7.71	7.81	7.74	7.56	8.36	8.13	9.17	8	7.8	8.02
6. Các DN do nữ làm chủ/điều hành và các DN do nam giới làm chủ/điều hành đều được đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền lợi như nhau	8.13	8.06	7.99	8.42	8.97	8.06	8.3	8.23	8.49	8.27	8.13	8.81	8.02	8.27	8.06	8.19	8.49	8.75	9.17	7.81	8.11	8.32
6 - HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP	7.24	7.92	7.59	7.79	8.65	7.97	7.24	7.45	7.39	6.99	7.72	7.26	8.23	7.41	8.19	7.44	8.75	7.21	8.52	6.25	8.01	7.68
Câu 10. DN đã tham gia các chương trình hỗ trợ DN (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát?	6.5	6.75	6.86	7.17	7.05	7.37	6.38	6.34	6.05	6.18	6.67	5.75	6.04	6.54	6.55	6.63	6.45	5.75	8.57	5	5.85	6.5
1. Hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc	8.13	8.21	7.68	8.08	8.75	8.33	7.5	8.18	7.81	7.5	8.13	8.13	9	7.92	8.86	7.69	9.77	8.33	8.5	7.5	8.21	8.2

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																					
	BQL KKT CK ML T	Sở Côn g Thư ơng	Sở GTV T	Sở GD& ĐT	Sở KH& ĐT	Sở KH& CN	Sở LD- TB&X H	Sở NN &PT NT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở TT& TT	Sở Tu pháp	Sở VH, TT& DL	Sở XD	Sở Y tế	Cục Thuế	BH XH	Công an tỉnh	NH NN	Chi cục HQ	Cục QL TT	Tỉnh
2. Triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn	9.38	8.21	8.04	8.08	8.75	8.33	7.19	7.73	8.13	7.25	8.13	8.13	9	7.5	8.18	7.12	9.77	8.33	8.5	7.5	8.21	8.16
3. Chương trình hỗ trợ của SBN rất phù hợp với nhu cầu và thực tiễn hoạt động của DN	8.13	8.21	8.21	7.69	8.75	8.33	7.5	7.73	8.44	7.5	8.13	8.13	9	7.5	8.41	7.5	9.77	7.92	8.5	7.5	8.21	8.15
Câu 11. DN đã từng tham gia các buổi đối thoại DN do SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát tổ chức?	5.83	6.25	6.21	6.33	6.18	6.39	5.86	5.61	5.66	5.92	6.36	5.48	5.83	5.88	6.03	5.9	6.08	5.5	8.57	5	5.49	6.02
1. Chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả	6.25	8.75	8.13	8.44	9.72	8.33	7.5	8	8	7.19	8.13	7.5	9	8.21	9.17	8.44	9.38	6.88	8.5	5	9.38	8.09
2. Đơn vị có tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau đối thoại	6.25	8.75	7.81	8.75	10	8.33	8	8	7.5	7.19	8.13	7.5	9	7.92	9.17	7.81	9.69	7.5	8.5	5	9.38	8.1
3. Chương trình đối thoại với SBN rất thiết thực với DN	7.5	8.25	7.81	7.81	10	8.33	8	8	7.5	7.19	8.13	7.5	9	7.86	9.17	8.44	9.06	7.5	8.5	7.5	9.38	8.21
7 - THIẾT CHẾ PHÁP LÝ	7.64	7.9	7.91	8.16	8.12	7.68	7.9	7.92	7.99	7.99	7.54	8.45	8.15	7.58	7.98	7.89	7.58	8.04	8.46	7.68	7.86	7.92
1. SBN đã thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của DN	8.13	8.25	8.13	8.42	8.85	8.03	8.36	8.29	8.36	8.33	7.92	8.93	8.54	7.81	8.31	8.19	8.22	8.56	9.29	7.95	8.23	8.34
2. Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định	8.13	8.31	8.47	8.67	8.85	8.03	8.28	8.35	8.36	8.46	7.92	9.05	8.44	8.19	8.47	8.25	8.29	8.44	8.93	8.18	8.23	8.39
3. Thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng	8.13	8.31	8.06	8.42	8.91	8.16	8.28	8.29	8.36	8.46	7.92	8.93	8.54	7.75	8.31	8.19	8.36	8.5	8.93	7.95	8.29	8.33
4. Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN	7.92	8.06	8.13	8.5	8.78	7.76	8.1	8.23	8.42	8.27	7.71	8.93	8.65	7.75	8.31	8.25	8.49	8.25	8.93	7.95	8.11	8.26

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																					
	BQL KKT CK ML T	Sở Côn g Thư ơng	Sở GTV T	Sở GD& ĐT	Sở KH& ĐT	Sở KH& CN	Sở LD- TB&X H	Sở NN &PT NT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở TT& TT	Sở Tư pháp	Sở VH, TT& DL	Sở XD	Sở Y tế	Cục Thuế	BH XH	Công an tỉnh	NH NN	Chi cục HQ	Cục QL TT	Tỉnh
5. Thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng DN	7.92	8.19	8.33	8.67	8.85	8.03	8.19	8.29	8.22	8.27	7.92	8.69	8.54	7.81	8.39	8.13	8.42	8.19	8.57	8.18	8.17	8.28
6. DN đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của SBN	7.92	8.25	8.26	8.58	8.65	8.24	8.1	8.19	8.42	8.21	7.71	8.81	8.54	7.81	8.25	8.33	8.36	8.31	8.57	7.5	8.01	8.24
Câu 13. Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc SỞ, BAN, NGÀNH được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, DN có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền chưa?	5.33	5.9	6	5.87	5.79	5.56	6	5.8	5.79	5.89	5.67	5.81	5.83	5.9	5.86	5.9	5.68	6	6	6	6	5.84
1. Khiếu nại luôn được giải quyết thỏa đáng	N/A	N/A	N/A	N/A	10	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	7.5	N/A	N/A	N/A	N/A	8.75
2. Có cơ chế đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại	N/A	N/A	N/A	N/A	10	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	7.5	N/A	N/A	N/A	N/A	8.75
3. DN phải khiếu nại vượt cấp	N/A	N/A	N/A	N/A	2.5	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A	5	N/A	N/A	N/A	N/A	3.75
8 - VAI TRÒ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU	8.02	8.19	8.09	8.32	8.84	7.96	7.9	8.01	8.43	8.01	8.23	8.63	7.9	7.82	8.15	8.04	8.3	8.43	8.81	7.88	8.07	8.19
1. Lãnh đạo SBN chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ	8.13	8.38	8.26	8.5	8.91	8.16	8.19	8.17	8.55	8.27	8.33	8.81	8.23	7.88	8.23	8.13	8.42	8.69	8.93	7.95	8.23	8.35
2. Lãnh đạo SBN có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN	8.13	8.5	8.29	8.33	9.04	8.03	7.84	8.17	8.55	8.27	8.33	8.81	7.81	7.81	8.06	8.19	8.49	8.38	8.93	7.95	8.29	8.3
3. Lãnh đạo SBN trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN	8.13	8.38	8.19	8.25	8.97	7.76	7.84	8.11	8.42	8.14	8.33	8.69	7.92	7.81	8.15	8.06	8.29	8.44	8.93	8.18	8.05	8.24

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																					
	BQL KKT CK ML T	Sở Côn g Thư ơng	Sở GTV T	Sở GD& ĐT	Sở KH& ĐT	Sở KH& CN	Sở LD- TB&X H	Sở NN &PT NT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở TT& TT	Sở Tư pháp	Sở VH, TT& DL	Sở XD	Sở Y tế	Cục Thuế	BH XH	Công an tỉnh	NH NN	Chi cục HQ	Cục QL TT	Tỉnh
4. Lãnh đạo SBN giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN sau buổi tham vấn, đối thoại	7.92	7.88	7.99	8.25	8.78	7.92	7.67	7.87	8.29	7.69	8.13	8.21	7.4	7.69	8.06	8	8.16	8.31	8.93	7.73	7.87	8.03
5. Lãnh đạo SBN kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	7.92	7.88	7.78	8.25	8.72	7.89	7.93	7.87	8.29	7.76	8.13	8.57	8.13	7.94	8.15	7.88	8.22	8.38	8.57	7.73	7.99	8.09
6. Lãnh đạo SBN đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, gây khó khăn được DN phản ánh	7.92	8.13	8.06	8.33	8.59	8.03	7.93	7.87	8.49	7.95	8.13	8.69	7.92	7.81	8.23	8	8.24	8.38	8.57	7.73	7.99	8.14
9 - ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	7.75	7.56	7.5	7.89	8.23	8.05	7.88	7.55	7.67	7.58	7.58	7.48	7.38	7.23	7.76	7.76	7.5	7.34	8.36	7.69	7.34	7.67
1. Website của SBN đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của DN khi thực hiện TTHC	7.92	7.81	7.71	8.17	8.53	8.03	8.36	7.87	7.76	7.82	7.5	7.74	7.6	7.5	8.06	8.06	7.63	7.5	8.57	7.95	7.5	7.89
2. Thường xuyên truy cập vào website của sở, ban, ngành để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn	7.5	7.69	7.64	8.08	8.27	8.03	8.1	7.62	7.7	7.5	7.71	7.5	7.6	7.31	7.74	8.06	7.5	7.56	8.57	7.73	7.44	7.76
3. Website của sở, ban, ngành hoạt động chất lượng, hiệu quả	7.71	7.44	7.29	7.83	8.14	8.29	7.67	7.5	7.63	7.63	7.71	7.5	7.29	7.06	7.58	7.75	7.5	7.19	8.57	7.5	7.07	7.61
4. TTHC của sở, ban, ngành được thực hiện ở cấp độ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	7.5	7.06	7.22	7.25	7.88	7.89	7.33	7.2	7.3	7.31	7.29	7.02	6.88	7.06	7.5	7.06	7.24	6.88	7.86	7.5	7.07	7.3
5. Website có dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến	8.13	7.81	7.64	8.1	8.33	8.03	7.93	7.56	7.96	7.63	7.71	7.62	7.5	7.19	7.9	7.88	7.63	7.56	8.21	7.75	7.62	7.79
Tổng	7.83	7.8	7.73	8.03	8.34	7.81	7.88	7.79	7.92	7.74	7.86	7.95	7.89	7.56	7.9	7.75	7.99	7.78	8.44	7.54	7.75	7.87

2. Kết quả DDCI cấp địa phương

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								Tổng
	Tp. Lai Châu	H. Tam Đường	H. Mường Tè	H. Sìn Hồ	H. Phong Thổ	H. Than Uyên	H. Tân Uyên	H. Nậm Nhùn	
1- TÍNH MINH BẠCH VÀ TIẾP CẬN THÔNG TIN	7.86	8.81	8.22	7.81	7.79	8.5	9.11	7.93	8.26
1. Tài liệu hướng dẫn về thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC), dịch vụ công của ĐP niêm yết công khai, đầy đủ	8.53	9.29	9.41	8.79	8.71	9.29	9.65	8.35	9
2. Cách thức hướng dẫn về thực hiện TTHC dễ hiểu, dễ thực hiện	8.58	9.29	9.5	8.63	8.7	9.32	9.65	8.2	8.98
3. Dễ dàng tiếp cận, sử dụng các biểu mẫu TTHC	8.69	9.29	9.45	8.58	8.75	9.36	9.65	8.2	9
4. Các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của DN được ĐP công bố công khai	8.44	9.36	9.5	8.96	8.57	9.32	9.65	8.1	8.99
5. Phí và lệ phí được ĐP công khai minh bạch	8.81	9.46	9.55	9.04	8.86	9.32	9.65	8.4	9.14
6. Cán bộ nhiệt tình hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc	8.55	9.25	9.59	8.42	8.71	9.29	9.65	8.45	8.99
Câu 2. DN đã từng truy cập vào cổng thông tin điện tử (Website) của ĐỊA PHƯƠNG để tìm kiếm thông tin chưa?	6.22	6.14	6.27	5.42	5.64	5.29	5.54	5.9	5.8
1. Các biểu mẫu TTHC được đăng tải đầy đủ trên website của ĐP	8.72	9.38	8.93	8	8.61	10	9.29	8.61	8.94
2. Website của ĐP đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật mới	8.65	9.84	8.75	8	8.33	10	9.29	8.33	8.9
3. Yêu cầu thủ tục đăng ký và truy cập vào website của ĐP khi thực hiện TTHC là đơn giản, dễ dàng	8.65	9.06	8.75	7.5	8.33	10	8.93	8.06	8.66
4. DN nhanh chóng để tìm được thông tin trên website của ĐP	8.59	9.22	8.75	7.5	8.61	10	8.93	7.78	8.67
5. Website công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của DN	8.33	8.91	8.75	7.5	8.06	9.38	8.57	7.78	8.41

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								Tổng
	Tp. Lai Châu	H. Tam Đường	H. Mường Tè	H. Sin Hồ	H. Phong Thổ	H. Than Uyên	H. Tân Uyên	H. Nậm Nhùn	
1. ĐP công khai lấy ý kiến DN khi xây dựng dự thảo các văn bản pháp luật liên quan đến DN tính đến hết tháng 12	8.33	9.14	8.36	8.21	8.29	7.79	9.5	7.65	8.41
2. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong giải quyết TTHC	4.45	7.32	3.91	6.17	4.32	4.61	9.31	7.6	5.96
3. “Mối quan hệ với cán bộ cơ quan nhà nước” giúp các DN thuận lợi hơn trong tiếp cận với các thông tin, tài liệu quan trọng của ĐP	4.42	7.25	3.86	6.46	4.32	4.57	9.35	7.6	5.98
2 - TÍNH NĂNG ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG	8.31	9.27	8.56	8.47	8.49	8.24	9.46	8.63	8.68
1. ĐP nắm bắt và có phương án xử lý được những bất cập, vướng mắc trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình	8.53	9.46	8.55	8.63	8.64	8.96	9.5	8.65	8.87
2. ĐP chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh các đề xuất/giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh	8.36	9.5	8.64	8.58	8.39	8.43	9.42	8.6	8.74
3. ĐP tích cực vào cuộc thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh	8.39	9.5	8.68	8.96	8.57	8.68	9.5	8.6	8.86
4. ĐP đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh	8.3	9.11	8.59	8.42	8.61	7.79	9.5	8.65	8.62
5. Sáng tạo, mạnh dạn triển khai các mô hình mới, cách thức mới trong việc triển khai chủ trương, chính sách của TW, quyết định của UBND tỉnh theo hướng có lợi cho cộng đồng DN	8.14	9.14	8.64	8.58	8.43	7.93	9.38	8.7	8.62

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								Tổng
	Tp. Lai Châu	H. Tam Đường	H. Mường Tè	H. Sìn Hồ	H. Phong Thổ	H. Than Uyên	H. Tân Uyên	H. Nậm Nhùn	
6. Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại giải đáp các vướng mắc với DN	8.16	8.93	8.27	7.63	8.32	7.64	9.46	8.55	8.37
3 - CHI PHÍ THỜI GIAN	8.23	8.96	8.44	8.68	8.29	8.06	9.18	7.75	8.45
1. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) đúng quy định	9.03	9.39	9.68	8.88	9.14	9.21	9.69	8.7	9.22
2. Quy trình và thủ tục thực hiện TTHC đơn giản, dễ thực hiện	8.86	9.21	9.64	8.75	9.07	9.07	9.65	7.7	8.99
3. Thời gian giải quyết TTHC giảm đáng kể	8.77	9.71	9.5	8.75	9.04	8.96	9.65	7.8	9.02
4. Không phát sinh các thủ tục, giấy tờ ngoài quy định	8.8	9.43	9.27	8.58	9.11	8.64	9.65	7.5	8.87
5. DN phải đi lại nhiều lần để hoàn tất TTHC	7.86	9.11	7.77	8.21	8.04	8.18	9.54	8.8	8.44
a. Số lần các đoàn công tác của ĐP tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN là:	7.73	7.2	6.29	8.6	7.03	8.57	6.49	6.8	7.34
1. Không có hiện tượng nhiễu loạn trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của ĐP	8.12	9.36	8.48	9.12	8.13	6.67	9.17	7.5	8.32
2. Hoạt động thanh kiểm tra của ĐP không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN	8.37	7.86	8.33	8.68	8.13	7.74	9.35	7.5	8.24
3. Nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành	8.33	9.14	8.71	8.68	8.13	7.74	9.35	7.5	8.45
4. Nội dung thanh kiểm tra chồng chéo/trùng lặp với các Sở, Ban, Ngành	6.41	9.14	6.74	8.53	7.07	5.83	9.27	7.71	7.59
4 - CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC	7.24	8.36	7.24	7.58	7.4	6.68	9.14	7.52	7.65
1. Hiện tượng nhiễu loạn vẫn còn phổ biến, gây như thành yêu cầu mặc định ngầm.	7.98	8.96	7.64	8.17	8.43	6.57	9.12	7.55	8.05

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								Tổng
	Tp. Lai Châu	H. Tam Đường	H. Mường Tè	H. Sìn Hồ	H. Phong Thổ	H. Than Uyên	H. Tân Uyên	H. Nậm Nhùn	
2. DN phải trả chi phí không chính thức nếu muốn công việc được thuận lợi	7.97	8.68	7.91	8.21	8.29	6.61	9.27	7.5	8.05
3. Chi phí không chính thức năm có xu hướng giảm so với các năm trước.	5.78	7.43	6.18	6.38	5.5	6.86	9.04	7.5	6.83
5 - CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG	8.31	9.43	8.67	8.33	8.6	8.33	9.4	8.55	8.7
1. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh	8.2	9.25	8.77	8.42	8.54	8.25	9.38	8.55	8.67
2. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn vốn	8.17	9.29	8.68	8.29	8.61	8.29	9.31	8.55	8.65
3. Không có sự ưu ái, phân biệt đối xử giữa các DN với nhau khi thực hiện TTHC, dịch vụ công	8.34	9.5	8.68	8.33	8.71	8.32	9.42	8.55	8.73
4. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các chính sách ưu đãi	8.13	9.5	8.55	8.33	8.5	8.43	9.42	8.55	8.68
5. Không có sự ưu ái với một hoặc một số nhóm DN trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đầu thầu, khai thác khoáng sản,...)	8.38	9.57	8.68	8.04	8.5	8.32	9.42	8.55	8.68
6. Các DN do nữ làm chủ/điều hành và các DN do nam giới làm chủ/điều hành đều được đối xử bình đẳng và có các cơ hội, quyền lợi như nhau.	8.64	9.5	8.64	8.58	8.75	8.36	9.42	8.55	8.81
6 - HỖ TRỢ SẢN XUẤT, KINH DOANH	7.33	7.9	7.38	7.96	7.78	8.03	8.44	7.02	7.73
Câu 10. DN đã tham gia các chương trình hỗ trợ DN (mời tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát?	5.63	5.87	7	5.08	5.51	5.21	8.15	5.4	5.98
1. Hỗ trợ DN nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc	8	8.27	8.18	10	8.57	9.17	9.21	7.5	8.61

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								Tổng
	Tp. Lai Châu	H. Tam Đường	H. Mường Tè	H. Sìn Hồ	H. Phong Thổ	H. Than Uyên	H. Tân Uyên	H. Nậm Nhùn	
2. Triển khai các chương trình (của Trung ương và tỉnh) và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn	8	9.04	8.07	10	8.21	9.17	9.09	8.13	8.71
3. Chương trình hỗ trợ của ĐP rất phù hợp với nhu cầu và thực tiễn hoạt động của DN	7.88	8.27	8.18	10	8.57	9.17	9.09	7.5	8.58
Câu 11. DN đã từng tham gia các buổi đối thoại DN do ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát tổ chức?	5.47	6	5.09	5.25	5.36	5.29	6.62	5.1	5.52
1. Chủ trương giải quyết vấn đề sau đối thoại có hiệu quả	7.67	8.04	7.5	7.5	8.5	8.75	8.45	7.5	7.99
2. Đơn vị có tiếp thu, thay đổi, hoạt động quản lý hành chính nói chung được cải thiện sau đối thoại	7.83	8.93	7.5	7.5	8.5	8.75	8.45	7.5	8.12
3. Chương trình đối thoại với ĐP rất thiết thực với DN	8.17	8.75	7.5	8.33	9	8.75	8.45	7.5	8.31
7 - THIẾT CHẾ PHÁP LÝ	8.06	8.89	7.5	7.31	8.31	8.17	8.94	8.43	8.2
1. ĐP đã thực hiện hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch vì lợi ích của DN	8.63	9.29	8.68	8.42	8.96	8.46	9.46	8.9	8.85
2. Thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định	8.63	9.43	8.77	8.33	8.96	8.82	9.46	8.9	8.91
3. Thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các nhóm đối tượng	8.39	9.64	8.73	8.08	8.86	8.64	9.46	8.9	8.84
4. Văn bản pháp luật được điều chỉnh phù hợp và kịp thời với thực tế sản xuất, kinh doanh của DN	8.39	9.54	8.64	8.29	8.61	8.25	9.42	8.9	8.75
5. Thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đến cộng đồng DN	8.63	9.46	8.64	8.75	8.89	8.32	9.46	8.9	8.88

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								Tổng
	Tp. Lai Châu	H. Tam Đường	H. Mường Tè	H. Sin Hồ	H. Phong Thổ	H. Than Uyên	H. Tân Uyên	H. Nậm Nhùn	
6. DN đánh giá cao về chất lượng thi hành, thực thi pháp luật của ĐP	8.56	9.04	8.73	8.29	8.82	8.68	9.46	8.9	8.81
Câu 13. Trong trường hợp cán bộ, nhân viên thuộc ĐỊA PHƯƠNG được khảo sát làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC, DN có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền chưa?	5.2	5.83	5.27	5.47	5.09	6	5.82	5.6	5.53
1. Khiếu nại luôn được giải quyết thỏa đáng	N/A	N/A	5	5	N/A	N/A	N/A	N/A	5
2. Có cơ chế đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong giải quyết khiếu nại	N/A	N/A	5	5	N/A	N/A	N/A	N/A	5
3. DN phải khiếu nại vượt cấp	N/A	N/A	7.5	7.5	N/A	N/A	N/A	N/A	7.5
8- VAI TRÒ CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU	8.13	9.43	8.7	8.55	8.61	8.31	9.42	8.57	8.71
1. Lãnh đạo ĐP chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ	8.23	9.57	8.86	8.71	8.86	8.79	9.42	8.65	8.89
2. Lãnh đạo ĐP có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của DN	8.05	9.54	8.82	8.54	8.61	8.11	9.42	8.55	8.7
3. Lãnh đạo ĐP trực tiếp điều hành các buổi tham vấn DN	8.09	9.21	8.41	8.58	8.46	7.86	9.42	8.55	8.57
4. Lãnh đạo ĐP giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề cụ thể của DN sau buổi tham vấn, đối thoại	8.03	9.25	8.68	8.58	8.39	7.79	9.42	8.55	8.59
5. Lãnh đạo ĐP kiên trì cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	8.14	9.61	8.77	8.71	8.61	8.71	9.42	8.55	8.82
6. Lãnh đạo ĐP đã giám sát và có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý các cán bộ có hành vi những nhiễu, gây khó khăn được DN phản ánh	8.22	9.43	8.68	8.17	8.71	8.61	9.38	8.55	8.72

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								Tổng
	Tp. Lai Châu	H. Tam Đường	H. Mường Tè	H. Sìn Hồ	H. Phong Thổ	H. Than Uyên	H. Tân Uyên	H. Nậm Nhùn	
9 - ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	6.96	7.18	8.79	7.17	7.16	7.92	8.71	7.27	7.65
1. Website của ĐP đáp ứng đầy đủ nhu cầu thông tin của DN khi thực hiện TTHC	7.25	7.21	8.82	8	7.5	8.14	9.15	7.75	7.98
2. Thường xuyên truy cập vào website của ĐP để tìm kiếm các thông tin mà doanh nghiệp mong muốn	6.7	7	8.77	6.63	7.11	7.21	7.81	5.5	7.09
3. Website của ĐP hoạt động chất lượng, hiệu quả	6.89	7.18	8.82	7.13	6.89	8.07	8.73	7.7	7.68
4. TTHC của ĐP được cung cấp đầy đủ các mức độ dịch vụ công trực tuyến	6.72	7.43	8.77	7.04	6.82	8.18	9.23	7.7	7.74
5. Website của ĐP có dịch vụ hỏi, đáp/hỗ trợ trực tuyến	7.25	7.07	8.77	7.04	7.5	8.01	8.62	7.7	7.74
10 - TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI	7.64	9.22	7.6	7.47	8.01	8.22	9.19	7.77	8.14
1. DN gặp khó khăn trong việc tiếp cận hoặc mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh	7.53	9.43	7.05	6.96	7.96	7.64	9.22	7.6	7.92
2. DN gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai tại các cơ quan Nhà nước của địa phương	7.44	9.36	7.5	7.04	8.04	7.93	9.1	7.7	8.01
3. Có hiện tượng DN bị thu hồi đất đai (mặt bằng dự án đầu tư) không thỏa đáng	7.83	9.25	8.27	7.92	8.14	7.89	9.18	8.1	8.32
4. Chính quyền công khai, minh bạch các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương	7.69	9.07	7.36	8	7.96	9	9.22	7.8	8.26
5. Chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương	7.72	9	7.82	7.42	7.96	8.64	9.22	7.65	8.18
Tổng	7.81	8.75	8.11	7.93	8.05	8.05	9.1	7.94	8.22



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

DDCI
LAI CHÂU

BÁO CÁO 2023 DDCI LAI CHÂU



<https://laichau.ddci.org.vn/>

